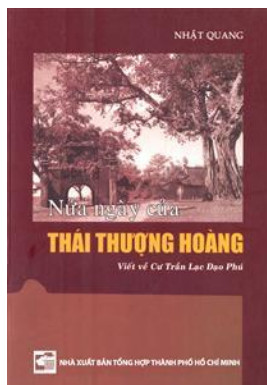


Nửa Ngày Của Thái Thượng Hoàng



HT Nhật Quang

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au>

Chuyển sang ebook 14-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH
HỘI THỨ NHẤT
HỘI THỨ HAI
HỘI THỨ BA
HỘI THỨ TƯ
HỘI THỨ NĂM
HỘI THỨ SÁU

HỘI THỨ BẢY
HỘI THỨ TÁM
HỘI THỨ CHÍN
HỘI THỨ MƯỜI

---o0o---

LỜI ĐẦU SÁCH

Nỗi trần trở lớn của con người là cuộc sống và danh dự cuộc sống. Sống thế nào có ý nghĩa, có sự nghiệp và danh dự sáng ngời. Mang một kiếp người mất quyền sống vì bị lệ thuộc vào nhiều thứ thì nỗi ray rứt đắng cay mãi mãi đeo mang suốt đời. Và như thế, cuộc sống sẽ mất hết ý nghĩa, mất sức vươn lên, mất sức sống. Để rồi cuối bước phiêu lãng, không ít khách phong trần đã phải ngửa mặt ngậm từng ngậm mây trôi: “Ta trải một đời xuôi ngược, mọi thứ qua nhanh. Tuy nhiên, miếng chung đỉnh vẫn mù tăm, vẫn lao đao lận đận tự thuở nào!”

Cười nhạt một thoáng, giật mình một giấc, Điều Ngự Giác Hoàng choàng dậy trong nhung lụa mơ màng. Bất ngờ như chưa từng có, hiển hiện như chưa từng không. Thượng Hoàng Trần Nhân Tông, Ngài đã vươn lên trong khoảng đời khó vươn lên nhất, thấp sáng hiện hữu, bừng dậy tròn đầy một sức sống cho mình cùng tha nhân. “Nửa gian lều quý nửa thiên cung. Ba phiến ngói yêu hơn lầu gác”. Đã thế, có gì ngần ngại để biến chốn kinh kỳ thành núi rừng muôn thuở. An nhiên, tự tại, giải thoát hoàn toàn. Thượng Hoàng đồng dạc bước lên thẳng đầu nguồn với suối rừng chim hót, hoa cỏ xinh tươi, sống một đời ai dám buộc ràng?

Tuy nhiên như thế, Ngài đã để lại tấm gương cho hậu thế soi chung về một cuộc đời mẫu mực dung hòa. Bên thì vui đạo, bên lại vẹn đời. Ngài hoàn thành một cách tuyệt vời nếp sống ở đời vui đạo qua bài phú Cư Trần Lạc Đạo. Tất cả những gì Thượng Hoàng tâm đắc, tâm nguyện và tâm chứng trong từng hơi thở của mình đều in trên khuôn bản đó, đến nay vẫn còn lung linh sức sống đạo giữa cõi đời ô trược này. Thử bắt đầu bằng phân nửa ngày của Thượng Hoàng rồi ta sẽ thấy bình yên giữa thế gian. Ta sẽ sống và sống trong tâm đạo huy hoàng sáng rực. Từ đó, mọi ưu phiền vứt sạch, tùy duyên linh hoạt, không còn nữa những ngày buông hình bắt bóng, bôn ba xuôi ngược trong vạn nẻo tử sinh.

Trên tinh thần đó, thiền tăng Thường Chiếu đã được Hòa thượng Ân sư từng bước dìu dắt tu hành theo dấu Tổ sư Trúc Lâm. Và một lần nữa, chúng tôi đã cùng huynh đệ cúi mình học tập lại cuộc sống của Điều Ngự Giác Hoàng. Học Thượng Hoàng Trần Nhân Tông là sống thực và là cuộc sống vui tích cực, hài hòa, lắng yên trên đỉnh cao của sự thế. Ta không chạy trốn bao giờ. Ta vẫn là ta giữa tất cả mà trọn vẹn, sống động, an nhiên, siêu thoát. Nhận thấy sự lợi ích lớn lao và nét đẹp tiêu sái của Ngài qua bài phú Cư Trần Lạc Đạo, thiền sinh Thường Chiếu đã ghi lại bài giảng của chúng tôi để anh em lấy đó làm khuôn phép trên bước đường tu hành. Tùy hỷ và chân thành hòa cùng tâm nguyện của huynh đệ, mong tất cả chúng ta sẽ vui sống đạo như chính Tổ sư đã dạy, nên tôi cho ra mắt tác phẩm này.

Nửa ngày của Thái Thượng Hoàng ra đời với những lời nói mộc mạc chân tình cùng huynh đệ trong nhà, nên không sao tránh khỏi những sơ suất của nó. Mong bạn đọc chỉ nhận ý quên lời, để chúng ta cùng nhau chia sẻ chút niềm vui. Được thế, chúng tôi không ngại lời lẽ vụng về, xin được đặt bút ghi lại đôi dòng tặng quê.

Thiền viện Thường Chiếu, Ngày đầu Xuân Giáp Thân

THÍCH NHẬT QUANG

---o0o---

CƯ TRẦN LẠC ĐẠO PHÚ

Đây là bài phú do Sơ Tổ Trúc Lâm tức vua Trần Nhân Tông sáng tác bằng chữ Nôm. Khi Ngài còn là một cư sĩ, ở ngai vua mà đã liễu ngộ lẽ thật của đạo, mới cảm khái nên bài phú này. Trước khi đi vào bài phú, chúng ta cũng nên sơ lược đôi nét về Sơ Tổ Trúc Lâm.

Vua Trần Nhân Tông (1258 - 1308), 21 tuổi lên ngôi Hoàng đế (1279). Lúc làm vua, ông vẫn đến chùa Tư Phước trong đại nội học đạo. Năm 1293 Ngài nhường ngôi cho con là Anh Tông, lên làm Thái thượng hoàng. Trong một ngày, phân nửa thời gian Ngài dạy con trông coi việc nước, phân nửa thời gian còn lại nghiên cứu nội điển.

Tháng 10 năm Kỷ Hợi (1299), Ngài xuất gia, lên núi Yên Tử tu hạnh đầu đà, lấy hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngộ đạo nơi Tuệ Trung Thượng Sĩ, lấy câu “Phản quan tự kỷ bỏn phận sự, bất tùng tha đắc” của Tuệ Trung dạy làm phương châm tu hành của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Năm Hưng Long thứ 15, Ngài truyền y bát cho Pháp Loa. Năm này Pháp Loa được 24 tuổi (1307).

Năm Hưng Long thứ 16, ngày 01-11 Mậu Thân (1308), Ngài an nhiên thị tịch, thọ 51 tuổi. Pháp Loa theo di chúc của Ngài làm lễ hỏa táng, thu được xá lợi năm màu để vào bình tôn thờ nơi Đức Lăng và xây tháp ở chùa Vân Yên núi Yên Tử, để hiệu là Huệ Quang Kim Tháp, dâng tôn hiệu là Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tĩnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật.

Hòa thượng dạy chư tăng trong Thiền viện phải học thuộc bài phú này. Học thuộc không chưa đủ mà còn phải hiểu và hành cho tới nơi tới chốn nữa. Do đó hôm nay chúng ta cùng học lại từng hội và tìm hiểu ý nghĩa cho thật cặn kẽ những gì Sơ Tổ Trúc Lâm đã chỉ dạy trong ấy, để cùng nhau nỗ lực công phu, hầu đạt được kết quả tốt đẹp trong việc tu tập của mình.

Vì đây là văn chữ Nôm xưa, nên sau mỗi hội, nếu thấy cần thiết chúng tôi sẽ có phần chú để giải thích những chữ Nôm xưa ra Việt ngữ ngày nay cho quý vị tiện việc tham khảo.

---o0o---

HỘI THỨ NHẤT

Mình ngồi thành thị;

Nét dùng sơn lâm.

Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tánh;

Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.

Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý;

Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.

Chơi nước biếc, ăn non xanh, nhân gian có nhiều người

đắc ý;

Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ nằng mây chủ tri âm.

Nguyệt bạc vầng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng;

Liễu mềm hoa tốt, ngắt quân sanh tuệ nhật sâm lâm.

Lo hoán cốt, ước phi thăng, đan thân mới phục;

Nhắm trường sanh, về thượng giới, thuốc thử còn đâm.

Sách Dịch xem chơi, yêu tánh sáng yêu hơn châu báu;

Kinh nhàn đọc dẫu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim.

Chú thích:

- Nét: Nếp.
- Rôi: Rảnh rỗi.
- Dầu: Mặc tình.
- Mấy chủ: Mấy chú.
- Vùng xanh: Vàng xanh, chỉ bầu trời.
- Thiên hà: Sông thiên.
- Sâm lâm: Bủa khắp.
- Dấu: Thích thú. “Đọc dấu” là đọc một cách thích thú.
- Trọng nữa: Trọng hơn.

GIẢNG:

Hội thứ nhất, Ngài nói tâm trạng của riêng mình, đồng thời cũng là tâm trạng chung của những vị chuyên tâm tu hành. Tuy ở đâu, không nhất thiết là thành thị hay thôn quê, rừng núi, bất cứ hoàn cảnh nào mình cũng phải tu hành, tâm tư cũng trong sạch thuần tịnh. Người biết tu lúc nào cũng ứng dụng được đạo, không luận ở đạo tràng hay trên non cao mới tu được. Đó là chân tinh thần tu hành, nhất là tu Thiên.

Đôi với vọng tưởng mà hện một thời gian, một cơ hội nào đó mình sẽ điều phục thì xem như là đầu hàng nó rồi. Ngay bây giờ không trị nó thì nó trị mình, lôi dẫn mình đi thôi. Mà nó lôi được mình là mạnh hơn mình rồi, càng lôi thì càng mạnh hơn, làm gì có chuyện mai một mình quật được nó, thắng nó. Hơn nữa chúng ta nên nhớ vô thường không cho phép chúng ta hện. Trông ngóng mong đợi một cái gì ở ngày mai tức là ta tự hủy diệt từng phút giây sống hiện tại. Cho nên tự mỗi chúng ta ý thức tu hành, ý thức công phu, áp dụng cho được đạo lý vào đời sống của mình. Và cái thể hiện được đạo lý trong đời sống hằng ngày của mình chính là sự an nhàn tịnh lạc nơi mỗi chúng ta.

Vua Trần Nhân Tông nói lên tâm trạng của Ngài là tâm trạng của một người có trách nhiệm lớn, và những thứ vật chất cảm dỗ hay nhiều thứ khác nữa của một bậc đế vương mà chúng ta không có, nhưng Ngài vẫn tu được. Ngài nuôi dưỡng tâm đạo liên tục đến cuối cùng đi đến giai đoạn xuất gia và thành đạo. Vì thế những gì Ngài ghi lại trong bài phú này đều là chỗ sống thực, chỗ chiêm nghiệm Phật pháp của Ngài trong cuộc đời, lúc còn đang ở thế gian cũng như khi sắp về núi. Tuy ở tại chốn ồn ào nhất mà vẫn hành đạo được, vẫn an vui với đạo.

Ngài nói rằng tuy ở thành thị mà tâm không vương danh lợi; sống an nhàn tự tại, toàn bày thể tánh của mình. Nếu chúng ta không phải là người vững tâm, không có sự cả quyết đối với cuộc đời mình, đối với việc tu hành của mình, thì rất dễ lêu lổng lơ đãng qua ngày, đặc biệt trong giai đoạn hạ thủ công phu. Vì lý do này lý do khác, chúng ta chênh mảng để cho các việc tạp nhạp xen vô sinh hoạt tu tập của mình. Điều này người xưa gọi là một nắng mười mưa. Đó là vì chúng ta yếu, không đủ sức tinh sáng, nên gặp đâu là mắc mứu đó.

Nếu chúng ta có một thái độ dứt khoát, nắm vững chủ trương đường lối rõ ràng, một bề nhìn thẳng tiến tới thì nhất định chúng ta sẽ vượt qua tất cả những cái tầm thường của thân tâm này. Vì chưa có được những phút giây phấn đấu quyết liệt nên chúng ta cứ lang thang trong vòng trần lao phiền não mãi thôi. Đôi khi tôi thấy mình giống như lục bình trôi vậy, dòng nước lên thì trôi lên bề bề, dòng nước xuống thì theo dòng nước mà bề bề xuống, nghĩa trôi giạt là như thế.

Ở đây, Tổ nói tuy ở thành thị mà tâm không vương danh lợi, sống một cách an nhàn, đó là sống được với tánh giác. Chúng ta ngày nay cũng học theo Tổ, tuy đang ở giữa cuộc đời này, chung quanh có vô vàn những sự việc phải tiếp cận, phải đối diện, nếu mình luôn tỉnh táo sáng suốt thì sẽ được bình ổn, ngược lại không khéo tinh sáng thì bất ổn. Cũng cùng một sự việc, mà người có trí tuệ ứng xử khác, người si mê ứng xử khác. Người trí tuệ thì sống trong mọi hoàn cảnh đều được an vui, kẻ si mê dù ở trên đồng nhưng lựa cũng khổ đau như thường. Khổ đau vì không thấy đủ, vì tham lam, sân hận, ích kỷ v.v... Trong cuộc sống tương giao, nếu chúng ta không khéo sẽ dễ xảy ra nhiều vấn đề không vui với nhau. Những mâu thuẫn ấy dần dần lớn lên, nếu không hóa giải cho tiêu dứt thì nó sẽ trở thành dòng sông nghịch lưu nhấn chìm chúng ta trong phiền não khổ đau.

Một vị vua đang ngồi trên ngai với bao nhiêu việc bề bộn của quốc gia, vậy mà Ngài tu hành được, để lại những kinh nghiệm cho chúng ta noi theo tu tập. Thật quý giá biết chừng nào! Câu kệ tiếp Ngài nói, tự mình tỉnh táo nề nếp công phu, mỗi ngày qua là mỗi an nhiên rộng sáng. Ngài đã sắp đặt được việc tu hành của mình, phát triển liên tục không để gián đoạn. Dù bận rộn việc nọ việc kia, vất vả cách mấy Ngài cũng giữ công phu nề nếp. Nề nếp nghĩa là giữ đều đặn, Ngài tu tập như một người bình thường, chứ không phải xuất cách như các Thiền sư nói “*một nghe ngàn ngộ*” hay “*một nhảy vào thẳng đất Như Lai*”. Nề nếp là có bài bản liên tục, đều đặn mà đâu ra đó.

Giống như sinh hoạt ở các Thiền viện vậy, cứ sáng năm giờ nghe một hồi kiếng là xả thiền, sáu giờ nghe một tiếng bảng là tiểu thực, bảy giờ nghe tiếng kiếng là chấp tác, mười giờ nghe một hồi kiếng là nghỉ làm việc, mười một giờ nghe tiếng bảng là thụ trai v.v... cho tới đi học, tụng kinh, tọa thiền, ngủ nghỉ luôn luôn có chuông kiếng hướng dẫn đều đặn như vậy. Ban ngày thì nghe lệnh báo ban ngày, ban đêm thì nghe lệnh báo ban đêm, theo một nề nếp. Nề nếp này tuy ta không thấy nhưng mình làm sai là có người thấy liền. Ví dụ như tôi các vị am thất chung quanh Thiền viện thường hay lắng nghe tiếng hô thiền khoảng bảy giờ rưỡi, hôm nào tới bảy giờ bốn mươi phút mà không nghe tiếng hô thiền là người ta biết ngay ông thầy chịu trách nhiệm hô thiền hôm đó đã chệnh mảng rồi. Bởi vì nhờ nghe hô thiền, nghe tiếng chuông hòa quyện với âm thanh của một thiền sinh, hô lớn lên những lời nhắc nhở của chư Tổ để mọi hành giả bước vào giờ tu tập. Chung quanh mọi người nghe rõ ràng như vậy quen rồi, đã thành thời khóa rồi. Nếu hôm nào mình không hô thiền đúng giờ thì nhất định người chung quanh sẽ phê phán liền. Đó là vì nề nếp bị đảo lộn. Cho nên trong công phu rất cần đến một nề nếp đàng hoàng.

So với vua, với Thái thượng hoàng, chư tăng chúng ta đâu có bận rộn hơn được. Mình cũng không có gia đình con cái gì hết mà vô nề nếp không được là nghĩa làm sao? Hồi xưa người ta bận rộn như thế mà còn giữ nề nếp tu hành được, điều này cho thấy mình không thể viện lý do gì để lơ là chệnh mảng trong công phu tu tập cả.

Tham ái dừng, niệm lắng xả yên lắng. Một khi xả bỏ những thị phi ồn náo rồi thì sẽ được tự tại trong đời sống của mình. Không phải tự nhiên chúng ta được tự tại, bao nhiêu thứ đả trước mê làm nó hết, mà phải có tu hành. Có tu hành, có áp dụng lời Phật Tổ dạy, chúng ta thấy những gì không thật bỏ đi, hoặc những gì ta nuôi dưỡng chỉ càng làm khổ mình thêm thì buông hết. Nhờ lời Phật dạy, nhờ các bậc đi trước đã thể nghiệm chỉ lại cho chúng ta, từ đó mình cũng đi vào thể nghiệm mới thấy lâu nay mình mê lầm. Tỉnh ra rồi ta mới buông được, buông được mới an được. Ví như chúng ta không biết vàng là gì, khi ra chợ người ta đưa vàng giả vàng thật chỉ cũng thích hết. Bởi cái nào mình thấy cũng lóng lánh mà. Có khi đồ giả còn đẹp, còn mỹ miều hơn đồ thật nữa. Do đó mới có chuyện bị lầm. Khi có người chỉ dẫn, hay ra mình lầm rồi, tự nhiên không bao giờ ta cũng bỏ miếng vàng giả ngay.

Khi công phu tới một trình độ nhất định nào đó, trí tuệ mỗi ngày mỗi sáng, chúng ta thấy được thực chất của các vấn đề. Từ đó sự thể nghiệm của mình mới đi vào chiều sâu, niềm an vui giải thoát cũng theo đó mà sâu lắng hơn. Chừng ấy mới thấy công phu tu tập hằng ngày mang tính quyết định

cho mình, chớ không phải ai khác”. Khi các niệm lăng xăng lắng xuống hết, ta sống yên ổn rồi, bấy giờ nghe ai nói cái gì, phê phán chi chi mình vẫn cứ thản nhiên thôi. Ai có chê cười ông tăng quê ta cũng chẳng nao núng. Làm ruộng cũng là làm ruộng cho mình, trồng rau làm rẫy cũng là trồng rau làm rẫy cho mình, ngồi thiền tụng kinh cũng là ngồi thiền tụng kinh cho mình v.v... không có cái khác xen vô. Bao giờ chúng ta ý thức một cách rõ ràng, quán triệt như vậy mới yên.

Có người hỏi: “Muốn đừng được những niệm tham chấp của mình thì phải làm sao?” Đây là một câu hỏi khó trả lời bằng miệng, mà cần phải trả lời bằng chính sự thực hành của mình mới được. Các huynh đệ nghiệm lại lòng mình xem, quả thực những niệm tham chấp trong ta vẫn còn nhiều lắm phải không? Còn tham lam, còn sân hận là còn ngô ngã. Nếu ngô ngã sạch thì không nổi bực gì hết, không ham muốn gì hết, rõ ràng như vậy. Cho nên muốn dứt tham chấp thì phải dứt ngã trước cái đã. Nghe khen mình phùng phùng phấn chí, bị chê mặt dàu dàu sàu sầu v.v... đó là hiện tượng ma mị của ngô ngã. Người sống được tự tại là người làm chủ tất cả những thứ đó.

Thiền sư Bạch Ẩn khi bị người ta đem con đến thả vào lòng, vu khống cho Ngài đến thế mà Ngài cũng “Thế à!”. Sau đó họ chịu không nổi, tới phân trần xin mang con về, Ngài cũng “Thế à!”. Đó là người thật sự đã có công phu. Chúng ta ngày nay còn vương mắc nhiều lắm, nhất là bệnh ngô ngã rất nặng nề. Bệnh này làm khổ đương sự đành rồi, mà còn làm khổ huynh đệ chung quanh nữa. Do vậy chúng ta cố gắng tu hành làm sao cho hết mê lầm, mạnh dạn dẹp tan bản ngã mới mong yên vui được.

Tham ái nguồn gốc là những thứ lăng xăng thị phi dứt, từ đó cái thấy cái nghe của mình không còn lầm nữa. Sở dĩ thấy nghe lầm là vì tham ái vọng động dẫn, chúng ta chạy theo những thứ ấy và làm nhận nó là mình. Còn thấy nghe tự tại, không bị vô minh ngoại cảnh cuốn trôi thì thấy là thấy, nghe là nghe. Cái hay thấy hay nghe ấy chính là tánh giác sáng suốt của mình, nó vốn bất sanh bất diệt. Đó là cái thấy cái nghe của người có công phu và sống đạo. Chúng ta bây giờ cũng thấy nghe mà xa cách trời vực với tánh giác. Con người khổ sở là vì cái bệnh thấy nghe tầm bậy này đây. Như người thích nghe âm nhạc, giỏi phân biệt âm thanh thì khi nghe một bản nhạc trôi lên là họ chạy theo cho tới quên hết mọi thứ chung quanh và quên ngay cả chính mình luôn. Một khi chuông tử này đã huân sâu thì gặp duyên thích hợp nó sẽ trôi dậy. Đó chính là nguyên nhân để dẫn chúng ta đi mãi trong luân hồi sanh tử.

Những lúc chúng ta thiếu tỉnh giác, hoặc khi ngủ mê, chết giấc các chuông tử nghiệp ấy phát ra. Cho nên có những người ban ngày nói chuyện

với ai, tối ngủ họ kể lại hết trơn hết trọi. Nói lên, nói thắm gì đều khai ra đầy đủ. Rồi đến lúc sắp chết, cận tử nghiệp hoành hành thì bao nhiêu là thứ hiện ra. Các thứ niệm lự cù cận phát ra, nó điều động và dẫn mình đi vào một quá trình sanh tử mới. Nói lên những điều này để huynh đệ chúng ta phấn đấu tu hành, không nên dễ duôi qua ngày. Con đường phía trước đều do mình định đoạt, khổ hay vui đều do chúng ta hết, không ai khác vào đó thay thế được. Tóm lại, khi công phu đã ổn thì những thứ ồn ào chung quanh sẽ lắng yên và mình không còn lâm bởi những thứ bên ngoài nữa. Thấy nghe rõ ràng mà vẫn lặng yên không bị dao động bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Trong ngũ uẩn, ngoại trừ sắc uẩn ra, bốn thứ còn lại là thọ, tưởng, hành, thức thường đem đến cho chúng ta những ảo giác không thật. Khi ảo giác bùng bùng trời dậy thì con người cũng bùng bùng lao theo vô minh để rồi tạo vô số nghiệp. Huynh đệ nhớ đừng để rơi vào quỹ đạo ấy, khổ lắm. Chúng ta thấy là mình có tu đó mà khi các giác quan tiếp cận với trần cảnh bên ngoài, ta vẫn còn bị làm, hướng là chạy theo các ảo giác vọng động thì không biết mình đi tới đâu nữa? Sở dĩ chúng ta khổ, chúng ta kết nghiệp là do làm, chớ không có gì hết. Con mắt thấy không bảo đảm, lỗ tai nghe không chín chắn v.v... tất cả những cái ấy đều do ngộ ngã xen vào. Bây giờ mình phải làm chủ, phải điều động lại.

Cảnh duyên bên ngoài có thuận lẫn nghịch, khi đối tiếp ai ai cũng thích cảnh thuận, ghét cảnh nghịch. Chính vì tâm chọn lựa yêu ghét ấy mà có khổ. Ở đây Sơ Tổ Trúc Lâm dạy cho chúng ta biết, khi tiếp cận với mọi thứ chung quanh, chúng ta phải là người có trí, đầy đủ bình tĩnh để cả quyết việc tu hành của chính mình, không bị sai lầm, không bị lệ thuộc, không bị vấp ngã, không bị sức hút của tất cả những sự kiện chung quanh cuốn đi. Được vậy thì tâm bình thường an nhiên, bất động với tất cả các cảnh duyên. Hòa thượng Viên trưởng thường dạy chư tăng phải “biết vọng”, vừa có một niệm dấy khởi liền biết nó không thật, không chạy theo. Đó là hoa trí tuệ khai nở, tức trí Bát-nhã thường sáng. Công phu của chúng ta như thế.

Một khi thấy được lẽ thực của muôn pháp, thì ta là tri âm của chính mình, là tri âm của tất cả cảnh duyên. Tri âm là gì? Ví như người ta nói vật này tốt đẹp nhưng với người tu thấy nó biết là duyên hợp rồi sẽ hư hoại. Bởi thế đủ duyên thì dùng, hết duyên thì thôi, không đặt vấn đề đẹp xấu, không đặt vấn đề gì với các pháp nên không ghét không thương, không lấy không bỏ. Đó là tri âm. Bởi vậy Bồ-tát không nói Bồ-tát, mà những vị thấy được lẽ thật, gọi là tri âm của các pháp. Các ngài tới đâu, đi đâu, ở đâu cũng an nhàn, không vương bận chi hết. Chúng ta bị vương mắc nhiều thứ, là vì không thể tri âm với các pháp, vì tâm so sánh lấy bỏ còn nhiều quá. Vì thế các pháp cũng ngán mình, cũng né mình.

Có lần tôi cùng vài huynh đệ đi vào một nơi bán pháp khí. Tại đó người ta treo đủ loại linh, của Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Việt Nam... Mấy huynh đệ chọn lựa một hồi không biết nên mua cái nào. Có người bảo cái nào đắt nhất là tốt nhất. Tôi nói điều này chưa hẳn như vậy đâu, bởi tốt hay xấu gì rồi nó cũng sẽ hoại hết. Cuối cùng thầy trò chẳng mua được cái nào, đó là vì mình không phải tri âm của các pháp, nên không thể dùng được cái nào.

Ở đây đối với người tu, cần phải có cái nhìn thấu đáo, cái nhìn của người thấy được chân lý, thấy được lẽ thật của tất cả các pháp. Mà các pháp thì cái nào cũng hư hoại, giản dị như thế. Không có cái nào có thể tồn tại mãi được, thân mình rồi cũng hoại. Trong một giới hạn nào đó, một điều kiện thuận duyên nào đó chúng ta dùng nó, khi hết duyên, hết điều kiện thích hợp thì nó tan rã, trở về với thực tánh của nó. Cho nên người tu đối tiếp cảnh duyên lúc nào cũng sáng, như mặt trăng trí tuệ trải khắp, mặt trời giác ngộ bao la. Tức là lúc nào cũng phát huy được trí tuệ, sống được với tánh giác của mình, bao nhiêu ngô ngã bị thử vắng bóng, không còn bất cứ một loại bụi mù nào bu bám cả. Thấy muôn sự muôn vật bằng trí tuệ Bát-nhã thì tâm an ổn. Người không gây nghiệp luân hồi sanh tử để bị trôi giạt đời kiếp lãng xăng là người hằng sống với trí tuệ của mình.

Tu thiền là tu trí tuệ, tu thiền là gãy dựng lại nền móng, phát huy lại Bát-nhã lực của chính mình. Có trí tuệ Bát-nhã mới cắt đứt được tất cả những ngô ngã, những làm chấp, những hơi hướm từ bao nhiêu đời ta đã đắm chân và bị vướng mắc trong đó. Chỉ có trí tuệ Bát-nhã mới có thể triệt tiêu tất cả dây mơ rễ má, những hàm sâu tăm tối của vô minh. Do vậy cho nên pháp thiền là một pháp không có phương pháp. Tu thiền không đặt vấn đề tu chứng. Người tu thiền chỉ cần phá vỡ tất cả những hình thức, những sự kiện, những gì không thật để không còn bị làm lẫn nữa thôi. Tu thiền là tu trí tuệ, sống lại với cái chân thật của chính mình.

Ở đây Ngài dạy không cần hoán cốt bay lên thượng giới, không uống thuốc trường sinh bất tử, tiên đạo để được sống lâu muôn tuổi, mà gìn một tánh sáng sẵn có nơi mình. Đối với người tu thiền làm sao cho tâm rộng rang sáng suốt. Thiền sư là gì? Là người sáng suốt, tự tại đối với các pháp, không lầm các pháp. Ngài bảo đọc sách Dịch là đọc chơi thôi, còn lòng của Ngài yêu tánh sáng tức là yêu đạo, nhận sống được với tâm đạo cho nên càng đọc kinh Phật càng thích thú, càng phấn khởi, càng nhận ra và hằng sống được với tâm chân thật của mình. Chúng ta phải nhớ dù sống trong hoàn cảnh nào, người tu hành cũng một lòng yêu đạo, quý đạo, hằng sống với đạo. Đạo là gì? Là sống thực, sống tỉnh giác, sống thiền.

Tóm lại, trong hội thứ nhất này Ngài dạy chúng ta tuy ở giữa phố thị đông người nhưng tâm luôn rỗng rang, không vướng mắc những cảnh duyên rộn ràng của thành thị. Muốn thế phải sống bằng trí tuệ. Đó là tinh thần, là nếp sống của người tu. Trong chúng ta không luận ai, nếu ở chỗ đông đảo phố thị mà tâm được như vậy thì đã sống đạo, sống thiền rồi, không cần phải tìm đến rừng núi làm chi. Cái làm cho chúng ta không yên là những niệm lăng xăng, do vọng tưởng dẫn nên ta chạy đông chạy tây, buông cái này, bắt cái khác nên không lúc nào sáng suốt yên ổn hết. Đó là tình huống thông thường của người chưa sống được với tánh giác. Bây giờ chúng ta cố gắng sống cho có nề nếp, giữ lòng rỗng rang, làm sao những cảnh duyên bên ngoài không làm gì được mình hết.

Tổ dạy chúng ta là người tu thì hãy sống thế nào để đừng bị thị phi kéo lôi, như vậy là người làm chủ được mình, làm chủ được các giác quan khi tiếp xúc với trần cảnh bên ngoài. Có làm chủ như thế mới làm chủ được các cảnh duyên thuận nghịch, mới hết phiền não. Cảnh thuận thì nhận chìm mình trong cái thuận ý thuận tình, trong cái luyến ái nên tu không được. Cảnh nghịch thì ta lại bị bức xúc khó chịu nên cũng tu không được. Như vậy tìm đâu ra sự an ổn? Cho nên nói chúng sanh bị nhận chìm trong gọng kềm tắng ái hoặc cảnh duyên thuận nghịch. Cuối cùng dấy khởi vô lượng phiền não, chuốc lấy vô lượng khổ đau. Cho nên người tu phải làm chủ mình để có thể làm chủ thuận nghịch, mới mong thoát ly sanh tử.

---o0o---

HỘI THỨ HAI

Biết vậy!

Miễn được lòng rồi;

Chẳng còn phép khác.

Gìn tính sáng tính mới hầu an;

Ném niềm vọng, niềm dưng chẳng thác.

Dứt trừ nhân ngã thì ra tướng thực kim cương;

Dừng hết tham sân mới lấu lòng mẫu viên giác.

*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây
phương;*

Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc.

*Xét thân tâm, rèn tính thức, há rằng mong quả báo pho
khoe;*

*Cầm giới hạnh, địch vô thường, nào có sá cầu danh bán
chác.*

*Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thừa đắng cay;
Vận giấy vận sỏi, thân căn có ngại chi đen bạc.*

*Nhược chửn vui bề đạo đức, nửa gian lều quý nửa thiên
cung;*

*Dầu hay mền thừa nhân nghi, ba phiến ngói yêu hơn lâu
gác.*

Chú thích:

- Miễn: Cốt
- Nén: Ném
- Niềm: Niệm.
- Thác: Lầm lẫn.
- Lâu: Làu làu.
- Mạ: Chớ. Mạ phải nhọc: chớ phải nhọc.
- Thừa: Điều.
- Vận: Mặc.
- Chửn: Chỉ.
- Nhân nghi: Nhân nghĩa.

GIẢNG:

Hội thứ hai bắt đầu bằng hai chữ “*Biết vậy!*”, được dùng như một hình thức chuyển ý giữa hai hội. Trong hội này Ngài dạy chúng ta tu cốt nhận và sống được với tâm chân thật của mình, chứ không có phép nào khác. Giữ gìn tánh sáng suốt, buông bỏ các vọng niệm thì được an ổn. Chúng ta thấy dù ngôn ngữ thời xưa, cách chúng ta đến bảy, tám trăm năm, có những chữ không giống bây giờ, nhưng ý chính không khác.

Tu miễn được tâm nghĩa là phải làm sao nhận ra được tánh giác. Yêu tánh giác, sống với tánh giác, quý trọng tánh giác. Chỉ một việc duy nhất đó thôi. Tổ không dạy chúng ta tu theo một phương pháp nào mà dạy phải sống được với cái tâm của mình. Tâm nói cho đủ là *tâm thể rỗng rang sáng suốt*, nó không có hình tướng gì cả. *Tu miễn được tâm, không có phép*

khác. Rốt ráo chỉ có một phép tu là sống được với tâm mình, không có cái khác. Dù có cái khác, cái đó cũng chỉ là những phương tiện hình thức bên ngoài, không thật.

Giữ gìn tánh sáng suốt, buông bỏ các vọng niệm. Chúng ta còn chạy theo vọng niệm, vướng mắc bởi vọng niệm lăng xăng nên không được an ổn. Bây giờ muốn được an ổn thì phải dừng lại đừng chạy theo nó nữa, chỉ hằng sống với tâm thể của mình. Phải buông. Buông tất cả. Vừa có một niệm dấy khởi liền buông, không làm chạy theo niệm tưởng, không chấp nhận niệm tưởng, không mắc mứu niệm tưởng. Buông, bởi vì biết nó là niệm tưởng, là vọng tưởng không thật. Do vậy mình không bị kéo lôi, không chạy theo nó, tức là định tuệ hiện tiền. Lời dạy của Tổ và lời dạy của Hòa thượng Viện trưởng ngày nay cách xa hàng nghìn năm, nhưng ý vẫn không khác.

Dứt nhân ngã rồi, tướng thật hiện bày; dừng hết tham sân, tánh viên giác lầu lầu sáng suốt trùm khắp. Bây giờ Tịnh độ là duy tâm, Di Đà là tự tánh chứ không chi khác. Ở đây nói phải dứt nhân ngã, dứt nhân ngã rồi thì tướng thật hiện bày. Dứt ngô ngã rồi thì thật tướng hiện ra, nghĩa là ta không vướng bên này, không mắc bên kia, mới sống được với Trung đạo đệ nhất. Sống được với Trung đạo đệ nhất nghĩa thì đâu còn kẹt hai bên, đâu còn sanh đâu còn tử nữa, làm gì có khổ đau? Bởi chúng ta bị mắc bên này, vướng bên kia nên mới bị xé đôi xé ba, mới thấy đau đớn khổ sở dữ vậy nè. Cho nên người nào muốn sống được với thật tướng, sống được với tánh giác của mình thì phải dứt nhân ngã, tức không vướng bên này không mắc bên kia.

Từ chỗ lập cước đó, chúng ta mới có thể bước vào thế giới Bất Nhị. Bài pháp đầu tiên của Lục Tổ Huệ Năng, Ngài dạy “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”, tức là không vướng bên thiện không mắc bên ác. Người nào được như vậy mới có cơ hội bước vào thế giới uyên nguyên, sống được với mặt mắt thật của mình. Quý vị cứ xem chừng nào mình hết tham sân, nhân ngã thì biết bao lâu mình sẽ giải thoát thành Phật, khỏi đi hỏi ai cả.

Mở con mắt ra thấy cái gì hợp nhãn thì thích, tức là niệm tham đã hình thành. Cái gì không hợp nhãn thì không thích, tức niệm sân đã hình thành. Cuộc sống của chúng ta luôn luôn bị tăng và ái kèm tủa, nó sẵn sàng giết chết cái rỗng rang sáng suốt của mình. Một khi tăng ái đã hiện hình thì trời chuyển mưa gầm thét, đền đốc tối thui, bão tố sẽ tới. Ở đây Ngài dạy nếu dừng được tham sân thì tánh viên giác lầu lầu, nhân ngã hết rồi thì thật tướng hiện bày. Bây giờ cảnh giới Tịnh độ hiện ra trước mắt chúng ta. Sống

được với tánh giác tức là tự tánh Di Đà. Sống được với tâm chân thật thì Tịnh độ hiện tiền.

Thường xem xét lại hành động nơi thân tâm mình, không nên phô khoe ra bên ngoài. Chủ trương tu hành của Phật giáo thời Trần là *Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc*. Phản quan tự kỷ, tức xoay lại xem xét chính mình là việc bốn phận của người tu, đặc biệt là tu thiền. Giữ gìn giới hạnh tu hành để đối diện với vô thường một cách tự tại không sợ hãi, chứ không phải để cầu danh bán chác. Chúng ta tu hành để làm gì? Để sáng đạo, để làm chủ được mình. Sáng đạo, làm chủ được mình mới có thể tự tại đối với vô thường.

Vô thường là gì? Vô thường là sự đổi thay nhanh chóng, nó không tha thứ bất cứ pháp nào, bất cứ ai. Những gì có hình tướng đều bị vô thường chi phối nhanh chóng, ghê gớm. Cho đến, thân tứ đại của đức Thế Tôn cũng bị nó cướp đi, năm tám mươi tuổi Phật cũng thị tịch. Có thân này thì có sự chi phối của vô thường. Nó chi phối từng phút từng giây chứ không phải đợi lâu lâu mới đến một lần. Thân chúng ta hồi trẻ trung tươi tắn khỏe mạnh, da dẻ hồng hào căng thẳng, rồi mỗi ngày mỗi chút những nếp nhăn kín đáo ẩn khuất đâu đó từ từ hiện rõ hơn, cuối cùng chân chùn gối mỏi, má hóp da nhăn, tướng già yếu hiện ra không thể chạy trốn đi đâu được. Vô thường chi phối chúng ta bằng cách mài giũa, cạo gọt từng chút từng chút, đến lúc mình thấy ra thì mọi việc đã rồi! Người có đạo lực đối diện với cái suy yếu bệnh tật vẫn có chút tự chủ thì còn có thể kham nhẫn nổi. Còn kẻ không lo tu hành, đến chừng ấy rên la thảm thiết. Hoặc lúc bệnh nặng, thuốc thang không kịp đem đến liền nổi nóng nổi khùng lên, thân khẩu ý tạo nghiệp khổ đau nữa.

Cho nên, trong kinh Phật nói vô thường là lửa dữ hay quỷ dữ, bởi vì nó độc hại ghê gớm lắm. Tuy nghe thế, nhưng chúng sanh không thấy gì ghê gớm cả, nên chấp nhận vô thường một cách dễ dàng. Chúng ta còn có thể nuôi giữ vô thường mà không tí gì sợ sệt. Chư Phật và Bồ-tát thì khác. Các ngài nói nó là rắn độc, là lửa dữ nên chừng nào dập tắt được nó mới yên. Như rắn độc, bao giờ mình lòi nó ra khỏi nhà mới yên không nom nớp lo sợ. Đàng này, chúng ta không thấy như vậy nên sống với lửa dữ, với rắn độc rất là bình yên. Đó là điềm đặc biệt của chúng sanh trầm luân trong sanh tử. Chúng sanh quên mất mình đang bị lửa dữ thiêu đốt ngày đêm, nên cứ lo tranh đấu, hơn thua, phải quấy lăng xăng, không chịu nghĩ lại thân phận của mình. Thành ra, thiên tông Phật giáo đời Trần luôn luôn chủ trương *phản quan tự kỷ* để có thể đối địch lại vô thường.

Thật ra chủ trương *phản quan tự kỷ* rất gần gũi, thiết thực với chúng ta. Ta tu hành để làm chủ được mình. Trong hoàn cảnh xã hội văn minh tiến bộ một cách “tốc độ” như hiện nay, con người chạy theo vật chất bên ngoài như bông vụ, không biết ở đâu mà dừng, thì sức chi phối của vô thường còn khủng khiếp hơn nữa. Nếu ai tu hành được, sáng đạo được mới thực sự bình yên đối với sự đổi thay ấy. Chúng ta chưa sáng đạo thì chưa thể bình yên đâu. Thế cho nên việc trước mắt, khẩn cấp của mình bây giờ là phải sáng đạo, nỗ lực tu gấp lên, nếu lơ mơ vô thường đến dẫn đi hồi nào cũng không hay. Huỳnh đệ không mãnh tĩnh, vẫn cứ nuôi con rắn độc trong nhà, vẫn cứ hòa hoãn với quỷ dữ vô thường, thì con đường sanh tử không có ngày cùng, khổ đau cũng theo đó không biết đến bao giờ mới chấm dứt. Cái gan dạ của chúng sinh là ở chỗ đó, dám giỡn với quỷ dữ vô thường! Có lẽ mình bị luân hồi lâu quá, nên mình gan tợn! Gan hơn Bò-tát, hơn Phật nữa! Phật, Bò-tát khi đã thành đạo rồi thì không nói, nhưng lúc còn công phu, các ngài rất ngán sợ vô thường. Bởi vì nó cướp mất, nó thiêu đốt, nó sát hại thân tâm chúng ta, nếu mình không tỉnh sẽ tiêu tan hết những cơ hội tu tập và phúc lành của mình.

Ăn rau ăn trái bình thường, nghiệp miệng chẳng hiềm điều đáng cay. Thân mặc vải thô vẫn không phân biệt đẹp xấu. *Đó là đời sống của người tu. Đạm bạc như vậy. Ăn mặc bình thường, yên phận, chỉ cốt làm sao sáng được việc của mình, chứ không có chi khác.*

Tu về đạo đức thì nửa gian lều còn quý hơn ở thiên cung. Chữ “nửa” dấu ngã có nghĩa là hơn. Ưa thích nhân nghĩa, chỉ ba phiến ngói vẫn yêu hơn lầu gác. Đây là lời dạy của một ông hoàng nên khác hơn chúng ta. Ngài nói người tu về đạo đức thì nửa gian lều quý hơn thiên cung. Bởi vì người tu quý ở đạo đức, ở trong thất lá nhà cỏ nhưng quý báu như ở trên cung trời vậy. Ngài trọng nhân nghĩa, nên xem ba miếng ngói còn hơn lầu gác. Như chúng ta biết, Tô tu ở núi Đông Cứu năm năm và thành đạo tại đây, Trúc Lâm thuộc dãy Đông Cứu. Hòa thượng Tôn sư có đến được Ngọa Vân am, nơi đó vẫn còn một tháp đá đề là Phật Hoàng tháp. Dấu tích Ngài tu hành ngày xưa đến nay vẫn còn. Cho nên tinh thần của Tô là trọng đạo đức, mến nhân nghĩa chứ không phải vật chất hay địa vị, danh vọng ở đời.

Một vị vua thời Trần đã ba lần đánh đuổi quân Nguyên Mông - một đoàn quân hung hãn nhất thế giới - ra khỏi bờ cõi nước Việt. Một vị vua anh hùng của đất nước, của dân tộc Việt Nam uy danh như thế, nhưng Ngài chỉ thích ba phiến ngói, nửa gian lều, sẵn sàng buông bỏ vương vị, buông bỏ tất cả khi đất nước thanh bình để lên núi tu hành. Thật đáng cho chúng ta khâm phục và noi theo biết ngần nào! Vinh danh như thế, quyền lực như thế mà Ngài từ bỏ như từ bỏ một đôi dép rách, quả là ý chí của một bậc trượng phu

thoát tục. Vào đạo, Ngài cũng quyết chí tu hành cho thành tựu mới thôi. Cho nên năm năm ở Trúc Lâm Ngài đã tu khổ hạnh và cuối cùng thành đạo, Ngài trở thành Phật Hoàng Việt Nam và là đỉnh cao lãnh đạo Phật giáo thời ấy. Ở ngoài đời, Ngài là vị lãnh tụ tối cao của quốc gia, vào đạo Ngài là vị lãnh đạo tối cao trong đạo, mở ra Giáo Hội Trúc Lâm Yên Tử đưa Phật giáo Việt Nam lên đến đỉnh cao rực rỡ nhất từ trước đến nay.

Bài học lịch sử cho thấy sở dĩ vua Trần Nhân Tông lãnh đạo toàn quân và dân ta đánh thắng quân Nguyên Mông là nhờ tinh thần và ý chí thống nhất của toàn dân qua hai kỳ hội nghị ở Bình Than và Diên Hồng. Áp dụng bài học này cho việc tu hành cũng thế. Trong thiền viện chúng ta khoảng 150 huynh đệ lớn nhỏ, trong đó đủ thành phần đủ lý tưởng hết. Bất cứ một việc làm lớn nhỏ nào mà thống nhất thì chúng ta sẽ thành công. Ngược lại, một trăm mấy chục người mà mỗi người mỗi ý, đầu Ngô mình Sở, làm không ai giống ai hết thì kết quả sẽ dẫn đến rối loạn rồi lụn bại luôn. Ví dụ theo Thanh quy, giờ giấc công phu đâu đó rõ ràng. Tới giờ ngồi thiền thì toàn chúng đi ngồi thiền, tới giờ tham cứu thì tham cứu, tới giờ thụ trai thì thụ trai, tới giờ làm việc thì làm việc... Không có chuyện kẻ nói qua người nói lại, không nói tới nói lui gì cả. Với một quyết tâm thống nhất như vậy thì chúng ta sẽ yên. Sống trong nề nếp như thế nhất định tâm mình yên ổn. Như Tổ dạy người tu chỉ biết một việc thôi, đâu có việc gì khác nữa. Tâm rộng sáng yên ổn đó là tự tánh Di Đà, là Tịnh độ, là thiền chứ gì nữa?

Không để vật dục lôi cuốn, làm chủ lấy mình, hằng sống với tánh giác, tức là không bị đờng bởi những cảnh duyên bên ngoài, mình tự làm chủ lấy, hằng sống với tâm thể, với tánh giác của mình. Đó là lập trường duy nhất của người tu thiền. Trong hội thứ hai này, ý tôi vừa nêu lên với quý vị rất gần gũi với những điều Hòa thượng đã dạy chúng ta. Người tu hành phải làm chủ được mình, không để tham sân phiền não khuấy rầy. Chúng ta tu hành cốt vượt qua sanh tử trần lao, không bị vô thường chi phối, chứ không tu hành để khoa trương hình tướng bên ngoài. Làm sao làm chủ được mình, sống bình thường, tự tại, giản dị, đó là an ổn nhất.

---o0o---

HỘI THỨ BA

Nếu mà cóc,

Tội ắt đã không;

Phép học lại thông.

*Gìn tánh sáng, mưa lạc tà đạo;
Sửa mình học, cho phải chánh tông.
Chín Bụt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã Tổ;
Vong tài đối sắc, ắt tìm cho phải thói Bàn công.
Áng tư tài tánh sáng chẳng tham, há vì ở Cánh Diều Yên Tử;
Răn thanh sắc niêm dưng chẳng chuyển, lộ chi ngòi am Sạn non
Đông.*

*Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tác;
Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực cả đồ công.
Nguyên mong thân cận minh sư, quả bồ-đề một đêm mà chín;
Phúc gặp tình cờ tri thức, hoa ưu-đàm mấy kiếp đơm bông.*

Chú thích:

- Cốc: Biết.
- Mưa: Chớ.
- Chín: Chỉ.
- Bụt: Phật.
- Xá ướm: Chớ nên.
- Há vì: Đâu cần.
- Cánh Diều: Tên một ngọn núi trong dãy Yên Tử.
- Am Sạn: Tên am.
- Lộ chi: Cần chi.
- Hết tác: Hết mức.

GIẢNG:

Trong hội này, ý thứ nhất Tổ dạy chúng ta, người tu phải biết giữ gìn tánh sáng, chớ lạc đường tà, sửa mình nghiêm chánh, chớ làm sai mất chánh tông. Là người tu phải quý trọng trí tuệ, phải tu sửa như thế nào, gìn giữ như thế nào để cho trí tuệ bản hữu của mình được phát huy tròn đầy. Trí tuệ bản hữu tức trí tuệ Bát-nhã. Phát huy trí tuệ Bát-nhã để làm gì? Để chúng ta cắt đứt tất cả dây mơ rễ má trong vòng lẩn quẩn luân hồi sinh tử. Chỉ có trí tuệ Bát-nhã mới cắt được tất cả mà thôi.

Dây mơ rễ má đó biểu hiện nổi cộm lên qua mơ vọng tưởng điên đảo. Chừng nào chúng ta trị được vọng tưởng điên đảo của mình rồi chừng đó mới hoàn toàn làm chủ được. Nói tới vọng tưởng thì nó không có hình thức gì hết, nhưng rất khó trị, rất mạnh. Nó có một sức hấp dẫn như thế nào đó, khiến từ vua quan cho tới thứ dân phải chạy theo vù vù. Không chỉ chạy theo một đời mà chạy theo từ vô lượng đời kiếp trước cho tới bây giờ, mà có lẽ là còn chạy theo nữa! Chúng ta tu tập trải qua thời gian lâu xa nhưng vẫn chưa chắc có thể làm chủ được, trị được vọng tưởng đâu. Bởi không trị được, không làm chủ được nên khi gặp khổ đau ta lại đổ thừa tại cái này, tại cái kia, tại cái bên ngoài, chứ thực tình vọng tưởng phát xuất từ trong ta, chính là nguyên nhân gây đau khổ cho chúng ta.

Nếu chúng ta tỉnh sáng, không bị động bởi những cảnh duyên chung quanh, phát huy được trí tuệ bản hữu của mình, mới hy vọng điều phục được vọng tưởng. Trái lại, chúng ta cứ bôn chôn, không tỉnh, không làm chủ được thì vọng tưởng dẫn đi thôi. Nói dẫn đi là còn nhẹ, nói chính xác hơn là nó kéo lôi, kéo sên chúng ta chạy dài từ chỗ này sang chỗ khác, từ kiếp này sang kiếp khác không có ngày dừng. Một điều cần phải thấy rõ là, vọng tưởng từ chúng ta phát sinh và trí tuệ để điều phục được vọng tưởng ấy cũng từ nơi chúng ta phát huy. Làm chủ được thì phát huy được trí tuệ, không làm chủ được thì vọng tưởng kéo lôi.

Do vậy, nếu nói về những thâm ân đối với đời tu chúng ta thì chư Phật Tổ, thiện hữu tri thức là những bậc mà chúng ta thọ ân lớn lao vô cùng. Đó là ân gì? Là ân quý ngài chỉ cho mình biết vọng tưởng và cách điều phục vọng tưởng. Quý ngài đã chỉ cho mình sống lại với cái chân thật của mình, để đừng bị vọng tưởng kéo lôi. Nếu không có Phật Tổ, thiện hữu tri thức thì không ai chỉ cho chúng ta cái manh mối đi trong luân hồi sanh tử đó.

Phật bảo chúng sanh có bệnh yếu đuối. Quả thật chúng ta yếu đuối vô cùng. Nói về si mê thì chúng ta cũng si mê đáo đẽ, nói về yếu đuối thì chúng ta cũng không thua ai. Có những thứ không đáng, không đầu không đuôi gì hết, chột hiện chột mất, mà rồi ta bị lụy, bị kéo lôi nhiều đời kiếp không ngoi lên được. Vì thế nghĩ đến thâm ân của người chỉ cho mình biết cái gốc bệnh tật đó là vọng tưởng, ta mới thấy ân của các ngài to lớn vô cùng. Nhờ các ngài mình biết được cách dừng lại, không chạy theo lũ vọng tưởng ma quái kia nữa, mới trở về nhà bình an vô sự.

Thành ra ở đây Tổ nhấn mạnh việc gìn giữ tánh sáng, tức gìn giữ trí tuệ là gốc. Nếu không có trí tuệ thì lầm mê, lầm mê thì trôi giạt, trôi giạt thì khổ đau. Bởi do lầm mê chúng ta tạo nghiệp, đã tạo nghiệp nhân thì phải chuốc lấy nghiệp quả. Cứ nghiệp nhân rồi tới nghiệp quả, từ nghiệp quả tằm

tôi ấy lại tạo nghiệp nhân mới nữa. Cứ thế mà tôi đen, trả vay nợ nần, lăn lóc từ đời này sang kiếp khác không có ngày cùng. Cho nên Tổ dạy chủ yếu của việc tu hành là phải gìn giữ tánh sáng, gìn giữ trí tuệ của mình.

Có tánh sáng mới không lạc đường tà, mới phân định đâu là tà đâu là chánh, mới sửa mình nghiêm chánh, tu hành không mất chánh tông. Nhờ trí tuệ soi chiếu, ta biết đâu là thật, đâu là không thật, cái nào là vọng tưởng, cái nào không phải vọng tưởng. Cái nào để mình nương sống, gầy dựng công phu tu hành, cái nào không thể gần gũi dù chỉ trong chốc lát. Những thứ không thể gần gũi được là gì? Chính là những thứ mình thích ôm giữ, mình bị mắc mứu, bị đắm trước nhiều đời nhiều kiếp. Nó là vọng tưởng, vô minh, tham ái v.v... Những thứ mà Phật, Tổ biểu mình buông đi, không nên gần gũi, vì nó hư dối, không bền lâu và là nhân của khổ đau. Nhưng vì chúng ta si mê quá nặng cứ tham chấp, cố giữ nó nên mãi lăn lóc trong luân hồi sinh tử.

Bây giờ nghe được lời dạy của Phật Tổ, thiện hữu tri thức, một phen tỉnh mình đừng được những niệm tư tưởng đó, thì con đường luân hồi sanh tử cắt đứt. Ngay từng tâm niệm, sống với trí tuệ, làm chủ được, đừng để nó dẫn. Đó là người cắt đứt giòng xoáy luân hồi sinh tử. Nếu trí tuệ mạnh mẽ tròn đầy, thì quá trình thành tựu giác ngộ giải thoát có thể thu ngắn lại và kết quả chúng ta cũng nắm chắc trong tay.

Tổ dạy tiếp, đạo Phật là đạo giác ngộ, lấy giác ngộ làm gốc, tất cả thân thông huyền bí ta chớ chạy theo. Phật chính là tâm, khỏi cần phải tìm ở bên ngoài. Đầu tiên Tổ bảo phải phát huy trí tuệ của chính mình, kế nữa Tổ dạy phải nhận ra cái tâm thể của mình. Cái gốc của sự tu hành hay cái gốc của đạo Phật là giác ngộ. Nói đến giác ngộ là nói đến trí tuệ, nói đến trí tuệ là nói đến tâm, chứ không có gì khác. Cho nên tất cả hiện tượng gì bên ngoài, có khi các ngài nói là từ tâm mà có, hoặc là từ tâm lưu xuất. Điều này chúng ta có nghe có hiểu, nhưng hành trì như lời Phật dạy, chúng ta chưa làm được. Bởi vì từ lâu lắm rồi, chúng ta cứ một bề chạy ra, nhận những thứ bên ngoài cho là thật, bỏ quên đi tâm thể của mình, nên bị những cái bên ngoài kéo lôi.

Bây giờ ngồi lại chúng ta thấy rõ, mình đang bình thường chợt có một niệm dấy lên, nêu ta chạy theo nó, liền bị nó còng trói, lôi đi mất tiêu. Ví dụ mình đang ngồi đây, bỗng cái niệm bữa ăn chiều hiện lên thì hai lỗ mũi mình vẫn thở khi khi, con mắt cũng mở trừng trừng, tay chân còn nguyên đó chứ không ai lấy bớt cái nào, nhưng ông chủ bên trong bị che mờ mất rồi. Tại sao bị che mờ? Tại vì những niệm toan tính, có khi là tưởng tượng về món ăn chiều nay, nó có gì, ai làm, ăn vào giờ nào, ăn với ai, ngon hay dở... Cứ

như thế mà mình vọng tưởng, vọng tưởng đến mức độ chảy nước miếng. Mới lạ kỳ chứ!

Nếu không nghĩ tưởng, dĩ nhiên chiều đến mình cũng có phần ăn, nhưng không hiểu sao ta lại để vọng tưởng dẫn đi như vậy. Nếu người biết tu thì không mất thời gian và cũng không mất chính mình nữa. Chiều trong nhà bếp người ta đánh ba tiếng báng, sắp sẵn cho mình một phần ăn. Ta tới đó dùng xong rồi rút lui, có phải khỏe không, nhẹ nhàng an ổn làm sao! Còn ngồi đó mà nghĩ, càng nghĩ đến những thức ăn sơn hào hải vị chừng nào càng thèm thường và càng không được như ý. Thức ăn dù ngon dù dở thế nào, nuốt qua khỏi cổ rồi đều giống hệt nhau cả. Hôm đó rui nó vương kẹt đầu đó phải trào ra, nếu biểu ta nuốt lần nữa chắc ai cũng lắc đầu, gớm quá phải không?

Như vậy có gì thật, có gì ngon đâu! Ngon dở chẳng qua chỉ là ảo giác trong một quãng thời gian thưởng thức vậy thôi. Với người tu, ăn chỉ là ăn. Như Hòa thượng nói chiếc xe cần xăng để khởi động được động cơ cho nó chạy. Cái xe đó không biểu chúng ta phải đổ xăng ngon xăng dở gì cả, việc ăn uống của mình cũng vậy. Ăn là phương tiện để duy trì sự sống, để tu chứ không phải để thỏa mãn vị giác. Người biết tu không mất thời gian vì cái ăn, cái mặc, không mất thời gian vì tiếp cận với tất cả sự kiện chung quanh đời sống này.

Nếu biết tiết kiệm thời gian như thế thì ta có rất nhiều thời gian để yên lặng, để sống lại với tánh sáng của mình, không bị kéo lôi bởi những sự tướng, cảnh duyên bên ngoài. Có được thời gian tu nhiều như vậy thì trí tuệ sẽ phát huy nhiều hơn. Cho nên chúng ta phải tranh thủ, phải quý tiếc từng chút thời giờ, không nên thả trôi ngày này sang tháng khác. Nếu không ý thức được điều này, chúng ta cũng tu, cũng đi lại, cũng ăn uống, cũng tụng niệm ... nhưng cứ thả lều bều, mất thời gian cho những việc bên ngoài nhiều lắm! Thời gian sống được với cái chân thật của chính mình rất ít. Có nhiều vị tu lâu mà kết quả không bằng vị mới tu trong thời gian ngắn nhưng biết tận dụng hết thời gian cho việc công phu, do đó họ tiến nhanh hơn.

Thật ra việc tu không khó, chỉ tại ta không quyết tâm thôi. Trong công phu, chúng ta thấy những gì xấu dở thì bỏ đi, những gì phát huy được tốt đẹp thì cố gắng tăng tiến. Chúng ta không cần ai khen, cứ tranh thủ với thời gian, với vô thường để tu. Tổ thường nhắc nhở chúng ta: Phải nhìn lại mình, phải thấy mình. Chủ trương của Phật giáo thời Trần là phản quan tự kỷ, tức xoay nhìn lại mình. Việc tu hành cần phải tập trung như vậy. Dùng ánh sáng trí tuệ soi thấy những lỗi lầm của mình mà bỏ đi. Người xuất gia mang hình thức tu hành đầu tròn áo vuông, điều này chưa đủ để khẳng định được sự

sáng suốt và giác ngộ bên trong nếu như không có công phu. Cái đó chẳng qua là hình thức thôi. Đôi khi ở trong hình thức đó càng lâu chừng nào thì ngộ ngã càng lớn chừng ấy. Cho nên hồi mới vô chùa, còn là ông tăng nhỏ không có địa vị, chưa có uy tín thì ai nói sao cũng được, mình ít giận. Đến khi có uy tín rồi, có tuổi đạo rồi, là Hòa thượng, Thượng tọa thì ai nói chơi nói giỡn sơ suất một chút, mình giận dữ lắm! Đáng lẽ mình tu hành là triệt tiêu cái đó, nhưng không hiểu sao nó lại phát triển lớn hơn hồi chưa tu. Như vậy là không ổn rồi.

Vì vậy chủ trương tu hành của các Thiền viện là “Xoay nhìn lại mình”. Trong từng thời điểm kiểm nghiệm lại, nếu thấy vọng tưởng lăng xăng nhiều quá tức là mình thua rồi nên mới bị nó dẫn đi. Huỳnh đệ nhớ thời gian sống của mình không biết được bao lâu, mà Phật thường nhắc nhở mạng sống chỉ trong hơi thở, nên phải tập trung vào việc quán sát này. Làm sao trong mỗi ngày, mỗi phút mỗi giây mình làm chủ được, buông bỏ hết vọng tưởng. Người xưa nói “Nếu buông không được những thứ đó thì xem như mình đã chết rồi”. Chúng ta bảo cố đức tu hay, tu miên mật... nhưng thật ra các ngài cũng không làm gì khác hơn mình. Các ngài tu tập bình thường, giản dị như vậy đó. Nghĩa là tỉnh sáng bỏ hết vọng tưởng, làm chủ được mình.

Người tu hành nhất thiết phải có trí tuệ, để đừng bị vướng mắc ở đâu hết. Chỗ nào cũng là đường đi qua, là quán trọ thôi. Chỉ có tâm thể rỗng rang sáng suốt mới là cái thật. Mình phát huy được cái đó thì an toàn, ở đâu cũng ổn hết. Ở địa ngục, quỷ sứ không dám làm gì mình; mà lên Thiên đường xem thiên nữ múa hát cũng không có rục rịch nhúc nhích chút nào. Còn chúng ta bây giờ yếu quá, nghe nói địa ngục đã run, chưa kêu tới tên đã khiếp rồi. Lên Thiên đường, không có gì là của mình mà tâm, mắt dán chặt không đi đâu được. Cho nên phải ráng tu mới thoát qua được mấy thứ đáng sợ này.

Phật chính là lòng, khỏi cần phải chạy tìm bên ngoài. Phật tức là tâm, tức tâm thể của chúng ta. Ai cũng có cái gốc này hết, bây giờ chỉ cần phát huy nó là dùng được thôi. Ngài nói Phật là tâm, chớ tìm hỏi cơ phong Mã Tổ. Ngày xưa Mã Đại sư, một vị Thiền sư lừng danh thời Đường dạy Tức tâm tức Phật. Có khi Ngài nói Phi tâm phi Phật. Một đệ tử của Mã Tổ là Đại Mai nhận ra được ý chỉ “tức tâm tức Phật” rồi về ở núi. Thời gian sau, có vị biết tin tức đó mới trình lại với Mã Tổ. Mã Tổ liền cho người tới kiểm nghiệm, xem có phải thực nhận được “tức tâm tức Phật” hay không? Vị từ nơi Mã Tổ sai đến, hỏi ngài Đại Mai:

- Ngài đến với Mã Tổ được cái gì mà về ở núi?

Đại Mai đáp:

- Tôi đến Mã Tổ nghe nói “tức tâm tức Phật”, liền về ở núi này.

Vị kia bảo:

- Bây giờ Mã Tổ không nói tức tâm tức Phật, mà nói phi tâm phi Phật.

Ngài trả lời:

- Mặc cho ông già ấy lừa thiên hạ, ta chỉ biết tức tâm tức Phật.

Vị đó về trình lại với Mã Đại sư, Ngài liền khen:

- Trái mai đã chín!

Người xưa học đạo không nhiều, chỉ bảo sống được với tâm thể của mình là đủ rồi. Ai biết sử dụng trí tuệ chân thật để tiếp cận với tất cả các hiện tượng chung quanh, đừng bị nó kéo lôi là sống được với tâm thể, không có gì huyền bí trong đó hết. Cho nên Tổ Trúc Lâm nhắc chúng ta chỉ cần biết Phật chính là tâm thì khỏi phải nhọc tìm đến Mã Tổ. Bởi vì Mã Tổ cũng chỉ dạy thế thôi. Chúng ta nghe tức tâm tức Phật, tin nhận được rồi thì cứ thể nỗ lực tu hành tại đây, ngay bây giờ chứ khỏi đi núi. Người biết tu không đặt vấn đề phải ở núi ở non hoặc đi đâu mới tu được. Ngay nơi tâm này đã tự sẵn đầy đủ rồi, khỏi tìm cầu đâu hết. Chỉ có điều ta không nhận được tâm mình bởi vì vọng tưởng nhiều quá, không chịu dẹp bỏ nên nó che lấp hết trơn.

Ba ý này nếu chúng ta áp dụng được trong mọi sinh hoạt, thì sẽ có một định lực phi thường. Bởi vì mình không chạy theo bất cứ thứ nào, nên không bị cái gì kéo lôi hết. Trong tâm sáng suốt không còn lầm, không còn bôn ba sôi nổi như trước nữa. Như thế gọi là định tuệ hiện tiền. Do có trí tuệ mới biết các pháp không thật, nên không chạy theo, dẹp bỏ vọng tưởng điên đảo thì định tĩnh sáng suốt, đó là định tuệ song hành. Người nào được định tuệ hiện tiền đó là người đại lực lượng, biết cách tu hành, biết phát huy diệu lực nơi tâm thể của mình. Người này có sức mạnh không ai địch nổi, kể cả nghiệp lực cũng phải đầu hàng khuất phục. Tu như thế không nhất thiết phải là người có thân hình khỏe mạnh to lớn hoặc có những bằng cấp cao quý nhất trên đời, hoặc có tướng phi phàm, ai thấy cũng lạy dài... không nhất thiết như thế. Chỉ sống bình thường như bao nhiêu người, nhưng tỉnh giác không bị ngoại cảnh kéo lôi thì tự tại, an nhiên, giải thoát.

Hiểu và tu như vậy, chúng ta không còn mặc cảm về thân phận, về hình tướng bên ngoài. Giả dụ hơi thở của mình yếu, không thở sâu như huynh đệ được thì mình càng nỗ lực hơn. Trong từng phút giây ta tranh thủ tu, sống với Phật thể của mình thì vẫn an nhiên, sung sướng, không sợ gì cả.

Nếu còn kéo thêm được hơi thở nào, mình cũng làm một việc như thế thôi. Giả dụ hơi thở xấu đi, nó không ưa mình nữa, vừa thở ra nó cắt ngang rồi nằm xuôi mình cũng yên lòng. Không phải lo lắng, cũng không sợ sệt gì hết. Phải gan như thế. Chứ nếu thấy hơi thở gần đứt, mình nhớ lại dăm ba mươi năm về trước ta là một tay dữ dằn gì gì đó... thì thôi đủ chuyện hiện ra kéo ta đi vào những chỗ tối tăm. Lúc đó không sao yên định được. Thế là các cửa khổ mở ra.

Tu hành là để chuyển hóa. Nhân quả tuy không thật nhưng có vay thì có trả. Cho nên các Thiên sư nói, ngay bây giờ chết đọa xuống địa ngục bị quỷ sứ cày máy chục lớp, ta cũng thấy không thật, sẵn sàng trả. Không có nghĩa mọi thứ không thật rồi ta phủ nhận hết, coi như quyết nợ thiên hạ! Đâu có được. Nhân quả như thế, phải sáng tỉnh gan dạ biết như vậy, thấy như vậy, sống như vậy. Cho nên Thiên sư là người nhìn thẳng, sống ngay đây bây giờ, rõ ràng như thế.

Buông hết tài sản, học theo thói Bàn Công. Bàn Long Uẩn là một nhân sĩ đời Đường. Sau khi học đạo, nhận được yêu chỉ Phật pháp, ông đem đồ hết tài sản xuống sông, rồi cất một am nhỏ ở vùng quê, sống tu với cô con gái út. Đó là cô Linh Chiêu lấy nghề đan giỏ nuôi cha. Vợ ông và người con trai làm ruộng ở nơi khác, tất cả tài sản buông bỏ hết. Ở đây Ngài dạy chúng ta học theo tấm gương của gia đình ông Bàn Long Uẩn, buông hết mọi thứ, chỉ chú tâm vào một việc nhận ra cho được cái chân thật của mình và sống với nó.

Thật ra khi nhận được tánh giác rồi, các ngài thấy thống khoái lạ thường lắm! Cho nên những gì ôm đồm từ bấy lâu nay đều tự động giải tỏa hết. Điều này rất rõ ràng, không luận hồi xưa mà thời nay cũng vậy. Chúng ta thấy có nhiều người đang làm ăn tiền muôn bạc vạn mà một khi đã hiểu đạo sâu sắc rồi họ buông hết, hoặc chỉ giữ phần nào trong sự sống thôi. Có những người mạnh mẽ dám buông hết, rồi sống trong đạo trảng chỉ lo tu tập, không màng đến đói no sướng khổ vật chất nữa. Sống như vậy mà vui, vui với đạo, với tâm chân thật thanh tịnh hiện tiền.

Đến ý thứ tư: Được tánh sáng rồi đối với ngũ dục thế gian xem như áng mây trôi, thì đâu cần ở Cánh Diều Yên Tử; răn nhắc thanh sắc lòng yên, không chạy tìm đắm đuối nữa, thì cũng không cần am Sạn non Đông. Khi đã đầy đủ trí tuệ, làm chủ được ngũ dục, người đó ở đâu cũng tốt, không phải ở Cánh Diều Yên Tử mới tu được. Cánh Diều là một dãy núi trên quần thể Yên Tử sơn. Am Sạn non Đông cũng là những chỗ ngày xưa các ngài lên đó ẩn tu. Nhận được tánh sáng rồi thì xem ngũ dục như mây trôi, gió thoảng.

Ngũ dục là gì? Là tài, sắc, danh, thực, thù. Bây giờ chúng ta làm chủ ngũ dục được chưa? Chỉ tính cái thù tức là ham ngủ thôi đã thấy khó rồi. Hôm nào đi xem các huynh đệ ngồi thiền, đứng ở ngoài nhìn vô, lúc đầu thấy mấy anh nhỏ gục gặc trước, một hồi mấy người lớn cũng bắt chước gục gặc theo. Chỉ có một dục, mà bắt ở dưới tính lên đó nha, chứ không phải ở trên tính xuống, chúng ta đã chào thua rồi. So với các trung tâm thiền tại các nước như Miến Điện, Thái Lan v.v... thời khóa của Thiền viện chúng ta có phần thư thả hơn nhiều, mà nội có một việc ngủ thôi huynh đệ còn điều phục chưa nổi. Các cụ lớn mất ngủ tu không được cũng phiền não, các thiền sinh nhỏ ngủ nhiều, mê muội tu không được cũng phiền não. Tóm lại, ngủ nhiều ngủ ít gì cũng phiền não. Việc tu quả không phải là chuyện dễ!

Việc tu tập khó khăn như vậy, chúng ta mới thấy Thái tử Tất Đạt Đa từ bỏ dục lạc, từ bỏ vương vị để đi tu một cách kiên quyết dũng mãnh, quả thật rất đáng khâm phục. Đã thế Ngài lại tu khổ hạnh, chứ không tu lai rai thư thả như mình. Cho nên qua năm, sáu năm Ngài thành đạo. Còn chúng ta tu lai rai, sáng chút chiều chút, chắc cùng kiếp cũng chưa tới đâu. Chư Phật Tổ, tu mãnh liệt như vậy, như Sơ Tổ Trúc Lâm là một ông vua đi tu cũng hành hạnh đầu đà nên trong vòng năm năm Ngài đã đạt đạo. Thiền viện chúng ta sinh hoạt bình thường, không có gì gắt gao đến độ ta chịu không nổi, vậy mà huynh đệ không gia công tu tập được thì thật là dở.

Ở một thế giới mà vật chất quá sung túc thì rất khó tu. Như vừa rồi tôi sang Úc châu thấy đời sống vật chất của họ có thể nói là dư thừa, chớ không phải như ở xứ mình. Vì vật chất dư thừa, nên Phật tử gặp nhiều trở ngại trên đường tu. Nếu người không phát tâm mãnh liệt, nhất là chưa có lần nào chứng kiến những cảnh bi đát, thống thiết thì phát tâm không sâu, không vững. Cho nên người giàu sang sung túc ở trong cảnh bình thường tu được, gặp cảnh hơi khác thường tu không được.

Thành ra làm sao mình phải làm chủ, không bị chi phối bởi những cảnh duyên bên ngoài. Người có hùng chí, có quyết tâm mãnh liệt sẽ phát huy được định tuệ, không trông đợi, mong chờ gì hết. Còn chưa làm chủ được thì phải chấp nhận một cuộc đời thật lưu đãng, trôi giạt, mờ mịt không biết chừng nào yên. Tôi nói thế để anh em ý thức việc tu hành của mình, không thể thả trôi ngày tháng được. Đầu đêm cuối đêm, giữa đêm hay ban ngày, phải tự nỗ lực công phu. Đó là việc của mình. Còn sắp đặt sinh hoạt của tập thể là quy định chung như thế để phù hợp với mọi trình độ của các huynh đệ, nhưng nếu quý vị nào muốn tu thêm càng tốt, chứ không có ai cản trở cả. Ví như buổi tối tọa thiền tới chín giờ thì xả, nhưng ai phát tâm mãnh liệt tọa thiền tới mười một giờ càng tốt, không ai cản trở hết. Nghe mình ngồi như vậy huynh đệ khuyến khích, trân trọng một vị ham tu, biết tiết

kiệm thời gian, dành dụm từng phút sống còn để tu hành. Tăng Ni trong đạo tràng, ai cũng có quyền phấn đấu để vươn lên, không có người nào cấm cản chuyện đó cả, mà còn khích lệ nhiều hơn nữa.

Như buổi khuya ba giờ thức chúng, mọi người chuẩn bị tọa thiền cho tới năm giờ. Bây giờ huynh đệ mình càng cường, phát tâm dũng mãnh, quyết liệt thức trước ba giờ, trong lúc ngồi thiền phấn đấu cùng cực. Phấn đấu với muỗi mòng, với nóng nực, với cơn buồn ngủ, với những khó chịu mệt mỏi, phấn đấu vượt qua hết mọi chướng ngại, để ngồi yên định tĩnh táo suốt từ ba giờ cho tới năm giờ. Chúng ta hoàn toàn an nhiên trong thế tự chủ, rục rờ sáng suốt, như vậy hay biết chừng nào. Còn người đợi kiếng năm giờ xả thiền mới lồm cồm ngồi dậy, té ra này giờ mình vui đầu ngủ. Tu kiêu đó thì có ở trong thiền viện trăm năm nữa cũng thế thôi, cũng là cái loại ngủ gà ngủ gật, phải không? Thế nên huynh đệ là thanh niên, còn trẻ khỏe phải cố gắng khắc phục. Mãnh liệt trong công phu là phương châm tất yếu của những người thật tâm tu hành.

Hồi xưa trong đạo tràng của ngài Dược Sơn, có một thầy cũng là chức sự, bẵng đi một thời gian không thấy thầy ở đâu. Hòa thượng đường đầu thấy vắng mới đi tìm, thì ra thầy ngồi ở chỗ trống rẫy mà áo quần đã mục. Nghĩa là làm công tác rồi ngồi thiền và vào đại định tại đó luôn, đại chúng không ai để ý nên thầy bị bỏ quên đi. Tới khi tìm lại thì áo quần đã mục, vì thầy ngồi nhập định ngoài mưa ngoài nắng. Chúng ta nghe mà kinh khiếp! Còn chúng ta làm ở ngoài rẫy mà tai để trong nhà bếp, xem mấy giờ rồi, có ai đánh kiếng đánh bảng gì chưa...? Tu như vậy biết chừng nào mới sáng đạo được?

Ý thứ năm là, người thật tu ở ngay cảnh trần tục mà thành tựu đạo quả, còn quý hơn kẻ lên rừng núi mà chẳng biết chỗ tốt của đạo, chỉ luống uổng một đời công phu. Người thật tu ngay nơi cảnh trần tục vẫn có thể đạt được đạo. Vua Trần, ngay khi còn làm hoàng tử đã định trốn đi tu, nhường ngai vàng lại cho em nhưng triều đình không chấp thuận. Ngài bắt buộc phải ở trong hoàng cung nhưng tự khắc phục, không ăn uống nhiều, không hưởng thụ đời sống của một ông hoàng. Về đêm, Ngài chuyên nghiên cứu giáo điển, ăn uống đạm bạc đến đổi thân thể gầy còm. Vua cha tức Trần Thánh Tông hay được, buồn nói: “Ta trông cậy vào con, mà con làm như vậy thì ta biết sao đây?”. Ý chí tu hành đã được nuôi dưỡng khi Ngài còn đang tại vị, biết bao công việc và vinh hoa phú quý vây lấy, nhưng Ngài vẫn không quên tâm nguyện thiết tha tu hành ấy. Cho nên lời dạy của Ngài nhuần nhuyễn đạo đức thâm trầm, nhưng rất gần gũi với đời thường. Sống trong ngũ dục mà làm chủ được ngũ dục, đó là người sống với trí tuệ, là người thật tu. Đúng với tinh thần của Quốc sư Phù Vân đã dạy “Phật ở tại tâm”.

Hồi xưa khi vua Trần Thái Tông chạy lên núi đòi tu, Quốc sư bảo:

- Tôi là thầy chùa trên núi, ăn rau răm, uống nước suối, xương cứng da gầy. Bệ hạ là quân vương lên đây tìm cái gì?

Nhà vua trả lời:

- Lên để tìm Phật.

Quốc sư nói:

- Phật không có ở trong núi, Phật ở trong tâm.

Mình làm việc gì vì tất cả mọi người, không vì mình là làm việc Phật. Ngay từ đầu, các vua chúa đời Trần đã thể hiện rõ tinh thần này. Người thật tu không phải lặn lội tìm kiếm Phật ở đâu ngoài tâm. Cho nên tâm mới là cái chủ yếu, chứ không phải chỗ ở là chính. Tuy nhiên học đạo, tu đạo mà thành tựu được cũng cần có bậc minh sư và thiện hữu tri thức chỉ dẫn. Thành tựu được tâm nguyện tu hành của mình, cũng phải trải qua một quá trình gạn lọc, tu tập không dễ dàng gì. Vì vậy chúng ta phải cố gắng nương lời dạy, nương những tấm gương của các bậc cổ đức mà nỗ lực chuyển hóa đời sống của mình. Nỗ lực bằng cách phản quan lại mình, không lo lắng phụ việc của người khác, không đánh mất cơ hội tốt cho mình. Đó là biết ơn Phật Tổ, ân sư.

Không đánh mất cơ hội tốt của mình là sao? Là chúng ta đang có cơ hội tu hành thì phải đem hết khả năng, thực hiện tu tập đúng nghĩa, đừng vội thôi qua ngày uống một đời tu. Chư huynh đệ thấy thời gian trôi nhanh đến nỗi chúng ta quên bằng đi một khoảng là qua mất năm năm, mười năm ... Có nhiều vị tới đây xuất gia, làm thiền sinh học đạo tu hành, lụi xụi vài năm rồi chết. Chết là tin báo sau cùng trong đời tu của chúng ta. Ai cũng chứng kiến rồi đó. Đến lúc đó muốn tu lấy cái gì để làm phương tiện tu hành, vì cái thân này mất rồi. Nếu chúng Phật không gây dựng nghiêm túc, thì chưa chắc đời sau có cơ hội tốt như đời này. Chỗ này các vị học trong kinh điển Đại thừa, thấy khiếp đảm lắm. Chư Bồ-tát còn phải ngán khi cách âm. Nghĩa là khi chúng ta bỏ thân này cho tới lúc nhận thân sau, trong khoảng thời gian mịt mù đó, nếu không có trí tuệ thì nghiệp lôi tới đâu ta đi tới đó, không biết sẽ ra sao?

Cho nên thời gian còn đủ phúc duyên sống trong lòng đại chúng tu tập, anh tu mà ngủ gục thì có người lay anh, biểu anh đừng ngủ nữa, anh tu lười biếng thì có người nhắc anh đừng lười biếng nữa, anh tu sai quấy thì có người nhắc nhở đừng sai quấy như thế nữa. Song một mai nếu bỏ thân này rồi, ai thấy anh là cái gì đâu để nhắc nhở? Đó là một thiệt thòi lớn. Tôi nói thế để huynh đệ mình tranh thủ, đừng đánh mất cơ hội tốt này, tới chừng hồi

hận thì không kịp nữa rồi. Đừng nói đợi đến lúc mất, mà khi bệnh hoạn là đã thấy khó rồi. Đừng nói những cụ già mà trai trẻ cũng vẫn có thể bệnh, chết bất cứ lúc nào. Thời gian bệnh dù chúng ta gắng tỉnh cách mấy cũng không bằng lúc khỏe mạnh bình thường. Mình muốn đi đi không được, muốn ngồi ngồi không yên, ăn không được ngủ không được, cái gì cũng nhờ sự hỗ trợ bên ngoài, xem như mất tự chủ hoàn toàn. Cho nên các huynh đệ mình phải ráng. Chúng ta có duyên được gặp chánh pháp, gặp pháp môn tu thiền của Hòa thượng, sống trong Thiền viện là môi trường tốt, không nên đánh mất cơ hội quý báu này.

---o0o---

HỘI THỨ TƯ

Tin xem;

Miễn cóc một lòng;

Thì rồi mọi hoặc.

Chuyển tam độc mới chứng tam thân;

Đoạn lục căn nên trừ lục tặc.

Tìm đường hoán cốt, chỉ xả năng phục dục luyện đan;

Hỏi phép chân không, hề chi lánh ngại thanh chấp sắc.

Biết chân như, tin Bát-nhã, chớ còn tìm Phật Tổ Tây

Đông;

Chứng thật tướng, ngộ vô vi, nào nhọc hỏi kinh thiền Nam

Bắc.

Xem Tam tạng giáo, ắt học đòi Thiền uyển thanh qui;

Đốt ngũ phân hương, chẳng tốn đến chiêm-đàn chiêm-bặc.

Tích nhân nghi, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích-ca;

Cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chỉ thật ấy là Di-lặc.

Chú thích:

- Miễn cóc một lòng: Cốt biết một tâm.
- Rồi: Rảnh rồi.
- Chỉ xả năng: Chỉ hãy nên.
- Ngộ: Rõ.

- Cầm giới hạnh: Giữ giới hạnh.

GIẢNG:

Trong đây có những điểm chúng ta cần phải nêu lên để cùng tìm hiểu lời dạy của Sơ Tổ Trúc Lâm.

Ý thứ nhất là: Tu hành cốt biết được tâm thì sẽ chấm dứt mọi lậu hoặc; chuyển ba độc mới chứng ba thân, làm chủ sáu căn mới trừ được sáu giác. Chúng ta tu làm sao nhận được ông chủ tức biết được tâm. Tất cả những hiện tượng lăng xăng chung quanh theo đó được yên. Cái gốc vững rồi thì mọi thứ theo đó yên hết. Cái gốc chưa vững thì mình sẽ bị động, bị lụy bởi những thứ chung quanh. Thành ra ở đây xây dựng từ cái gốc, mà gốc đó là tâm mình.

Tâm chúng ta phải vững. Tâm vững rồi dù thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, thiếu tình thương, ta vẫn thấy an ổn bình thường. Bởi vì mình có cái gốc là tâm thể rộng rang sáng suốt, có khả năng thành Phật là đầy đủ hết. Do vậy không lo sợ, không tán tâm, không xao động bởi những hiện tượng chung quanh. Cho nên nói, biết được tâm thì chấm dứt tất cả các lậu hoặc. Lậu hoặc là những thứ làm cho chúng ta mê mờ, phiền não, cuối cùng nó cột trói mình vào vòng nhân quả luân hồi.

Chuyển ba độc, chứng được ba thân. Chuyển ba độc tham, sân, si thì chứng được ba thân là pháp thân, báo thân, hóa thân. Làm chủ sáu căn mới trừ được sáu giác. Tức làm chủ được các giác quan của mình, thì những thứ chung quanh không kéo lôi gì được hết. Mắt thấy sắc nhưng không bị động bởi sắc đẹp sắc xấu. Không khởi niệm thứ hai thứ ba đằng sau cái thấy sắc đó, người đó là chúa tể sơn lâm. Người đó đi từng bước đi chân động cả tam thiên đại thiên thế giới. Còn vừa thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu rồi lao theo thì muôn đời bị trói buộc bởi những thứ đó. Tu hành chỉ khác nhau một chút xíu vậy thôi. Ở đây Tổ dạy “Làm sao làm chủ các giác quan, làm chủ các căn là gốc của chuyện tu hành”. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn cũng dạy rõ ràng như vậy. Người tu phải nhận ra tâm, sống được với tâm, làm chủ các giác quan của mình.

Ý thứ hai là: Phải biết chân như Bát-nhã ngay nơi thanh sắc mà thấy; tam tạng thánh giáo của đức Phật là giúp cho chúng ta diệt trừ si mê, khi hết mê cũng không được kẹt trong kinh điển ngôn cú.

Phải biết chân như Bát-nhã ngay nơi thanh sắc mà thấy, tức là từ hình sắc âm thanh ta nhận được chân như Bát-nhã của chính mình, không bị động, không bị lệ thuộc bởi những hình thức đó. Tam tạng thánh giáo của đức Phật là phương tiện giúp cho chúng ta diệt trừ si mê. Chúng ta nên biết

trong giai đoạn đầu của sự tu cần dùng phương tiện, nhưng nhớ phương tiện cũng phải bỏ khi đã xong việc. Đã nhận lại, sống lại với thể giác thanh tịnh rồi thì phương tiện không dùng nữa. Bây giờ chúng ta học kinh, luật, luận, ngữ lục, tất cả ngôn cú của người xưa để nhận ra cốt tủy của sự tu hành, để phá dẹp tham sân si, chớ không phải học để lấy đó làm kiến giải đầy bụng, rồi nói suông.

Học thì học của người xưa mà trị là trị bệnh của mình, chớ không phải học để trị bệnh cho người xưa hoặc trị bệnh cho ai. Nhớ vậy đó. Ta không làm kinh động thiên hạ. Mình thấy hồi xưa chư Tổ vắc hèo đập, mình cũng vắc hèo đập, đập người ta mà không đập mình. Càng đập người ta mình càng tăng trưởng ngu si. Thành ra ở đây phải trị cái bệnh của mình. Ứng dụng thủ thuật, phương tiện của người xưa để trị bệnh cho mình. Đó là trừ si mê, không bị kẹt vướng vào phương tiện.

Nói thì nói thế, chúng ta có bệnh đã dùng phương tiện rồi thì khó bỏ lắm. Ví dụ lò bánh mì đó làm bánh mì mình ăn vừa miệng, mình thích lắm. Bữa nay ăn, ngày mai có tiền kêu đệ tử “Mua bánh mì thì lại cái lò đó mua nghe, mua ở mấy lò khác thầy ăn không được!...” Đó là kẹt rồi. Chúng ta luôn luôn như vậy, từ cái nhỏ xíu cho tới cái lớn lao, thành ra thói quen. Cho nên ngày xưa Phật dạy các thầy Tỳ-kheo không nên ngủ quá ba đêm dưới một gốc cây, ở thì ở gò mả, đồ dùng chẳng có gì ngoài một bình bát, ba y và dây lược nước. Đức Phật sinh ra dưới bóng cây, thành đạo dưới bóng cây và viên tịch cũng dưới bóng cây. Chúng ta bây giờ khác hẳn rồi. Lốp tham đắm, cố chấp của mình dày quá. Do đó tham sân si còn y nguyên. Chúng sanh là vậy, chìm trong vô minh tăm tối hoài, không biết bao giờ mới chịu ngoi lên?

Ý thứ ba là: Phải thấp sáng năm phần hương nơi chính mình. Giới hương, Định hương, Tuệ hương, Giải thoát hương và Giải thoát tri kiến hương. Đó là năm phần hương nơi chính mình. Hằng ngày hằng giờ dùng năm phần hương này, đây là hương tự tánh pháp thân để cúng dường chư Phật.

Một là hương giới. Hương giới chính là tự tâm không quấy, không xấu ác, không ganh ghét, không tham sân, không cướp hại. Chỉ một hương giới thôi cũng đã khó rồi đó! Tức là sống được với tự tâm của mình, không quấy, không xấu ác, không ganh ghét, không tham sân, không cướp hại. Sống được với tự tâm của mình rồi thì tất cả những thứ đó không còn nữa.

Hương thứ hai là hương định. Hương định là thấy cảnh tướng thiện ác, tâm không loạn. Ai được như thế là hằng sống được với Định hương của mình. Giới hương hay Định hương gì cũng đều là tâm hương cả.

Hương thứ ba là hương tuệ. Hương tuệ là tự tâm không ngại, thường dùng trí tuệ quán chiếu tự tánh. Không tạo các ác, tu tạo các điều lành mà không vướng mắc. Kính trên nhường dưới, đùm bọc kẻ cô bản. Chỉ người nào có trí tuệ thì tự tâm mới không ngại. Thường dùng trí tuệ quán chiếu. Quán chiếu ở đâu? Quán chiếu lại tự tánh của mình. Không tạo các ác mà thường tu tạo các điều lành, tâm không vướng mắc, không còn bị ngăn ngại bởi những hình thức chung quanh. Đây là người dùng được trí tuệ của mình quán chiếu một cách triệt để tất cả các pháp. Người này tâm rộng rang sáng suốt trùm khắp, nên mới bảo dưỡng đùm bọc kẻ cô bản. Là người đã thuận hạnh, bước được những bước thật dài trên con đường Bồ-tát đạo, để tiến đến viên thành Phật quả.

Chúng ta tu, nếu tâm được yên, làm chủ các cảnh duyên, hằng sống với tánh giác của mình, như thế có thể gọi là sử dụng được hương trí tuệ, có thể thành tựu tất cả Phật sự, đầy đủ các công đức. Bây giờ tâm từ bị giàn trải trùm khắp, cứu giúp quần sinh. Đây là thực hiện Bồ-tát đạo tới mức độ sâu rộng vô cùng. Người sử dụng được hương trí tuệ là vận dụng được trí tuệ thanh tịnh giải thoát ngay nơi mình, chứ không phải của ai.

Hương thứ tư là hương giải thoát. Hương giải thoát là tâm không vin theo các duyên, không nghĩ thiện không nghĩ ác, tự tại vô ngại. Do không vin theo nên không vướng không mắc. Đối cảnh thiện ác vô ngại tự tại, là giải thoát rồi. Giải thoát ở đây muốn nói là giải thoát từ tâm của mình, chứ không có hình thức giải thoát nào khác. Chữ Giải là cởi ra, chữ Thoát là không vướng mắc gì hết. Chỉ người sống được với tâm thể của mình, mới lột bỏ được tất cả những râu ria không cần thiết. Giống như người trong tủ sắt có vài ba chục khối ngọc ngà châu báu rồi, thì tiền bạc vải vóc bên ngoài xem như giấy vụn. Còn bên trong trống rỗng, thì gặp cái gì cũng nhét vô cho đầy. Thành ra, muốn giải thoát là bên trong phải đầy, đầy đủ đạo hạnh trí tuệ. Đạo hạnh trí tuệ này từ công phu mỗi ngày của chúng ta mà có.

Nói tới thiền là nói tới hằng sống với tánh giác, với cái gốc của mình. Sống được với cái gốc thì không nói giải thoát mình vẫn giải thoát như thường. Cho nên người sống được với tâm thể gọi là sống thiền, người ấy rong chơi tự tại trong các cảnh mà không bị vướng mắc bất cứ cảnh duyên nào. Như thế mới là tự tại chứ! Chẳng những tự tại trong lúc sống mà khi mất đi cũng tự tại, muốn sanh vào cảnh giới nào đều tùy nguyện lực mà được như ý.

Chúng ta chưa nói tới được như Thiền sư, mình chỉ là thiền sinh ở Thiền viện, nhưng đời sống cũng ít bị trói buộc hơn người thế gian rồi, không vướng mắc ăn, không vướng mắc mặc, không vướng mắc địa vị,

không vướng mắc tình cảm... Nếu giữ gìn và phát triển được đời sống tốt đẹp như vậy thì trong những đời sau, hoặc vì nghiệp quá khứ mà ta có rơi vào các đường xấu hơn, mình vẫn còn chủng tử tu hành, nên cũng sẽ tự tại hơn, ít khổ hơn các chúng sanh trong cảnh giới ấy. Bởi vì mình thường được Phật Tổ dạy phải quán chiếu cha mẹ, huynh đệ, chùa chiền đều do duyên hợp giả tạm. Thầy tổ cũng là một đoạn nhân duyên gặp nhau để hỗ trợ tu hành. Chúng ta giống như một người khách lữ hành ghé lại cõi này nghỉ trọ qua đêm, qua một đoạn đời. Có gì để vướng mắc? Phải quán chiếu như vậy mới không vướng kẹt, mới tự tại ra đi. Nghĩ thế tâm sẽ thấy giải thoát, an ổn, bình thản với tất cả cảnh duyên bên ngoài.

Có câu chuyện Bồ-tát trong một kiếp rớt xuống địa ngục. Khi vào địa ngục thấy mấy người bạn đang bị hành hình, kéo chiếc xe lửa bằng sắt. Chiếc xe phun lửa, thẳng quỹ đứng trên xe điều động lỗ mũi nó, miệng nó, khắp thân thể nó chỗ nào cũng phun lửa, cho đến cây chia ba nó cầm cũng phun lửa. Nhìn thấy tội nhân ốm yếu kéo không nổi, đã vậy lại bị quỷ lửa cầm cây chia đâm hoại. Cứ mỗi lần đâm là tội nhân cháy rụi và chết. Chết rồi sống lại tiếp tục thọ hình nữa. Bồ-tát thấy thương quá mới nói với quỷ:

- Ông làm ơn bớt chút đi! Người ta ốm yếu, ông hành hạ quá làm sao chịu nổi. Để tôi chịu thay hết những cực hình này cho, xin ông bớt tay một chút.

Ngài vừa nói tới đó, quỷ lửa nổi nóng đâm Ngài đồ ruột chết liền tại chỗ và ngay đó Ngài thoát kiếp địa ngục. Thoát được là nhờ Ngài khởi tâm thương tội nhân kia. Còn những chúng sanh thọ hình trong địa ngục phải chịu muôn lần sống muôn lần chết kinh khủng như vậy, chứ không thoát được như Ngài. Cho nên huynh đệ cố gắng tu để được giải thoát, để không bị thống khổ mãi trong ba cõi sáu đường, nhất là những đường dữ.

Hương thứ năm là hương giải thoát tri kiến. Hương giải thoát tri kiến là tự tâm không chạy theo thiện ác, không chìm, không trệ tịch, học rộng nghe nhiều, biết tự tâm thông thật lý của chư Phật, hòa quang tiếp vật, tâm không nhân ngã, thẳng đến Vô thượng Bồ-đề, chân tánh không dòi dôi. Hương này tự bên trong chớ tìm bên ngoài. Đây là tâm hương cuối cùng, tâm hương này là hương giải thoát tri kiến, tức cởi mở sạch hết. Đến đây rồi thì sống triệt để với trí tuệ sáng suốt, tâm thể bình đẳng nhất như, hoàn toàn an ổn và đầy đủ diệu lực, làm vô lượng công đức.

Sơ Tổ Trúc Lâm dạy chúng ta phải thấp sáng năm phần hương nơi chính mình. Song hương nào cũng từ tự tâm thôi. Tự tâm chúng ta phải vững, phải đồng mãnh, không vướng mắc, thanh tịnh giải thoát.

Ý cuối cùng là: Tích nhân nghĩa, tu đạo đức, giữ giới, trừ bỏ kiết sử, ấy chính là Phật Thích Ca, Phật Di Lặc hiện nơi đời, nơi mình. Chữ Tích là chứa nhóm, cũng có nghĩa tu trì. Tu đạo đức là chứa nhóm tu trì, gìn giữ giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh. Bỏ tất cả những kiết sử, tức là bỏ phiền não. Bởi vì phiền não là giặc. Trong thời gian nỗ lực phấn đấu tu hành, chúng ta không nên để cho giặc phiền não xâm nhập gia cư của mình. Giống như một tướng lĩnh giỏi đang chiến đấu giữa quân trận muôn trùng, thì không bao giờ nuôi giặc, không có một sơ hở nào cho giặc tiến công hoặc làm sào huyệt trong doanh trại của mình. Quét sạch tất cả bọn giặc mới có thể an ổn. Thành ra ở đây Ngài dạy: Tu đạo đức, giữ giới, trừ bỏ phiền não, tích chứa nhân nghĩa... được như vậy thì Phật Thích Ca hiện đời, Phật Di Lặc cũng ngay đây.

Phật Thích Ca ý nói đức Phật ngay trong hiện đời, Phật Di Lặc là đức Phật tương lai, nghĩa là hiện tại chúng ta sống được với tâm Phật hoàn toàn mà tương lai cũng thế. Đức Phật Di Lặc biểu trưng cho sự hoan hỷ, nếu chúng ta sống được với ông Phật của mình rồi thì hiện đời yên ổn và tương lai rất an vui, lúc nào cũng cười toe toét như đức Phật Di Lặc.

Tinh thần của các tổ Trúc Lâm là tu ngay trong đời thường, hòa cùng cát bụi mà thành tựu đạo nghiệp. Tích nhân nghĩa, tu đạo đức, gìn giữ hạnh, phá tham sân si, dẹp trừ phiền não. Đó là những sinh hoạt bình thường, chứ không phải lên trời lên mây mới tu. Sơ Tổ Trúc Lâm vào quăng cuôi đời, Ngài đi vào dân gian phá dẹp các dâm từ và dạy Thập thiện cho nhân dân. Là một ông vua, một ông tổ mà hòa nhập với cuộc thế, với người dân khắp mọi miền khuyên dạy những pháp tu hết sức giản dị như giữ năm giới, tu Thập thiện... Ngài không giảng những bài pháp trên trời trên mây, dành cho Bồ-tát hay chư thiên nghe đâu.

Ngài phá dâm từ tức là đi vào dân gian, phá những làm chấp tập tục mê tín dị đoan, không đúng với tinh thần, ý nghĩa Phật pháp. Thật là một con người trọn vẹn đời vẹn việc đạo, tự lợi lợi tha viên mãn. Thời gian làm Thái thượng hoàng, Ngài chia sinh hoạt ra làm hai bữa: nửa ngày xử lý việc quốc gia, nửa ngày tu. Chúng ta thấy ý chí của một ông vua như vậy mới làm Tổ được chứ! Khi xuất gia tu hành, Ngài ngộ đạo từ câu Phản quan tự kỷ bỏ!n phân sự bất tùng tha đắc. Nhà vua khi đã đi tu là tu cho tới nơi tới chốn, hành hạnh đầu đà. Lịch sử đức Phật Thích Ca cũng vậy. Khi Ngài từ bỏ hoàng cung đi xuất gia cũng tu khổ hạnh.

Ý chí và tâm lực mạnh mẽ, chuyên nhất như thế mới thành tựu đạo nghiệp. Chúng ta phải học và thực hành theo tấm gương của các ngài.

HỘI THỨ NĂM

Vậy mới hay!

Bụt ở cong nhà;

Chẳng phải tìm xa.

Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt;

Đến cốc hay chĩnh Bụt là ta.

Thiền ngộ năm câu, nằm nhãng cong quê Hà hữu;

Kinh xem ba bận, ngồi ngời mái quốc Tân-la

Trong đạo nghĩa, khoảng cơ quan, đà lọt lẩn trường Kinh

cửa Tổ;

Lánh thị phi, ghé thanh sắc, ngại chơi bời dậm liễu đường

hoa.

Đức Bụt từ bi, mong nhiều kiếp nguyên cho thân cận;

Ôn Nghiêu khoáng cả, lọt toàn thân phô việc đã tha.

Áo miễn chẵn đằm ấm qua mùa, hoặc chằm hoặc xẻ;

Cơm cùng cháo đói no đòi bữa, dầu bạc dầu thoa.

Ngăn bát thức, nén bát phong, càng đề càng bội;

Lấy tam huyền, nong tam yếu, một cắt một ma.

Cầm vốn thiếu huyền, xá đàn dẫu xoang vô sinh khúc;

Địch chẳng có lỗ, cũng bám chơi xướng thái bình ca.

Lấy cội tìm cành, còn khá tiếc Câu Chi trưởng lão;

Quay đầu chấp bóng, ắt kham cười Diễn Nhã Đạt Đa.

Lọt quyện Kim Cương, há mặt hầu thông nên nóng;

Nuốt bông lật cục, nào tay phải xước tượng da.

Chú thích:

- Cong: Trong.

- Khuây: Xao lãng hay quên lãng. Nhân khuây bản: Nhân vì xao lãng hay quên lãng cái gốc.

- Ngỏ: Rõ. Thiên ngỏ năm câu... : ý nói, rõ được các câu nói của nhà thiên là năm được ý thiên.

- Năm nhãng: Năm thanh thản.

- Quê Hà hữu: Quê chẳng có nơi chốn.

- Ngồi ngoi: ngồi chơi thanh thoi.

- Mái quốc: Mé nước.

- Tân La: Triều Tiên. Ngày xưa người Trung Hoa thường cho rằng dân Triều Tiên ít lo lắng, có cuộc sống rất nhàn hạ.

- Trong: Trọng.

- Khoảng cơ quan: Mở rộng các cơ quan.

- Đà: Đã.

- Lọt lẩn: Lọt vào trong.

- Lọt toàn thân: Vào được hoàn toàn.

- Phô việc: Nhiều việc.

- Đã tha: Đã qua.

- Áo miễn chẵn: Áo với chẵn.

- Chăm: Vá vú.

- Xê: Xập xệ.

- Dầu bạc dầu thoa: Dù đạm bạc, dù sơ sài.

- Lấy: Bật.

- Nong: Nói, mở rộng.

- Một cắt, một ma: Một đôi, một mài.

- Cầm: Đàn.

- Huyền: Dây

- Xá đàn: Hủy đàn

- Dấu: Thích thú.

- Xoang: Xương.

- Quyện Kim Cương: Lồng Kim Cương.

- Há mặt hầu thông nên nóng: Gương mặt đâu có hề nóng.

- Bồng, lật, cức: Những loại dây gai.

- Tượng da: Da thịt.

GIẢNG:

Vậy mới hay! Bụt ở trong nhà; chẳng phải tìm xa. Nghĩa là khi biết được lẽ thật rồi thì thấy rõ Phật ở trong nhà, chẳng cần tìm đâu xa. *Nhân khuấy bản nên ta tìm Bụt; Đến cốc hay chỉ Bụt là ta.* Chỉ vì quên gốc nên ta mới đi tìm Phật, đến khi biết được rồi thì chính Phật là ta.

Trong hội thứ năm này, tôi tạm chia ra làm năm điểm:

Điểm thứ nhất. Ở đây nói rằng Phật ở trong nhà, chẳng cần tìm ở đâu xa, chỉ vì quên gốc nên ta mới đi tìm Phật, đến khi biết được rồi thì chính Phật là ta. Những điều này chúng ta được Hòa thượng dạy rồi, nên không thấy mới lạ. Tuy nhiên, học thì có học nhưng nếu không hành thì chúng ta cũng chẳng thấy được Phật của mình. Vì vậy chưa thể gọi là tu như ý Phật Tổ dạy. Trong kinh Pháp Hoa hay kinh Lăng Nghiêm cũng có nhắc đến Phật ở trong nhà, chẳng cần tìm đâu xa. Nhà ở đây là nhà gì? Tức là pháp thân Phật, Tri kiến Phật của chúng ta. Nói theo thiên thì Hòa thượng Tôn sư dạy đó là tánh giác.

Tánh giác thì ngay nơi mỗi chúng ta đều có sẵn, do vậy ta khỏi tìm. Nhưng có điều là từ lâu chúng ta không nhận diện được, hoặc bỏ quên, quay lưng với tánh giác, nên bây giờ giả như có gặp lại cũng không quen, không biết. Bởi gặp nhau không quen không biết nên mình đành chấp nhận những gì mình quen biết hằng ngày trong cuộc sống, cho đó là mình.

Vậy thì tánh giác ở đâu? Chính bản thân chúng ta cũng chưa biết nó ở đâu nữa, phải không? Cái chưa biết mà chỉ ở đâu, hình dáng thế nào thì chắc rằng không đúng. Nói thế để chúng ta phải nỗ lực công phu tu hành, mới có thể nhận ra cái chân thật của mình, chứ không thể nghe nói suông mà nhận biết được. Chỉ có tu hành mới nhận lại được cái thực của mình. Như tất cả chúng ta khi phát tâm xuất gia, vào Thiền viện sống theo thanh quy, ở trong tập thể, lúc nào cũng được nhắc nhở phải tu, tức là phải có công phu. Từ công phu tu tập đó, dần dần vén lên, tóc hết tất cả những mê mờ bu bám từ lâu nay, rồi sẽ sáng được việc lớn. Đó là phần công phu của mỗi thiền sinh. Chư huynh đệ nên nhớ dù cho hạng căn khí đặc biệt gì gì, nhưng nếu thiếu công phu cũng khó có cơ hội nhận ra và sống được với cái chân thật của chính mình.

Chúng ta phát huy được tâm niệm của mình, sắp đặt thời khóa tu hành ổn định và giữ đều đặn công phu như thế, đây là một duyên tốt từ quá khứ đến trong hiện tại, chứ không phải tự nhiên mà được đâu. Cho nên sống trong một đạo tràng, trong một tập thể đồng tu là phước duyên lớn, các

huynh đệ phải biết trân trọng gìn giữ, đừng đánh mất phước duyên quý báu ấy. Nếu vì một lý do gì đó chướng ngại, chúng ta phải xa đạo tràng, xa tập thể các bạn đồng tu, huynh đệ sẽ thấy việc tu hành rất khó. Chẳng ấy muốn quay trở lại cũng không dễ.

Cho nên huynh đệ có thể sống trong môi trường bình thường như thế này, khai thông cho được việc của mình. Việc tu cần phải quán xét kỹ càng, có được chút kết quả nào cũng không nên tự cho là mình đã được. Phải kiểm nghiệm với lời Phật dạy và những kinh nghiệm chư Tổ truyền đạt qua ngữ lục hay luận, sử. Ví dụ có người hỏi trước rất ít nói, nhưng xuất gia tu một thời gian, tự nhiên cái gì cũng nói, cái gì cũng lý luận hết. Như vậy là sao? Đừng nghĩ rằng người ấy ngộ đạo hoặc khai thông được biện tài vô ngại. Thưa, không dễ dàng như vậy đâu!

Người xưa muốn lên trên chùa Đồng phải đi từ sáng tới tối, băng rừng lội suối, leo núi trèo đèo, cạo sỏi chực chờ vẫn không sợ, không sờn lòng. Cho nên các ngài lên tới chùa Đồng bằng cả tâm thành và sự vất vả. Còn bây giờ chúng ta chỉ cần bỏ ra năm ba chục ngàn ngồi xe điện, đi cái ù tới nơi khỏe re! Nó khác xa người xưa, phải không? Khác xa về thời gian, về đoạn đường và về cả tâm thành lên chùa Đồng. Từng bước từng bước viển hành trên đoạn đường dốc ngược, mà lên được tới đỉnh núi khác rất xa với kẻ ngồi xe điện chạy bằng dây cáp lên đỉnh núi. Chúng ta nên hiểu cho tường tận việc tu hành của mình cũng vậy đó. Giá trị nằm ở công phu chớ không phải ở kiến thức, kiến giải.

Con người thường có tâm hướng ngoại, đứng núi này trông núi nọ. Khi chưa vào Thiền viện thì tha thiết, cầu xin cho được vào Thiền viện tu hành. Đến khi vào được rồi thì tiếp tục trông ngóng chỗ khác. Và nếu cứ cái bệnh ấy tiếp diễn thì dần tìm được chỗ khác họ cũng không hài lòng, để rồi lại tìm nữa. Có vị ở đây về Thành phố, ở Thành phố một thời gian nói ồn ào rồi về quê, chống xuồng qua sông. Chèo đò, đi ruộng một thời gian thấy buồn quá lại chạy lên vùng cao, có núi có rừng. Quanh quất một hồi lại trở về Thành phố... Cuối cùng là một ông thầy sồ sộ, uy nghi, áo quần như thế mà không nằm trong Tăng đoàn nào hết. Quý vị thấy, nguy hiểm như vậy, là do từ tâm ban đầu, chí nguyện tu không vững.

Cho nên môi trường tu hành rất quan trọng, chư huynh đệ chọn được nơi tốt rồi, còn phải thực tâm nỗ lực công phu để giữ vững tâm ban đầu. Bởi không có đạo nào chúng ta có thể ngộ được trong một sáng một chiều đâu. Nhân các cảnh duyên thuận nghịch, chúng ta nhận ra cái nào giả, cái nào thuộc về si mê thì bỏ, cái nào thật thì đó là tánh giác, hãy gìn giữ và sống với cái đó. Phật dạy chúng sanh tuy có khả năng thành Phật, nhưng với điều kiện

là phải tu, chứ không thể nói thành Phật là thành Phật liền. Muốn tu thì phải yên ở ổn định mới tu được chứ, còn chạy hoài cuối cùng đầu đuôi lại cũng chính là mình, đâu thể tìm nơi nào khác.

Cái sai lầm của phần đông chúng ta bây giờ là nói hay mà làm không hay. Có người làm được một số công việc gì đó, liền tưởng mình thành đạt. Hoặc họ sắp đặt một số công việc tương đối khó khăn, mà vị thầy cũng lúng túng. Được thế rồi cứ ngỡ mình siêu xuất hơn thầy, ngỡ mình là Phật. Đó là những cái lầm to dễ dẫn tới chỗ hư hỏng. Cho nên người thật tu phải tâm tâm niệm niệm, bước từng bước vững chắc, tiến lên bằng lòng khiêm hạ chân thành.

Phật tánh chúng ta có, trí tuệ chúng ta có, nhưng hoàn chỉnh những cái đó còn phải đợi. Đợi gì? Đợi xem chúng ta thực hành như thế nào, tâm niệm ra làm sao? Cho nên tất cả chúng ta phải gắng lên! Gắng khắc phục, gắng làm chủ lấy, gắng điều chỉnh đường đi nước bước của mình trong từng ngày từng giờ. Gắng làm chủ lấy tức là không để những sự duyên chung quanh làm lay chuyển việc tu hành của mình. Bởi vì đối diện với tất cả, giải quyết được tất cả, làm chủ lấy mình là từ sự tu hành mà ra, chứ không có ai thể cho mình được hết.

Điểm thứ hai, Tổ dạy khi đã hiểu được Thiên rồi thì ta sống thanh thản an nhàn ở chỗ không nơi chốn. Không nơi chốn tức là chỗ nào? Chỗ an lạc tự tại, không bị ràng buộc bởi bất cứ thứ gì hết. Thật vậy! Người đã an lạc thì ở chỗ nào cũng tự tại, cho nên các vị tu Bồ-tát đạo thường hòa nhập cuộc sống của mọi người để hoàn thành Phật sự, giáo hoá chúng sanh, thành tựu đại nguyện Bồ-tát của mình, để đạt đến mục đích cứu cánh là viên thành Phật đạo.

Trở lại việc tu hành của chúng ta, tuy nắm được pháp tu nhưng nếu ta không thực hành liên tục, giữ vững tâm niệm thức tỉnh trong từng phút giây thì sẽ dễ phóng túng và tâm bị cuốn trôi theo ngoại cảnh. Vừa thấy duyên thuận nghịch là dấy niệm, trong lòng không yên, như vậy là công phu chưa đắc lực. Do đó không sống trong chỗ an lạc thường nhiên tự tại, luôn bị vướng mắc buộc ràng. Do vậy mỗi thời tọa thiền của chúng ta rất quan trọng, Hòa thượng thường nhắc nhở các thiền sinh phải làm sao một giờ tọa thiền là một giờ làm Phật. Chúng ta phải nuôi dưỡng ý chí, sự quyết tâm mới có thể vượt lên vô minh bất giác và thói quen lười biếng giải đãi. Muốn được an nhiên tự tại thì trước phải làm chủ được mình.

Tôi thấy trong số chư huynh đệ ở đây có vị cũng siêng năng phấn phát công phu, buổi tối tọa thiền hơn hai tiếng. Về hình thức như vậy là có tiến, song quan trọng là nội tâm cũng phải vững chãi, có niềm vui. Được vậy kết

quả tu tập của mỗi huynh đệ sẽ là sự cố vũ động viên, khuyến khích cho các anh em, tác động tốt lên tinh thần tu tập của toàn thể đại chúng. Ngồi thiền khi có an lạc, có sự tỉnh giác rõ ràng, chúng ta không còn thấy mỗi mệt hay đau chân, không buồn ngủ, không sợ muỗi mòng cắn, không sợ nóng sợ lạnh, không sợ gì hết. Hoàn cảnh chung quanh không thể tác động lên một hành giả tâm đã được thanh tịnh. Xin mời chư huynh đệ thẳng thắn, dũng mãnh bước vào chỗ thật sự bình yên.

Tôi thấy một số chư huynh đệ trong nội viện đã phát tâm bước lên chỗ ấy. Một số bước được nhưng chưa dám bước. Một số viện lý do này lý do khác đứng bên ngoài nhìn, chứ không bước lên. Thiệt là uổng! Tuy nhiên chỗ này không ai ép. Vị nào muốn tiến tới thì cứ tiến tới, ai muốn bước lui thì cứ bước lui. Tùy sự lựa chọn của mỗi vị mà kết quả tương ứng. Có điều đặc biệt là, chỗ này vị nào nhận ra rồi thì tự nhiên tiến tới, không cần người khác nhắc nhở cũng dũng mãnh tiến bước. Tới điểm “uống trà” này, quý vị có thể ngồi uống trà một ngàn năm cũng không ai nói! Còn tu không tới đâu mà chụm đầu uống trà, tán gẫu là quý sứ ma vương đứng chực một bên chờ giờ lôi quý vị xuống châu Diêm chúa đây.

Đức Thế Tôn trong khoảng thời gian tu thiền định dưới cội Tất-bát-la, Ngài nguyện “Dù thịt nát xương tan, nếu không đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề, ta nhất định không rời khỏi chỗ ngồi này.” Khi nguyện như vậy xong, Ngài trải cỏ làm tòa ngồi thiền suốt bốn mươi chín ngày đêm. Cuối cùng chiến thắng tất cả những ngoại ma và nội ma, Thế Tôn hoàn toàn giác ngộ viên mãn và thành Phật. Lịch sử cuộc đời của đức Phật đã cho chúng ta thấy chỉ có thiền định mới lóe lên ánh sáng trí tuệ, đi đến giác ngộ triệt để. Cho nên lời nguyện lâm liệt của Bồ-tát Sĩ Đạt Ta trước khi thành đạo, chúng ta phải khắc ghi. Nếu không đạt đạo Ngài không đi đâu hết, không làm việc gì khác, thẳng thắn quyết liệt như vậy nên Ngài mới thành tựu sở nguyện.

Con đường chúng ta đi cũng phải như thế. Dù có né bên này tránh bên kia, có bị nhức đầu, cảm mạo, ho phong, đau chân đau bụng gì gì, cuối cùng cũng phải đến chỗ đó. Bởi vì mỗi chúng sanh đều có Phật tánh mà. Huynh đệ có duyên mới xuất gia tu Phật, như vậy tất cả chúng ta đều có chủng tử Phật. Chủng tử sẽ dẫn chúng ta đến chỗ giác ngộ, không có cái khác, nhưng mau chậm còn tùy mỗi người. Dù bây giờ mình có mắc cái này vướng cái kia, cuối cùng cũng tự tháo gỡ thôi, mà không gỡ nó cũng mất, bởi đâu có gì thật mà theo mình hoài. Đã vậy, trước sau gì chúng ta cũng buông bỏ hết các thứ giả tạm, vậy sao không ngay bây giờ làm liền, để mất thì giờ chi cho uổng. Con đường luôn ở trước mặt, chỉ cần chúng ta cất bước là đi đến thôi.

Những gì chúng ta vướng mắc, tuy không thật nhưng nó sẽ bám víu lên mình thành lớp áo sắt, thành lửa vây bủa đốt hại ta khốc liệt. Chỉ khi nào mình cởi ra thì mới thoát khỏi nhiệt não khổ đau. Phải anh hùng dũng dạn mới tháo gỡ được. Tháo gỡ cho mình rồi, vì những người chung quanh chỉ họ cách tháo gỡ. Mỗi đêm chúng ta thường hồi hướng “Nguyện cho pháp giới chúng sanh trọn thành Phật đạo”. Pháp giới chúng sanh nhiều biết bao nhiêu, mà nguyện cho họ đều trọn thành Phật đạo, chuyện này không phải nói giỡn được. Cho nên chúng ta phải chân thành, khẩn thiết tu hành mới không bị tội đại vọng ngữ.

Điểm thứ ba là mở con mắt đạo. Điều này không dành riêng cho ai hết, vì ai cũng có thể mở con mắt đạo. Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau, nên ai cũng có trí tuệ, ai cũng có thể làm Phật. Người mở được con mắt trí tuệ rồi thì ở trong thính sắc mà tránh xa thính sắc. Tránh xa thính sắc trong đạo Phật không có nghĩa là không dám đối diện với thính sắc. Làm sao không đối diện được? Nhiều người cho rằng tìm về vùng quê thật xa, thật hẻo lánh sẽ không có thính sắc. Nhưng vùng quê bây giờ cũng phát triển, có truyền hình truyền thanh đủ hết, họ buôn bán đủ thứ trên đời, không thiếu thứ chi. Như vậy không có nơi nào tránh được thính sắc. Song những thứ thính sắc bên ngoài ấy không đáng lo ngại bằng thính sắc trong lòng. Chính thứ thính sắc này mới nguy hiểm hơn nhiều, vì nó có sức cuốn hút con người bất kể lúc nào, ở đâu nên chúng ta không tránh khỏi nó.

Vì vậy người mở được con mắt tuệ, khi đối diện trước thính sắc, sẽ thấy biết rõ nó không thật, hư ảo nên không đắm luyến, không say mê chạy theo nó. Nhờ thế ta có thể dừng tạo các nghiệp, dần dần làm chủ thân tâm, sống lẫn trong thính sắc nhưng không hòa tan với nó. Đây chính là diệu dụng của trí tuệ chân thật vậy. Cho nên nói tất cả đều từ tâm lưu xuất. Một khi tâm đã thanh tịnh, đã yên rồi thì muôn sự muôn vật cũng theo đó mà yên. Nhưng khi tâm phát khởi loạn động thì chúng ta khó bảo vệ được mình không vướng theo vòng thính sắc.

Nếu chúng ta chưa thể mở được con mắt tuệ thì đối diện trước thính sắc thật sự là điều đáng ngại. Biết mình còn yếu phải lo phương tính kế, xa lánh bớt những thứ cám dỗ ấy đi. Do đó Tổ dạy *Lánh thị phi, ghê thanh sắc, ngại chơi bời dậm liễu đường hoa*. Người xưa dè dặt cẩn trọng trong việc tu hành đến như vậy, chúng ta ngày nay không thể không noi theo. Phật dạy người chưa chứng A-la-hán chưa thể tin tâm mình. Thế nên huynh đệ muốn bảo dưỡng công phu, trước phải thu thúc các căn, tránh bớt duyên bên ngoài, đồng thời nỗ lực khai sáng trí tuệ, mở con mắt đạo. Mở được con mắt đạo rồi thì tha hồ tung hoành mà vẫn không sợ vướng mắc vào đâu. Đây chính là kinh nghiệm quý báu của cổ nhân truyền dạy lại cho chúng ta.

Điểm thứ tư Tổ dạy người tu hành không chú trọng đến việc đói no hưởng thụ theo thế gian. *Đức Bụt từ bi, mong nhiều kiếp nguyên cho thân cận. Ôn Nghiêu khoáng cả, lọt toàn thân phô việc đã tha. Áo miễn chần đằm ẩm qua mùa, hoặc chằm hoặc xẻ. Com cùng cháo đói no đòi bữa, dầu bạc dầu thoa.* Ở đây nói kẻ tu hành không nghĩ đến việc ăn mặc, hưởng thụ như người thế gian. Đạm bạc, vá víu sao cũng tốt, chỉ cốt thức tỉnh không dấy động, tám gió thổi không lay chuyển. Thấu tột được chỗ huyền nghĩa, tha hồ thổi khúc vô sinh, hát ca thái bình.

Ở đâu miễn tu hành đắc lực là được. Nếu tâm điều hòa an ổn dù chưa được giác ngộ, chúng ta cũng cảm thấy nhẹ nhàng rồi. Người không nặng của cải, không nặng việc ăn mặc chải chuốt bên ngoài, không vướng mắc bởi những cảnh duyên, đời sống tu hành của họ nhẹ nhàng lắm. Nói vậy nhưng kiếm một người sống nhẹ tênh cũng hiếm. Chúng ta không vướng cái này cũng mắc cái kia, người không nặng vấn đề ăn uống lại nặng vấn đề giao tế, hờ một chút sợ người này buồn người kia giận, nên phải làm sao cho bật thiệp. Hết lễ này tới lễ khác, việc nọ sắp đặt chưa rồi đã tới việc kia, thư mời hôm qua chưa giải quyết hôm nay thêm hai ba thư mời tiếp, cứ thế mình trang trải cho đẹp trong mối giao lưu quan hệ chung quanh. Cuối cùng không còn thời gian đâu mà tu hành nữa.

Cho nên hễ người xưa nói đến tu hành thì thường là lên non, ở chỗ xa vắng. Bởi muốn tu được dễ dàng thì phải tránh duyên, ở chỗ yên lặng. Ngày xưa đức Thế Tôn cũng dạy các thầy Tỳ-khưu như thế. Khi lãnh một đề án rồi thì các thầy phát nguyện tìm đến chỗ yên lặng, xa thành thị ồn náo, để thiền định. Yếu tố đắc lực đầu tiên của thiền định là nhờ sự yên lặng. Cũng có ngôi nơi chôn ồn náo mà được thiền định, đó là sự thị hiện của các bậc Bồ-tát chứ không phải thường. Bước ban đầu hầu hết chư vị trưởng lão Tỳ-khưu đều tránh duyên.

Cho nên người muốn tu phải làm sao? Cắt! Trên đoạn đường của mình đi gặp nhiều duyên lắm. Tập khí nghiệp lại mạnh mẽ, nó có sức cuốn hút chúng ta kinh khủng, chỉ cần phút giây lơ là ta sẽ mất mình ngay. Như người ghiền rượu, tuy đã tu rồi nhưng đi ngang quán rượu là phát thèm. Nếu lúc đó có người bạn cũ chạy ra tay bắt mặt mừng rồi kéo vào quán, thì khó mà giữ mình. Lờ qua chuyện lại thả loi cho tới ma men dẫn đi hồi nào không hay. Đến chừng nhìn lại thì sự nghiệp tu hành mất hết. Nguy hiểm như vậy đó. Cho nên kẻ xuất gia phải biết tuân giữ giới hạnh, phép tắc môn qui, bởi vì đó là hàng rào bảo vệ cho chúng ta đừng bị ma mị và quỷ dữ bắt đi, làm tiêu tan hết công quả tu hành.

Thành ra người biết tu là người làm chủ được đối với tất cả cảnh duyên, ăn mặc ngủ nghỉ tiếp xúc làm việc, không bị động bởi sự kiện trước mắt. Có dập tắt những tham đắm, những niệm tưởng của mình mới tu tiến được. Tiến được mới thấy *đất nước tôi thanh bình*. Bởi chỗ đó không ai có thể động tới được nên nó luôn thanh bình.

Điểm thứ năm: *Quay đầu chấp bóng, ắt kham cười Diễn Nhã Đạt Đa*. Tổ muốn nhắc chúng ta nếu cứ chạy tìm đạo bên ngoài thì giống như chàng Diễn Nhã Đạt Đa ôm đầu chạy kêu mất đầu, rất đáng xót thương. Diễn Nhã Đạt Đa bỏ quên cái đầu thật, nhận bóng làm thật. Đến khi cái bóng bị mất đi thì cho rằng mình mất đầu, chạy điên cuồng trong thành phố la sáng mình mất đầu. Phật nói người thế gian cũng thế, nhận những thứ hư giả bên ngoài cho là thật mà bỏ quên cái thật sẵn có nơi mình. Trong công phu tu hành cũng thế, nếu không phản quan soi lại mình, cứ chạy tìm pháp tu này pháp tu nọ bên ngoài thì càng tìm càng mất mình.

Chúng ta nói về tánh giác, giải thích tánh giác vanh vách nhưng thật sự không biết tánh giác ở đâu, Phật tánh là cái gì? Lớn lên sống, ăn mặc ngủ nghỉ, tiếp xúc làm việc với những thứ buồn vui giận tức v.v... bao nhiêu sự kiện. Những thứ đó ta biết mà cái thật của mình ta không biết. Cho tới một lúc nào đó những thứ ta biết không sử dụng được nữa thì hốt hoảng kêu mất mình. Do vậy con người sợ chết, sợ mất cái này mất cái kia. Thật vô lý phải không? Khi không ôm ba thứ tạp nhạp cho là mình, đến lúc nó mất đi lại sợ. Trong khi đó ta có cái quý báu đặc biệt, xứng đáng làm sao mà lại không nhận ra. Dù người lớn người nhỏ, tu hành bao lâu, trí thức hay không trí thức, chỗ công phu phải nhắm đến là nhận cho ra cái chân thật ấy. Chúng ta đừng để lọt vào số bà con dòng họ của chàng Diễn Nhã Đạt Đa, mà phải tỉnh táo soi lại rờ lại cái đầu thật của mình. Đó là chỗ công phu tu hành của chúng ta. Chạy tìm bên ngoài hoài đến hôm nào đó tất cả những thứ ấy mất đi thì mình đau khổ vì ngỡ đã mất sạch hết. Đã quen với bóng giả, một khi cái giả mất, chạy loạn kiếm tìm chẳng khác người điên.

Chúng sanh luôn yêu quý thân giả tạm này và rất sợ mất nó. Giây phút gần tắt thở, thần thức hoảng loạn thông khổ. Từ khoảng này tới thọ thân sau dễ lắm lắm. Nếu mang tâm trạng ấy ra đi, vừa tắt thở liền thấy trời sấm sét, đen tối, nghe những âm thanh ghê rợn... Chung quanh không thấy ai hết, sợ hãi vô cùng, liền đâm đầu chạy, chạy đi đâu cũng không biết nữa. Cứ lạng quạng như thế, cuối cùng thấy lùm bụi, nghĩ lùm bụi có thể giúp mình, liền chui vào lùm bụi ẩn náu. Vừa chui vào thì thấy mình mang lông đội sừng, thọ sanh như thế, thật khiếp đảm vô cùng. Còn người thông thả nhàn nhã có phước thì vừa cách ẩm thấy có sông nước, hoa cảnh, chim muông hót vang liền đến nơi đó. Tức chuyển sang đời sau hoặc làm trời, hoặc sanh trong nhà

giàu có vui sướng tùy theo thiện nghiệp của mình. Chuyện cách ẩm đáng sợ như vậy đó.

Cho nên Tổ nhắc đến chàng Diễn Nhã Đạt Đa, để chúng ta nhận lại cái thực của chính mình, đừng chạy theo cái bên ngoài nữa. Thân này hợp tan bất thường, không có gì bảo đảm. Thế mà chúng ta cứ nhận đây là thân của tôi, đây là tâm của tôi, đây là người thân của tôi... Đâu biết rằng những thứ đó mất đi bất cứ lúc nào, nên con người cứ khổ đau với chừng bấy nhiêu chuyện. Vì vậy cần gấp phản tỉnh, đừng ôm đầu chạy la mất đầu như chàng Diễn Nhã Đạt Đa nữa.

Chúng ta tu hành là đệ tử Phật, có phúc duyên lớn mới biết tham thiền, học đạo. Đã thế cần phải tham thiền như thế nào để sáng được việc, để làm chủ, đừng tha hương như chàng cùng tử quên làng quên xóm, quên quê hương xứ sở, cuối cùng lạng quạng bị nghiệp đẩy đi đến chỗ nguy khốn cùng đờ. Người tu hành sáng suốt thì chuyển được nghiệp, chuyển được nghiệp mới có thể làm chủ luân hồi sanh tử. Cho nên cái hay của người tu là chuyển được nghiệp, nếu không chuyển được nghiệp chúng ta sẽ trôi giạt vô định mãi trong sanh tử, rất đau khổ. Dù rằng nghiệp nặng nề nhưng nếu chúng ta siêng năng, nỗ lực chuyển hóa thì dần dần nó sẽ voi hết. Huỳnh đệ hãy tin tưởng chắc chắn như vậy.

Mong rằng chúng ta chuyển được nghiệp của mình. Chuyển bằng trí tuệ Bát-nhã, đó là nhất gom sắc bén nhất cắt đứt những dây mơ rễ má, mọi thứ ràng buộc khiến chúng ta vướng trong luân hồi sanh tử. Có thể chúng ta mới đi lên được.

---o0o---

HỘI THỨ SÁU

Thật thế!

Hãy xá vô tâm;

Tự nhiên hợp đạo.

Dừng tam nghiệp mới lạng thân tâm;

Đạt một lòng thì thông Tổ giáo.

Nhận văn giải nghĩa, lạc lìa nên Thiên khách bơ vơ;

Chứng lý tri cơ, cứng cát phải nạp tăng khôn khéo.

Han hữu lậu, han vô lậu, bảo cho hay: the lọt, duộc thưng;

*Hỏi Đại thừa, hỏi Tiểu thừa, thừa thẳng tắt: lòi tiền, tơ gáo.
 Nhận biết lầu lầu lòng vốn, chẳng ngại bề thời tiết nhân
 duyên;
 Chùi cho vặc vặc tánh gương, nào có nhuốm căn trần huyên
 náo.
 Vàng chưa hết quặng, xá tua chín phen đúc chín phen rèn;
 Lộc chẳng còn tham, miễn được một thì chay một thì cháo.
 Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên Bồ-tát trang
 nghiêm;
 Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đõ mới trượng phu trung
 hiếu.
 Tham thiên kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân;
 Học đạo thờ thầy, dọt xương óc chưa thông của báo.*

Chú thích:

- Hãy xá: Hãy nên.
- Một lòng: Một tâm.
- Lạc lầi: Lạc loài.
- Cứng cát: Cứng cáp.
- Han: Hỏi.
- The lợt: Tấm vải the mỏng, nước có thể chảy qua. Dụ cho hữu lậu.
- Duộc thưng: gáo nước. Vô lậu dụ như gáo nước có thể chứa nước không bị đổ ra ngoài.
- Lòi: Sợi dây khâu tiền ngày xưa. Tơ: Sợi dây thừng để buộc gáo thả xuống giếng múc nước. Lòi tiền, tơ gáo dụ như phương tiện.
- Xá tua: Hãy nên.
- Vặc vặc: Vàng vặc.
- Miễn được: Cốt được.
- Một thì chay, một thì cháo: Một chén chay lạt, một chén cháo qua bữa.
- Đi đõ: Đi đứng.

- Chưa thông: Chưa xong.

GIẢNG:

Trong hội thứ sáu này có mấy điểm chúng ta cần hiểu rõ.

Điểm thứ nhất là muốn học đạo thì hãy nên vô tâm, đừng ba nghiệp thân tâm mới trong lặng. Đạt một lòng (tức đạt một tâm) thì thông suốt Tổ giáo. Ngược lại chỉ y cứ trên văn nghĩa mà hiểu là hạng thiên khách lạc loài bơ vơ.

Trước nhất Tổ muốn nhấn mạnh cái vô tâm. Vô tâm thì không còn vướng mắc bởi những sự kiện chung quanh. Đây là tinh thần tu hành đặc biệt của người tu thiền. Hằng ngày tâm chúng ta vướng mắc việc này việc nọ, đó không phải là tâm thật, chỉ là bóng dáng của trần cảnh. Nếu người tu hành cho đó là tâm thật của mình, chẳng khác nào kẻ nuôi giặc trong nhà. Hôm nào đó mình đi chợ uống cà phê, ở nhà nó mở cửa dọn đồ ráo tron. Về nhà hỏi ra đó là ai? Chính là người mình thân thương xưa nay nuôi dưỡng trong nhà. Cũng thế tâm vọng tưởng là giặc mà mình không biết, cứ nuôi dưỡng bảo vệ nó. Cuối cùng sự nghiệp tan nát vì nó, vướng mắc và khổ đau, bất an bất ổn. Thành ra Tổ dạy người tu phải dùng con mắt trí tuệ nhìn rõ các cảnh duyên. Làm sao nhận được, thấy rõ tất cả đều là đồ giả, tạm dùng trong một giai đoạn mà thôi. Nhiều thứ ta dùng chưa trọn đời thì đã hỏng rồi. Như cái nhà mình làm khoảng chừng hai ba mươi năm nó đã hư. Đó là nói những thứ tương đối kiên cố, thời hạn sử dụng khá lâu, còn vô vàn những thứ mong manh sớm còn tối mất khác nữa.

Trong kinh Phật dạy tài sản thế gian là của năm nhà chớ không phải của mình. Năm nhà là của giặc cướp, của vua quan, của nước lụt, của lửa dữ, của con cái phá sản. Tất cả những gì người đời ham thích ôm giữ, cố chấp tham đắm đều không thể giữ được. Thành ra người tu nhận được điều đó rồi thì an tâm, từ an tâm tiến đến vô tâm dễ dàng. Vô tâm thì tự tại với những thứ đó. Tự tại thế nào? Ví dụ như do phước duyên, ta có thể cất nhà lầu thì cứ cất nhà lầu mà ở, chớ không phải keo sên ôm giữ tiền của không dám đụng đến. Nhưng mai kia vì nhiều lý do khác nhau hoặc nước lụt hay hỏa hoạn, cái nhà lầu ấy bị hư hoại, ta biết rõ nó sẽ như thế nên không lo buồn, đau khổ thái quá. Không ở nhà lầu, ta ở nhà tranh vách đất vẫn an vui, không có nhu cầu đòi hỏi gì cả. Đó là tự tại. Cho nên ta tùy nghi sử dụng phúc duyên của mình trong mọi thời, mọi hoàn cảnh, không cố chấp, không bám víu, không cố thủ bảo vệ những gì không cần thiết.

Trong kinh Kim Cang, Phật dùng ví dụ dạy chúng ta sử dụng các pháp tu như một phương tiện để đạt đến mục đích cứu cánh. Ví như người qua sông cần phải có thuyền bè. Đã qua sông rồi thì thuyền bè hãy vứt đi. Nếu

người tiếc rẻ còn vác thuyền bè trên vai đi, người này không sáng tí nào hết. Nhưng chưa qua sông mà bỏ thuyền bè, Phật nói người này cũng không sáng suốt luôn. Cho nên chúng ta cần qua sông thì có thuyền bè, qua sông rồi thuyền bè để lại cho người khác đi, đừng có mang trên lưng nữa.

Trở lại vấn đề vô tâm là vấn đề chính yếu của người tu hành. Người muốn được vô tâm trước tiên phải có trí tuệ. Không có trí tuệ thì không cách gì mà vô tâm được. Bởi các thứ ngoại duyên bên ngoài có sức hấp dẫn, có sức lôi cuốn lạ lùng đối với chúng sanh. Mà muốn có trí tuệ thì phải tu. Bây giờ tu làm sao? Trước nhất, với phương tiện tối thiểu là kinh giáo. Nhờ sự chỉ giáo của Phật Tổ, của các bậc thầy dạy dỗ chỉ bảo chúng ta tu pháp môn như thế, đường hướng hành trì như thế, chúng ta phải nỗ lực thực hành, chớ không phải học suông.

Tuy kinh giáo không phải thật, đó chỉ là phương tiện nhưng bước đầu tiên chúng ta phải nương theo những lời dạy ấy mới biết rõ đường lối tu hành. Song yếu tố quyết định là sự tu tập của mỗi người. Người trước dùng phương tiện đó để chỉ giáo cho chúng ta, bây giờ chúng ta đủ duyên được nghe, được học, được hiểu tới nơi tới chốn rồi sau đó phải hành trì. Nếu không hành trì chúng ta không thể nào thâm nhập được ý kinh, không thể nào thấy rõ được lợi ích thiết thực và quý báu từ giáo pháp của đức Phật.

Kinh nói “Hành thâm” nghĩa là thực hành sâu xa, nếu chúng ta không hành làm sao thâm được? Chỉ học khơi khơi thôi thì ngàn đời cũng không nếm được chút pháp vị sâu xa vi diệu nào của kinh. Ai hiểu và thâm nhập như vậy, người đó sẽ là người có tin vui trên đường về quê. Còn nếu chúng ta học khơi khơi không suy nghiệm, không hành trì, không tu tập thì cứ sống lơ lơ vậy thôi. Thành thử việc bổn phận của chúng ta hiện nay ngoài học hiểu, nghiên cứu, còn lại hai phần ba năng lực là tập trung vào công phu, nhà thiền gọi là hạ thủ công phu.

Hằng ngày đi đứng nằm ngồi, sáng trưa chiều tối, lúc nào cũng tập trung vào việc đó. Không ai động địa gì được mình trong lúc ta đi, ta ngồi, ta làm việc. Lúc nào tâm niệm mình cũng khăng khẳng vào chỗ đó. Nếu chúng ta có công phu rồi, những việc như ăn uống, ngủ nghỉ, tiếp khách, làm việc... bao nhiêu sự duyên không dính dáng gì tới chúng ta cả. Ví dụ huynh đệ ngồi tại nhà Tròn một tiếng đồng hồ, người này tới nói cái này, người kia tới nói cái kia, tất cả những thứ ấy qua đi qua đi, chỉ có đương sự là vẫn tỉnh táo ngồi đó thấy, nghe đầy đủ rõ ràng, phải không? Lúc đó tâm ta bình thường, an nhiên sáng suốt, thấy nghe tự tại không bị vướng mắc bởi ai hết, cũng không vướng rừng cây, âm thanh, ánh sáng, mưa nắng... Ta ngồi đó một cách bình thường, nghe thấy rõ ràng người đi lại, mọi thứ cứ hiện hữu

và trôi chảy bình thường. Đó là cách sống của người tu thiền. An nhiên, giải thoát.

Trái lại chúng ta để mất thì giờ trong đời thường, trong các sự duyên thì sẽ mất mình từ sáng tới trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới tối. Cứ thế ngày này sang ngày khác, cuối cùng việc tu hành không dính dáng gì hết, rất uổng, rất đáng tiếc! Thời gian qua đi, sức khỏe không còn sung mãn như khi ta còn trẻ, tâm trí cũng muội nhược chậm lụt, việc tu hành chậm tiến hơn nữa. Qua bốn mươi năm mươi tuổi, sức khỏe suy thoái từng ngày, từng giờ, dù chúng ta có khéo bồi dưỡng, gìn giữ cơ thể tới đâu, các cơ quan trong nội tạng cũng phải suy thoái.

Quý vị lớn tuổi có thể kiểm nghiệm điều này rất rõ ràng. Ngày hôm qua thức ăn đó ta dùng thấy ngon miệng, bữa nay cũng thức ăn đó có khi làm ngon hơn mà mình dùng không được. Cái dùng không được này, phần lớn là do sức khỏe cơ thể không cho phép. Do vậy chúng ta không muốn tóc bạc nhưng nó vẫn cứ bạc, không muốn chân run nó vẫn cứ run. Nhất là mấy cái răng ta sửa soạn hằng ngày, chùi rửa cạo gọt, bịt trắng bịt vàng, cuối cùng bề vẫn cứ bề, rơi vẫn cứ rơi. Làm sao bảo đảm được, nó luôn thay đổi trong từng giai đoạn, từng sự sống của mình. Trong kinh nói mỗi lần cơ thể có sự thay đổi như vậy là mỗi lần vua âm phủ gửi thư cho mình. Đó là những bức thư gửi thông thường, còn có những bức thư vừa tống đạt là cắt đứt liền.

Ở đây Tổ dạy dùng ba nghiệp thân tâm mới trong lặng, đạt một lòng tức đạt được tâm này mới thông suốt Tổ giáo. Khi ba nghiệp thanh tịnh, tâm mới sáng suốt. Trong Tịnh độ các vị Tổ đã dạy “Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương”. Ở đây nói dùng được ba nghiệp thì thân tâm trong lặng. Ngược lại y cứ trên văn nghĩa mà hiểu, chỉ là hạng thiền khách lạc loài bơ vơ. Nếu chúng ta chỉ bám theo những cái giả tạm, những hình tướng bên ngoài, mắc mưu với nó thì mình thuộc loại thiền khách bơ vơ. Chữ “bơ vơ” Ngài dùng ở đây tức là không dính dáng, không liên hệ được đạo. Bởi vì như Tổ thì tâm thanh tịnh, nếu tâm mình không thanh tịnh thì đâu thể liên hệ được với Tổ. Hoặc muốn thông suốt kinh giáo thì tâm phải sáng tỏ, nhận được nhất tâm hay một tâm mới thông suốt kinh giáo. Nếu ta không được như thế thì thấy bơ vơ lạc loài vì chẳng có sự liên hệ đồng cảm nào đối với các bậc thầy đã chỉ đường dẫn lối cho mình.

Ví dụ ăn sáng rồi ta làm việc gì đó, trong lúc làm mình nghiệm lại thấy không dính dáng gì với Phật pháp. Bởi tham sân phiền não đầy đầy, mọi thứ cũng còn vướng mắc. Tối giờ đi học, giờ tọa thiền, giờ tụng kinh, tất cả thời gian sinh hoạt của mình, kiểm lại thấy cái nào ta cũng vướng mắc.

Trong khi đó các bậc thầy của mình không vướng mắc. Như vậy làm sao ta tiếp cận được với thầy, nói gì đến Phật, Bồ-tát? Có khi ta gặp một vị thầy cao cả ngộ đạo, ngồi hầu thầy hằng tiếng đồng hồ mà không dính dáng gì hết. Tại vì ta không với được cái ngộ đạo, cái sáng suốt, cái đặc biệt nào hết trơn. Ngài nói ra mình không hiểu, ý tứ của Ngài mình không nhận, là vì mình còn mịt mù, tối đen đây nè! Cho nên Tổ nói đó là hạng thiên khách bơ vơ. Dù ngồi trước thầy, dù ở trong đạo tràng, nếu không nỗ lực tu hành ta vẫn bơ vơ như thường. Cho nên người biết thương phận mình thì phải cố lên, làm sao trong từng phút giây khắc tỉnh, khắc tiến được.

Điểm thứ hai là người còn thừa hỏi hữu lậu, vô lậu, Đại thừa, Tiểu thừa là còn kẹt trong phương tiện, chưa đến được chỗ cứu cánh. Chỉ ai nhận biết tâm chân thật lâu lâu, sáng như gương mới không còn bị nhiễm ô bởi căn trần huyên não. Bây giờ người đó tự tại đối với tất cả sự kiện chung quanh. Ở đây nói chẳng ngại thời tiết, nhân duyên thay đổi. Người nào tâm sáng, trí thông thì đối với tất cả các cảnh duyên đổi thay chung quanh, họ không bị dao động chút nào cả. Còn lằng xằng thừa hỏi vô lậu, hữu lậu, Đại thừa, Tiểu thừa là còn kẹt phương tiện. Chỉ có ai tâm sáng lâu lâu mới nhận và sống được với tâm thể của mình, người đó là người tự tại với các cảnh duyên.

Thật ra việc này cũng không phải khó khăn quá mức như chúng ta tưởng. Nếu quá khó khăn thì người xưa đã không tu được. Người xưa đã làm thành, để bài bản lại cho mình mà ta tu không được là tại mình, chớ không phải tại khó quá. Nói thế để chúng ta không tự khinh mình mà phải ráng lên. Ráng đây không phải sự thể hiện qua hình tướng bên ngoài, bởi vì nó không phải khuôn vác nặng nề, cũng không phải đẩy cây kéo xe gì, mà ta dùng sức lực để ráng. Chỉ là vâng lời Phật dạy cái ấy “đừng ngó” nghe con thì ta đừng ngó. Còn lén lén ngó là không ráng tí nào hết. Các Thiền tăng mình có cảm thông chuyện ấy không?

Phật bảo “cái đó đừng nghe con” thì thôi tắt đi, đừng sản tới. Phật bảo ăn vừa phải thôi thì đừng có phình bụng ăn mãi. Mấy việc này phải ráng. Ráng mà thật ra không có gì để ráng, bởi vì cái ráng của Phật dạy là buông xuống chớ không phải gánh lên. Chúng ta đọc lại đoạn sử của Bồ-tát Sĩ Đạt Ta, Ngài là một ông hoàng sắp lên ngôi, mọi người trọng vọng cao cả như thế đó, mà Ngài trút bỏ tất cả những tiện nghi để đổi lấy một đời sống tu hành chẳng có gì cả. Bên dòng A-nô-ma Thái tử đã cởi bỏ tất cả áo bào, ngọc ngà châu báu, lấy gươm cắt tóc và nói những lời dứt khoát, rồi một thân một mình vào trong rừng tu khổ hạnh. Khổ hạnh đến mức độ mỗi ngày ăn một hạt mè hạt đậu, thân thể chỉ còn da bọc xương nhưng mà trí tuệ thì tuyệt vời. Nuôi dưỡng ý chí mạnh mẽ như thế, dám buông bỏ như thế mới có

thể thành tựu được giác ngộ giải thoát. Còn chúng ta ngày nay ăn một ngày mấy bữa, nên không còn thì giờ đâu nữa mà tu hành.

Đức Phật ngày xưa khi nhận bát sữa rồi, Ngài chuẩn bị tòa cỏ và một ý chí kiên quyết là: “Ta thệ ngồi nơi đây, nếu không đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề, dù thịt nát xương tan cũng không rời khỏi tòa này”. Chớ không như chúng ta, vừa lên bờ đoàn liền khởi nghĩ dưới miền Tây chỗ nào mát mẻ, cát cốc xuống dưới tu cho khỏe, tu miền Đông mệt quá. Chúng ta cứ thế, năm này miền Đông, tháng sau miền Tây, mai một ra miền Trung, bây giờ nghe nói miền Bắc có thiên viện cũng muốn ra miền Bắc tu nữa. Thế thì bao giờ chúng ta mới ngộ đạo?

Ở đây nói chỉ ai nhận biết được tâm chân thật lâu lâu rồi, sống được với tâm thể đó, thì cảnh duyên chung quanh sẽ không làm gì được người này. Ngược lại, kẻ chưa nhận được, chưa sống được với tâm thể của mình sẽ bị cảnh duyên bên ngoài quấy rầy nhiều lắm. Nên ở trong trường hợp này người xưa dạy chúng ta phải tránh duyên. Nếu cảm thấy mình chưa đủ thực lực, còn yếu kém thì hãy tránh duyên, như vậy mới không mất mạng vong thân. Nói tránh duyên tức là nói đến phương tiện. Vì vậy phải hiểu và biết cách tránh duyên. Có những nơi ta tránh được, có nơi không nên tránh chỗ đó. Đã là phương tiện thì không phải cứu cánh, nên trong giai đoạn tránh duyên để tu tập, cần phải ý thức vươn lên. Làm sao công phu mỗi ngày một tiến bộ, để ta có thể tự chủ mà sống tùy duyên. Như vậy mới đúng với chân tinh thần Phật dạy.

Cho nên đối với lời dạy của người xưa, chúng ta cần phải thể nghiệm cho kỹ. Việc tu tập có khi trôi chảy, nhưng cũng lắm lúc cay đắng làm sao, có những lời Phật dạy, chúng ta tu hoài, trầm trây trầm trật mà cũng chẳng đi tới đâu. Thật là xấu hổ. Đó là gì? Là nghiệp tập hay tập khí, tức những chủng tử xấu của mình sâu dày quá. Tập khí, chữ “tập” là nhóm họp lại, chữ “khí” là hơi hướm, như vậy tập khí là cái hơi hướm còn tồn đọng lại trong ta, do những thói quen từ trước đã tạo nên. Tu trị tập khí này không phải chuyện dễ, khó khăn vô cùng. Nhiều Phật tử dưới miền quê ham tu, cũng thích ăn chay nhưng ăn không nổi, nghe các thầy Trụ trì dưới chùa quê bảo nếu ăn chay không nổi, con cứ chay kỳ. Chay mà kỳ! Quý vị hiểu chay kỳ không? Nghĩa là ăn có thời kỳ chớ không phải lúc nào cũng ăn chay. Ai ăn chay không nổi về quê chắc dễ tu, lúc nào thấy không chay thì kỳ. Tôi nói vui vậy thôi, chớ đó chẳng qua là tập khí, mà chúng ta không vượt thắng nổi thôi.

Tôi còn nhớ một người huynh đệ cùng tu ngày xưa rất thích ăn đồ chiên xào. Thầy nói ăn cơm nước tương ngán lắm, có cái gì chiên để lên là

thấy khoái liền. Không biết nghiệp gì? Chắc nhiều đời cũng chiêm xào dữ lắm. Sau khi xuất gia thọ đại giới, thầy cũng học khóa Giảng sư và ra giảng dạy Phật pháp. Nhưng không hiểu hơi hướm làm sao, cứ mỗi lần đi ngang mấy tiệm xào nấu thì thầy động niệm. Lúc đầu thầy thấy khó chịu lắm, vì nghĩ không thể nào mình ăn được những thứ đó. Nhưng cái khó chịu đó đổi chiều hồi nào không hay, nó thành ra dễ chịu, lạ đời vậy đó. Cuối cùng bị nghiệp dẫn, thầy phạm giới ăn mặn. Sau lần ấy, thầy thấy xấu hổ vô cùng, xấu hổ đến mức độ muốn chết quách cho rồi. Thế là thầy đi tuốt ra miền biển kiếm một ngôi chùa ngoài đảo hẻo lánh, cuộc đời kể như bỏ đi.

Sống tại đây một thời gian, Phật tử phát hiện ra có ông thầy ở nơi này nói chuyện Phật pháp rất có duyên. Vậy là họ kéo nhau đến tiền hô hậu ủng, kính trọng và chiều chuộng thầy hết mức. Thầy muốn gì được nấy và nhất là Phật tử sợ thầy bỏ đi nên cuối cùng hơi hướm cũ nổi dậy, thầy chẳng những chạy mà qua kỳ luôn. Thế nhưng Phật tử sẵn sàng bỏ qua, họ nói “Thầy ơi! Cứ ăn mặn cho có sức khỏe để thầy tu chớ, không ăn như thế làm sao thầy có sức khỏe nổi”. Cuối cùng, kỳ cũng không giữ được nữa, thầy sống như một kẻ thế gian, khỏe mạnh lắm.

Thời gian thầy nghĩ lại thấy xấu hổ quá nên âm thầm bỏ đi. Phật tử phát hiện ra mất ông thầy, mọi người đều thương tiếc, bởi thật ra thầy sống rất đàng hoàng, chỉ có mỗi cái tội ăn uống kỳ như vậy thôi. Thầy về lại thành phố và tiếp tục lạng quạng với tập khí cũ, cuối cùng kết liễu cuộc đời bằng một cái chết thật đáng thương. Câu chuyện đã cho chúng ta thấy nếu không có sức gia trì của Tam bảo, không có thiện hữu tri thức bên cạnh và nhất là không có ý chí, không có sự quyết tâm thì con đường tu hành của mình thật khó khăn vô cùng!

Cho nên tập khí rất là nguy hiểm. Muốn trị tập khí phải dùng đến công huân thiên định. Thiên định sâu dày mới trị được. Trong kinh A Hàm kể lại, lần đó đức Phật cùng các vị đại đệ tử dự lễ cúng dường của chư thiên. Khi nhạc trời vi diệu vừa trỗi lên, cả hội chúng đều hết sức ngạc nhiên vì thấy Tôn giả Ca Diếp động thân, múa theo điệu nhạc. Thấy thế, đức Thế Tôn nói: “Trong nhiều đời Tôn giả Ca Diếp đã từng là một vị nhạc sư tuyệt vời, nên bây giờ nghe tiếng nhạc vi diệu, tập khí cũ khởi lên khiến Ngài như thế”. Tôn giả Ca Diếp còn bị ảnh hưởng bởi tập khí cũ, huống là chúng ta ngày nay. Nếu không dè dặt giữ mình thì khó mà tu tập được.

Ví dụ thầy nào thích ăn bánh mì buổi sáng thì xin đừng bước ra khỏi cổng Thường Chiếu. Nếu thích cái gì làm cái nấy là chấp nhận sống với tập khí, thế thì chừng nào thành tựu được thiên định. Bởi chúng ta không sử dụng trí tuệ làm sao được định? Một niệm dấy khởi liền lao theo, xem như

mất trí tuệ rồi. Chúng ta sử dụng tập khí như vậy mãi thật nguy hiểm vô cùng. Cho nên đây là chỗ công phu của chúng ta. Vừa khởi niệm lên liền thôi. Thôi riết nó quen, “thôi” không được thì “Thôi đi mày ơi!”. Phải quả mạnh như vậy nó mới sợ, nếu không nó sẽ dẫn mình đi.

Cho nên chúng ta tu hành phải nỗ lực phấn đấu, khắc phục, chuyên hóa những tập khí bất thiện. Đừng để nó lén lút rủ rê đi vào con đường xấu, uổng một đời tu. Khi thần chết đến, không biết mình sẽ về đâu? Tôi nhấn mạnh ý này để nhắc nhở huynh đệ, nhất là các vị trẻ tuổi phải thường xuyên cảnh giác, nắm vững dây giùm, đừng cho con trâu hoang của mình hung hăng bứt dây. Biết mình ưa thích cái gì, yếu với cái gì thì đừng lân la gần gũi với nó, không khéo nó sẽ dẫn mình đi nhanh tới mức không ngờ được đâu. Giữ mình như vậy mới hy vọng giữ vững được đạo nghiệp. Huynh đệ phát tâm tu phải biết quý trọng đời tu bằng cách gìn giữ trí tuệ và giới hạnh của mình trong từng phút từng giây.

Điểm thứ ba là trong quá trình tu tập phải chín phen đúc chín phen rèn mới thành vàng ròng. Người tu hành chẳng tham tài lộc thế gian, chỉ vui sống đời chay lạt trang nghiêm thanh tịnh. Ở đây Tổ dạy *Vàng chưa hết quặng, xá tua chín phen đúc chín phen rèn*. Vàng ở trong quặng còn lẫn cát bụi tạp nhạp, muốn lọc thành vàng ròng thì phải đưa vô lò luyện. Không phải luyện một lần, mà chín mươi phen mới ra vàng ròng. Việc tu hành của chúng ta cũng vậy, phải trải qua nhiều thử thách khó khăn, vượt qua được những bờ mê mới bước lên bên giác.

Bờ mê chính là nghiệp chướng của chúng ta, nặng hay nhẹ tùy mỗi người. Nghiệp duyên không ai giống ai cả. Có huynh đệ tuy nhỏ nhưng quyết tâm tu rất đáng khen ngất nổi lại bị bệnh hoạn. Bác sĩ nói u xơ thì xem như tiêu đời rồi. Ai nghe mà không sợ, phải không? Miệng tuy nói cứng chứ cũng muốn sống để tu hành chứ! Phải nhai gạo lứt muối mè, uống Địa Long... uống thuốc dữ lắm chứ đâu phải “Thôi kệ nó”. Nói “Kệ!”, nhưng cũng run trong bụng ấy chứ! Cho nên bệnh hoạn cũng là một chướng duyên lớn trên đường tu hành.

Vì vậy đủ duyên gặp thầy lành bạn tốt, anh em ráng lên. Đừng để thời gian qua rồi sau tìm lại không được. Duyên tốt qua rồi rất khó tìm lại. Ngày nay chúng ta ở trong điều kiện thế này, có pháp tu rõ ràng, mà cứ lơ lơ lửng lửng qua ngày, mai một vua Diêm La gửi thư tới hốt hoảng không biết làm sao? Tới giờ ngời thiên thì đừng để tâm rong ruổi tây đông, chuyên tâm nhất ý để nhận lại cái chân thật của chính mình. Như vậy mới đối đầu với sanh tử nổi chứ. Chúng ta đừng đánh mất những cơ hội thuận lợi để sống lại với

tánh giác, nhất là những lúc được sống yên ổn trong đạo tràng, trong Thiền viện như vậy.

Bây giờ lòng mình chưa yên, còn thứ này thứ khác tạp nhạp quá thì phải lọc lựa. Bỏ đi những thứ không cần thiết, giữ lại những thứ thật. Tổ dạy muốn có vàng ròng thì phải chín phen rèn chín phen luyện, như chúng ta đây không biết bao nhiêu phen, miễn làm sao ra được vàng ròng để dùng là tốt. Như vậy mới không cô phụ tâm tu hành ban đầu, không phụ cuộc đời mình, không làm uổng đi kiếp người. Chư Tổ cũng như các vị tiền bối thường nhắc chúng ta nhiều về việc mất thân này, khó tìm lại được. Cho nên được thân người, lại gặp Phật pháp, phát tâm tu hành là điều rất quý báu, chúng ta đừng để mất chủng duyên lành sâu dày này.

Có thân người là có được một phương tiện tối ưu, chúng ta nên sử dụng phương tiện này để đạt đến mục đích cứu cánh là giác ngộ giải thoát. Đọc học hành trạng người xưa, chúng ta thấy có nhiều vị đang là bậc sĩ tử đặc biệt, một khi nghe Phật pháp liền bỏ tất cả. Không đến trường thi mà đến trường Phật, thi để làm Phật. Nhận được yếu chỉ từ vị thầy rồi, các ngài quyết liệt hạ thủ, làm sao cho thành tựu đạo nghiệp viên mãn. Lọc lựa rèn luyện lấy cho được cái gốc vàng chứ không dùng cái tạp chất lẫn trong quặng. Một phen đã nhận ra tánh Phật rồi là các ngài sống như vậy.

Chúng ta dở hơn các ngài nhiều mà lại không biết tự thương mình, nên kéo lê đời mình trong quặng thời gian dài, để mất hết những cơ hội thuận lợi. Từ việc ăn việc ngủ, tất cả việc, cả đời qua đi, mất hết. Cái ý chí trượng phu lắm liệt của một con người xuất trần thượng sĩ, dám độc hành độc bộ đầu rồi mà bây giờ mình không đi con đường đó, cứ lằng xằng trong thế gian hoài?! Đối với người tu phải đầy đủ ý chí, đi thẳng vào một việc lọc lựa, làm sao dùng được vàng ròng.

Tổ dạy chúng ta phải vui sống đời chay lạt, giới hạnh trang nghiêm. Những lời nói nghe nhẹ nhàng như vậy, nhưng muốn được thế cần phải nỗ lực công phu. Muốn sống đời trang nghiêm thanh tịnh, quả là khó khăn vô cùng. Chúng ta có quá nhiều thứ tạp nhạp lôi dẫn nên không tự trang nghiêm thanh tịnh cho mình được. Do vậy cần phải nhờ giới luật, thanh quy hỗ trợ để điều phục bớt những tập khí thế gian. Như nói mùa an cư là thầy trò phải cấm túc, Tam ngọat an cư cửu tuần kiết chế. Như thế để làm gì? Để chúng ta có thời gian gạn lọc thân tâm cho trang nghiêm thanh tịnh. Thế mà mùa an cư nào tôi cũng là người đi nhiều nhất. Đôi khi ngồi trên xe, tôi thấy xót xa cho mình quá! Các huynh đệ phải cố lên, còn rảnh rang như quý vị là sung sướng lắm. Lớn lớn lên một chút làm Giảng sư, Trụ

trì... nhiều duyên sự bắt buộc phải đi nhiều nói nhiều, không có đạo lực, không khéo tu sẽ mất mình thôi.

Điểm thứ tư là: Kẻ tham thiền học đạo phải biết chọn thiện tri thức. Học đạo thờ thầy, hy sinh hết tâm tủy cũng khó mong đền đáp, huống là người chẳng biết đến ơn đức sư trưởng mà có thể thành tựu đạo nghiệp được sao!

Chúng ta đã biết được phương pháp tu hành như vậy, thì tâm tâm niệm niệm nỗ lực tu hành và quý kính những bậc thầy đã dày công tu hành sáng đạo, chỉ dạy lại cho chúng ta. Như Hòa thượng, giáo hóa độ sanh như thế nhưng cuối cùng đến lúc già Ngài nói: - Tới đây tôi phải ngừng để lo việc của tôi. Không phải được người ta quý trọng, duyên phúc lớn rồi mình cứ lao theo Phật sự mà quên tu. Một mai vô thường đến, chết mất đâu còn thì giờ để tu. Chúng ta học theo gương của Hòa thượng, gần gũi thiện hữu tri thức để tu hành. Việc tu có kết quả tốt đẹp, ta mới cảm trọng được ân đức sâu dày của các bậc Sư trưởng.

Chư huynh đệ! Hãy nhớ đến vô thường mà lo việc của mình. Các thiền sư nói: - Dù ông giảng tới trời mưa hoa, đá gập đầu, cũng không dính dáng việc này! Không phải ta làm được một số công việc Phật sự rồi cứ lãng xãng, cả đời buông hết trong đó là nguy! Đó là ý cuối cùng của hội thứ sáu này.

Tóm lại, người tu hành trước nhất phải làm sao vô tâm, kế nữa là tránh duyên, phải gan dạ nỗ lực tu hành, bỏ tất cả những thói hư tật xấu để cuối cùng hằng sống với tâm rộng rang sáng suốt. Giống như người muốn có vàng thật phải qua chín phen luyện mười phen rèn.

---o0o---

HỘI THỨ BẢY

Vậy mới hay;

Phép Bụt trọng thay;

Rèn mới cốt hay.

Vô minh hết bờ-đề thêm sáng;

Phiền não rồi đạo đức càng say.

Xem phỏng lòng kinh, lời Bụt thốt để cho thấy dấu;

Học đòi cơ tổ, sá thiền không khôn chút biết nơi.

mặt;
Cùng căn bản, rửa trần duyên, mưa để mấy hào ly đương
Ngã thẳng chàng, viên tri kiến, chớ cho còn họa trĩu cong tay.
Buông lửa giác ngộ, đốt hoại thủy rình tà ngày trước;
Cầm kiếm trí tuệ, quét cho không tánh thức thuở nay.
Vâng ơn Thánh, xót mẹ cha, thờ thầy học đạo;
Mến đức Cồ, kiêng bùi ngọt, cầm giới ăn chay.
Cảm đức từ bi, để nhiều kiếp nguyên cho thân cận;
Đội ơn cứu độ, nát muôn thân thà chịu đắng cay.
Nghĩa hãy nhớ, đạo chẳng quên, hương hoa cúng xem còn
nên thảo;
Miệng rằng tin, lòng lại lỗi, vàng ngọc thờ cũng chữa hết
ngay.

Chú thích:

- Xem phỏng: Xem thấu.
- Sá thiên: Con đường thiên.
- Dấu: Thích thú.
- Không khôn: Không khó.
- Rửa: Rửa sạch.
- Mưa: Chớ.
- Chàng: Cây cờ.
- Cong: Trong.
- Mến đức Cồ: Mến đức Cồ-đàm.
- Miệng rằng tin, lòng lại lỗi, vàng ngọc thờ cũng chữa hết ngay:
Miệng nói tin mà tâm không thực hành nên cứ phạm lỗi, như thế dù có đem vàng ngọc thờ phụng cũng không thể hết lỗi.

GIẢNG:

Trong hội này có năm điểm cần phải hiểu rõ.

Điểm thứ nhất nói Phật pháp có công năng rất to lớn, đó là quét sạch vô minh; một khi vô minh hết thì Bồ-đề sáng, phiền não sạch thì đạo đức sâu. Khi trí tuệ thấp sáng quét sạch hết vô minh thì phiền não tăm tối không

còn chỗ đứng nữa. Muốn được vậy chúng ta phải tu. Dù Phật pháp có công năng như thế nhưng nếu không tu thì chúng ta cũng không sử dụng được công năng ấy. Công năng ấy là gì? Đó là Định Tuệ. Tu thiền định thì trí tuệ đầy đủ. Thiền định vững thì con người bất động, trí tuệ tròn đầy, không gì có thể làm mờ mịt, lay chuyển chúng ta được.

Người tu theo đạo Phật dù là tu pháp nào cũng phải đầy đủ thiền định và trí tuệ. Ví dụ người tu niệm Phật mà không định tâm, không dùng được những lăng xăng loạn tưởng thì niệm Phật không đắc lực. Niệm Phật không đắc lực thì không phát huy được trí tuệ, làm sao có thể khế hợp được với giác tâm của Phật? Không khế hợp mà nói đến lúc lâm chung được Phật, Bồ-tát đến đón mình về thế giới an vui, điều này không có gì chứng thực được hết.

Nếu trong mọi sinh hoạt chúng ta định tĩnh thì bất động đối với tất cả, từ đó trí tuệ bản hữu được phát huy mạnh mẽ, tròn đủ, sáng suốt. Người đầy đủ định tuệ là người giác ngộ, không bị các pháp kéo lôi, không vướng mắc cái gì hết, tự tại giải thoát. Thành ra nói giải thoát là nói đến định tuệ, nói giác ngộ hay thành Phật cũng là nói định tuệ đầy đủ, không thể thiếu hai môn này. Được một môn cũng chưa hoàn bị mà phải hai thứ tròn đầy, mới thực sự giác ngộ, giải thoát, thành Phật.

Phật pháp có thể trị được những căn bệnh phiền não thâm căn cố đế của chúng ta, nhưng nếu chỉ học hiểu Phật pháp mà không áp dụng tu tập vào trong đời sống để đối trị những phiền não thì Phật pháp cũng không có tác dụng gì đối với chúng ta, không thể hóa giải, buông bỏ được phiền não. Nhờ Phật pháp, chúng ta tu tập đúng đắn nên trí tuệ khai mở mới giải thoát, an vui, chấm dứt mọi khổ đau. Như thế quan trọng là ở sự tu. Sau khi học hiểu chúng ta phải hành. Ngược lại, chỉ hiểu rồi nói cho thiên hạ nghe hoặc viết sách thành pho thành quyển mà mình không tu gì hết là tự dối mình dối người. Hiểu và hành phải tương xứng nhau chúng ta mới hưởng được giá trị thiết thực của Phật pháp.

Cho nên những vị tu hành đắc lực có thần dụng phi thường. Như tại chùa Đậu ở nước ta có hai vị Tổ để lại nhục thân là thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, tính tới bây giờ là trên 300 năm. Chỉ có thiền sư Vũ Khắc Minh vào năm nước lụt, nhục thân Ngài bị ngập tới cổ nên hư hao chút ít thôi. Đó là cái gì? Là thần lực phi thường từ một cái tâm tự tại giải thoát. Thường thường khi người chết vừa nín thở thì thân nhân nhanh chóng chuẩn bị quan tài để gói kỹ cái xác ấy vì sợ nó thối rữa ra, nhiễm trùng và hôi hám không ai chịu nổi. Quán lại dăm ba ngày cho người thân thăm viếng rồi đem chôn hoặc đem đốt. Ai cũng vậy hết chứ không có thân nào đặc biệt hơn.

Thế nhưng Thiên sư tu hành đã đắc đạo thì lại khác. Điều này đủ minh chứng cho chúng ta thấy đạo lực phi thường của các ngài.

Con đường chúng ta đi là con đường như thế. Vì vậy người tu hành trước nhất đối với cảnh duyên không bị vướng mắc, mọi thứ chung quanh như địa vị, tài sản... đều là những thứ phải bỏ hết, trong lòng cũng sạch sẽ mới tiến đến chỗ sáng tâm, hết phiền não, được giác ngộ giải thoát. Hễ còn mê thì không có giác, còn ham tiền tài vật chất, địa vị, sắc đẹp thì không thể nào tự tại giải thoát được. Cho nên người tu là phải buông bỏ. Tất cả những cù cặn tham sân phiền não, tật đố, danh vọng đều bỏ hết. Bỏ một cách tự tại, dứt khoát, không ngoái đầu nhìn lại.

Bây giờ quý vị vào công Thiên viện Thường Chiếu rồi, tuy chưa triệt để như người xưa nhưng ta cố gắng học theo gương hạnh của các ngài, bỏ bớt những lo lắng của gia đình xuống, đừng nghĩ nhớ tới nữa. Bởi có nghĩ nhớ tới, quý vị cũng không thể làm gì được, chỉ càng thêm vô ích, mất hết thì giờ mà không giải quyết được việc cho mình cũng như cho người thân. Vô thiên viện rồi thì dù ở ngoài các vị có bạc muôn bạc vạn gì, tới cửa này đều để lại hết. Vì đem vô đây không có chỗ chứa, để tâm bậy mất hết, thêm buồn khổ thôi. Đừng đem chi hết là tốt.

Phật dạy người xuất gia “cát ái từ sở thân”, nghĩa là cắt bỏ những sợi dây tình cảm luyến ái của gia đình từ thuở nào, từ bỏ tất cả những sự thân thương đó làm kẻ không nhà, không tài sản, chuyên tâm tu hành. Quý huynh đệ vào thiên viện phải tập như vậy. Cho nên người tu luôn sống một mình. Ai nấy đều tu được và tu đúng cũng đều thành Phật. Tuy nhiên mỗi người đều có phước duyên riêng, nếu chúng ta cố gắng tháo gỡ, gột bỏ tập nghiệp của mình cho gọn gàng lại thì sẽ dễ tu, dễ an lạc giải thoát.

Ví dụ người tu trong thiên viện tuyệt đối không hút thuốc, các vị còn đứng ngoài cửa thì còn hút thuốc nhưng đã bước vào thiên viện, cạo bỏ râu tóc rồi thì nhất định phải bỏ hút thuốc. Bỏ không được cũng phải bỏ, bằng mọi cách phải bỏ thôi, có thể mới hợp với đời sống của người tu được. Tất cả những thứ khác cũng vậy. Bởi vì chúng ta tập trung vào một hướng, một lý tưởng tu hành thì phải buông bỏ các thứ tạp nhạp ở thế gian. Huynh đệ đừng nghĩ tu thành Phật mình sẽ có hào quang hoặc biết bay biết ẩn gì gì, trước mắt trong cuộc sống này, chúng ta tự tại giải thoát không bị nghiệp kéo lôi là Phật hiện tiền.

Bây giờ các vị không giữ tiền riêng, sống trong tập thể theo sự phân công của quý thầy, tới giờ ăn thì ăn, tới giờ ngủ thì ngủ, tới giờ làm công tác thì làm công tác, tới giờ tu thì tu, khỏi băn khoăn lo lắng giữ gìn tiền tài sự sản chi hết. Huynh đệ chưa dẹp được túi tiền của mình, đi đâu cũng phải

xách theo, nằm đâu cũng phải kè kè đó, để vô tử phải coi chìa khóa có chắc không. Bất an. Rõ ràng như thế. Bây giờ đẹp được, tháo gỡ được một món là giải thoát được một món. Cho nên nói giới của Phật là Biệt giải thoát tức giữ được một giới là giải thoát được một phần. Đặc biệt như thế!

Có vài vị tịnh nhân hồi trước không quen ăn sáng. Bây giờ vào Thiền viện công quả tập tu, tới giờ ăn sáng quý vị thưa: - Con không thể ăn sáng được Thầy ơi! Bởi hồi ở nhà sớm mai uống cà phê đi làm, khoảng chừng nửa buổi mới ăn. Nhưng ở thiền viện đâu có chuyện đó, sáng phải đi ăn. Tập thể mà, đánh bảng phải đi ăn, không ăn thì hành đường đẹp hết, lát đầu xuống lục được. Không chứa tiền riêng cũng không vô bép lục được, chần chần tới giữa buổi sẽ đói bụng. Cho nên sáng phải đi ăn sáng. Tập riết thành quen. Đầu tiên ăn ít thôi, người ta gọi ăn sáng là điếm tâm tức lót dạ, ăn để đừng có còn cào bụng lúc đi làm. Khi quen rồi ăn cũng được lắm. Cái gì cũng vậy, tập thì quen.

Điều đáng tán dương là có một số huynh đệ đã thức dậy trước ba giờ khuya một cách dững mãnh. Hồi trước ở nhà, nhiều vị không thức dậy nổi, vì giờ đó ngủ ngon lắm, phải không? Nhưng khi vào thiền viện quý vị đã dậy nổi. Tôi thấy bước chân của quý vị vững vàng lắm, chưa có ai đi bằng xiên băng nai như người say rượu. Vô chánh điện, cách đứng lạy Phật của quý vị trang nghiêm, dứt khoát, mạnh mẽ, hùng dũng. Đó là điều đáng mừng! Tập buông bỏ những thứ thô động trước, sau khi tâm đã yên rồi thì quý vị ngồi thiền bao nhiêu cũng được. Đến lúc nào cũng thiền được, thì khỏi nói “Tới giờ lên điện Phật ngồi thiền” nữa, ở đâu chúng ta cũng có thể tu được hết. Tuy nhiên, giai đoạn này phải lên chánh điện ngồi thiền đều đặn mới được.

Một ông vua, một ông hoàng mà còn bỏ được thói quen thụ hưởng những dục lạc thế gian, tu hành thành Phật thành Tổ. Chúng ta là dân đen có gì đâu mà bỏ không được. Cho nên anh em ráng lên, phấn đấu lên là được. Nên nhớ tu là sửa, là bỏ đi những gì không cần thiết, phát huy cái trí tuệ tỉnh táo sáng suốt của mình, phá tan bóng tối vô minh. Sáng đến thì tối đi, tối đến thì sáng đi. Chúng ta cũng áp dụng chiêu thức đó, để ánh sáng trí tuệ hiện hữu tức là đẩy lui bóng tối. Người nói với ta một lời thân thương ta cũng sáng, người chửi ta những lời nặng nề ta cũng sáng. Tóm lại, đối với cuộc sống hằng ngày, dù đầy đủ phương tiện hay thiếu thốn mọi thứ ta vẫn luôn luôn sáng. Được thế, nhất định ngày giặc ngộ giải thoát đến với mình không xa.

Điểm thứ hai là, xem thấu suốt được cốt tủy của kinh, mới thấy lời Phật dạy rất thích thú; học theo cơ Tổ, con đường thiền mới sáng rực. Ở đây

nói chúng ta học kinh, học lời Phật dạy phải học cho tận tường. Rồi tham thiền, áp dụng thiền cũng phải thấu đáo, tới nơi tới chốn. Kinh Phật thì nhiều lắm! Bốn mươi chín năm Thế Tôn thuyết pháp từ thôn quê cho tới thành thị, nơi nào đủ duyên là Phật thuyết pháp. Những lời giảng dạy đó được ghi lại cho đời sau, cho chúng ta nương theo tu hành. Phật nói pháp là tùy căn cơ chúng sanh, tùy bệnh cho thuốc. Vì thế chúng ta học hết các pháp để tự lựa chọn xem pháp nào thích hợp với mình, ứng dụng tu tập cho có kết quả tốt. Bất cứ kinh điển nào, miễn hợp với căn cơ của mình thì tu cũng được giác ngộ hết, chứ không phải đợi tới kinh điển lớn mới giác ngộ. Nhiều người đọc những bài kinh ngắn thôi cũng giác ngộ. Làm sao ba nghiệp thanh tịnh là giác ngộ giải thoát.

Ba nghiệp là gì? Tham, sân, si. Đừng để tham hoành hành, đừng để sân nóng hổi, đừng để si mê u tối che mắt tánh sáng suốt hiện tiền thì giác ngộ, thành Phật. Huỳnh đệ mới vào chùa học các bản kinh ngắn trước, như kinh Bát Đại Nhân Giác, kinh Thập Thiện, kinh Tứ Thập Nhị Chương... từ từ tiến lên các kinh lớn hơn. Nhưng xin nhớ cho một điều, lời nào của Phật nếu ta áp dụng đúng cũng được giác ngộ giải thoát.

Tổ nhắc người nghiên cứu kinh điển thì phải nghiên cứu tới nơi tới chốn, rồi tu. Người tham thiền học đạo cũng phải tích cực, không thể nói pháp môn thiền là tối thượng, trực chỉ, là pháp môn thẳng tắt rồi ngồi đó nói, không thực hành công phu, rốt cuộc không đi tới đâu hết. Chúng ta đủ duyên được học kinh Phật thì phải học cho thấu đáo, tham cứu tới nơi tới chốn. Đủ duyên học thiền thì nỗ lực, tích cực áp dụng cho được cốt tủy thiền vào mạch sống thực. Đó là lời răn nhắc của Tổ.

Điểm thứ ba là, lửa giác ngộ một phen thấp lên thì đốt tiêu hết rừng tà kiến thuở trước; kiếm trí tuệ một phen vung lên thì chém tan không còn chút tình thức hôm nay. Cái làm cho chúng ta điều đứng là tình và thức. Tình là cái đắm luyến, thức là cái phân biệt lăng xăng. Nếu chúng ta không định tình thì luôn bị tình thức quấy rầy. Ngồi lại ta mới nghiệm thấy nó lăng xăng không khi nào yên. Chuyện trước chuyện sau, chuyện mình chuyện người, chuyện quá khứ vị lai, chuyện nhà chuyện nước, chuyện của ai đâu không dính dáng gì tới mình mà cũng cứ lăng xăng. Ngộ thật! Rõ ràng chúng ta không làm chủ được, cứ lệ thuộc vào cái bên ngoài. Đó là trở ngại lớn lao đối với người tu thiền. Để đối trị với thứ chướng duyên này, Hòa thượng Viện trưởng dạy chúng ta phải biết cái lăng xăng đó không thật. Đó là góc để trị vọng tưởng.

Chúng ta trị bệnh mà không biết gốc nó ở đâu thì khó mà trị được. Giống như bắt ăn trộm, muốn bắt được mình phải biết nó ở đâu, sào huyệt

nào, nó giỏi cái gì, bao nhiêu đũa... mới có thể vào thẳng sào huyết bắt nó chứ. Bắt trộm mà mình không biết nó ở đâu, bao nhiêu đũa, kiếm cung nó làm sao, thì vào đó nạp mạng cho nó chứ bắt bớ gì? Việc tu cũng vậy, mình trị phiền não, trị cái lãng xăng điên đảo thì trước hết phải biết nó là gì? Phật dạy nó không thật, đó là bóng dáng của tiền trần, là vọng tưởng điên đảo. Những mấu chốt này chúng ta phải nắm vững. Chứ đi bắt giặc mà không biết mặt giặc, tới nơi thấy thích dấm mình ở đó luôn lăm à ghen!

Bây giờ trước nhất chúng ta trị những bất an bất ổn trong lòng, như những tơ tưởng vướng mắc. Nhiều thứ lắm, những cảm nhận, tưởng tượng, suy gẫm, phân tích, biện biệt... Ta ngồi đây, nhìn thấy cây bút thì cảm nhận nó tốt hay xấu, hiệu gì, hãng nào chế tạo... Vọng tưởng nhiều vô kể, nó kéo dài và cuốn sạch thời gian của việc tu hành. Cho nên người tu hành mà không biết dây niệm của mình là vọng tưởng thì sẽ nuôi vọng tưởng từ đời này sang đời khác, không dừng được. Chỉ khi chúng ta biết nó là vọng tưởng thì mới buông bỏ. Người tu thiền phải nhớ làm chủ được các dây niệm, đừng theo vọng tưởng.

Những dây niệm là gì? Ví dụ như tôi đang ngồi tại giảng đường này, nhưng để tâm nhớ nghĩ nhà khách ngoài kia. Nếu tôi không dừng được thì tuy vẫn nói chuyện với quý vị nhưng tâm vọng tưởng nó sẽ lén lút chạy qua nhà khách soát xét bên đó. Thành ra tôi bị phân hai phân ba nên phiền não. Hoặc chúng ta đang ngồi đây mà nghe cái “đùng” bên lò tương, thì đội quân trong tâm lén lút chạy qua chỗ tiếng nổ, coi chuyện gì? Chùm lửa bị nổ hay bánh xe nổ? Dây niệm vọng tưởng là như vậy. Cho nên người tu thiền phải cắt đứt vọng tưởng. “Cắt đứt” là một cách nói, đúng ra là không chạy theo nó thì ta bình yên.

Các thiền sư thường đem hình ảnh con chó và sư tử so sánh với mình. Con chó nghe động thì nó sủa hoảng lên, còn sư tử thì khác. Sư tử nghe động, nhắm ngay chỗ phát ra tiếng động nó chụp. Cho nên một mẩu thịt thấy lên, con chó nó chụp miếng thịt, còn sư tử chụp người thầy thịt. Chúng ta chạy theo vọng tưởng giống như con chó chụp miếng thịt. Mình bị vọng tưởng kéo, chạy theo vọng tưởng nên vướng mắc vọng tưởng. Ngay đó nếu biết tiếng động không thật, bỏ đi, khỏi chạy đâu hết tức yên.

Chúng ta sống đây, các giác quan luôn luôn va chạm với trần cảnh, bây giờ làm sao biết các cảnh duyên đó không thật, để nó đừng dính các cảnh duyên. Đó là một cách thắng lại, cách giữ được sự bình yên. Người tu thiền phải trị được vọng tưởng bằng cách biết những dây niệm là không thật, đừng chạy theo nó. Tới tốt cùng chỗ căn bản là phải sạch hết những phiền não trần duyên, không còn để một chút gì hết.

Điểm thứ tư là, muốn thắng cây cờ ngã mạn, được tròn đầy tri kiến thì chẳng nên để một chút họa trong tay; tất cả những bệnh duyên, những tams tối ù lý trong ta đều dẹp sạch hết. Lửa giác ngộ thắp lên thì đốt tiêu hết rừng tà kiến thuở trước. Kiếm trí tuệ một phen vung lên thì chém tan không còn chút tình thức hôm nay. Cái tình thức nó làm cho mình điên đảo, lăng xăng, không bình yên. Bây giờ biết tu rồi thì buông bỏ nó. Buông bỏ một cách nhẹ nhàng, buông bỏ mà không có thương tiếc gì hết.

Hồi xưa khi chúng tôi mới vào trong thiền viện, Hòa thượng dạy tất cả thân nhân tới thiền viện thăm, chúng tôi chỉ được tiếp có mười lăm phút thôi. Thầy Tri khách mời mình xuống phòng khách gặp người thân, thầy đặt cái đồng hồ trước mặt mình để biết giờ giấc. Sau mười lăm phút đó thì đứng dậy. Hòa thượng nhắc: “Một khi đứng dậy rồi thì con đi lên và đi thẳng. Không ngoái lại, không đứng nhìn người thân của mình xuống núi. Không nói câu gì có vẻ quyến luyến không nở cắt đứt với người thân của mình!” Một khi đứng dậy là đi thẳng, không ngoái lại. Cho nên chúng tôi “phải đành lòng mà cắt đứt”.

Đây không phải là bài kinh, không phải là cái gì trọng đại lớn lao, nhưng thực sự đó là một pháp giúp cho chúng ta yên tâm tu hành. Chứ mình còn trông ngóng, còn đợi chờ, còn vướng mắc thì trong lòng toi bởi ngổn ngang trăm mối, làm sao thiền định được. Vì vậy đối với chúng tôi đây là bài kinh khỏi cần học ở đâu, nhưng áp dụng được thì quả thực yên ổn. Đó là nói về tình thức làm trở ngại việc tu hành của chúng ta, vì thế huynh đệ phải ý thức rõ mà dứt khoát với mình, để đường tu không bị lui sụt, không bị mất thời gian vô ích.

Điểm thứ năm: Vì đền nghĩa sanh thành, cảm đức từ bi của Phật mà giữ giới ăn chay. Thờ thầy học đạo thân chẳng màng bao đẳng cay. Việc tu hành cốt trọn một bề đạo đức chớ chẳng phải nói suông ngoài miệng mà trong tâm thường sanh lỗi.

Ở đây nói việc ăn chay giữ giới là vì hiếu đạo, ân nghĩa sanh thành của cha mẹ và cảm trọng từ bi giáo hóa của Phật Tổ. Việc tu hành cốt trọn một bề đạo đức, chẳng phải nói suông ngoài miệng mà trong tâm thường có lỗi. Chúng ta hiểu rồi phải áp dụng tu, nói mà không áp dụng là nói suông. Nói suông thường có lỗi nhiều lắm, nên người tu và nhất là tu thiền rất kỵ bệnh nói suông. Nói nhiều thì lỗi nhiều. Huynh đệ nên nhớ như vậy đó.

Người tu thiền có mấy điểm cần lưu ý: thứ nhất là Ngộ đạo, thứ hai là Kiến tánh, thứ ba là Hằng nhớ tánh giác, thứ tư là Trì được những tập khí của mình. Ngộ đạo đây là nói những cơ duyên gặp đạo. Chũ Ngộ đây tức là gặp gỡ, gặp được Phật pháp. Kế nữa là gì? Phải làm sao có sự gắn bó từ cơ

duyên gặp được Phật pháp, chứ không phải nói suông. Kế nữa là phải hằng sống với tánh giác, tức là sống được với bản lai diện mục của mình. Và cuối cùng trị được những tập khí, những thói quen khiến chúng ta trôi lăn trong sanh tử trong nhiều đời.

Người tu hành phải đến nơi mới nhận ra được giá trị tuyệt vời của đạo. An lạc giải thoát trong ta, thành tựu tâm nguyện tu hành của ta. Chính ta được an lạc thực sự, trần lao phiền não không làm gì được ta. Người hiểu đạo không chuộng nói suông mà phải có sự thực hành đến nơi đến chốn. Có thể mới hưởng được giá trị thiết thực của đạo. Bởi vì an lạc giải thoát trong ta, thành tựu tâm nguyện tu hành của ta là phận sự của mỗi người. Chính ta là chủ nhân ông thực hiện những điều đó, không thể ỷ lại hay trông chờ vào đấng nào khác có thể ban bố cho mình sự an vui. Chúng ta phải xông pha bước vào chỗ thực dụng ấy mới thực sự bình yên.

Lời nói của Tổ xuất phát từ sự dẫn thân. Ngài từ bỏ ngai vàng, vào rừng núi tu hành khổ hạnh và thành tựu đạo quả. Điều này là một sự thực, chứ không phải nói suông. Cho nên những gì Ngài dạy lại chúng ta đều mang tính hiện thực, đều từ kinh nghiệm trải thân trong công phu mà ra. Chúng ta ngày hôm nay, với nền văn minh tiên bộ đạt tới mức “tốc độ”, những tiện nghi vật chất không thiếu thứ gì trên đời, cho nên rất khó tu. Chúng ta phải sử dụng như thế nào để đừng bị chúng ràng buộc, sử dụng để nó có thể hỗ trợ cho ta thành tựu công phu dễ dàng. Từ việc ăn mặc, ngủ nghỉ, tất cả các thứ tiện nghi không quá nhiều cũng không quá thiếu, giữ hài hòa, vừa đủ, đừng mất sự thăng bằng là dễ tu nhất.

Người thế gian bữa nào vui quá, bạn bè nhiều, thức ăn nhiều, họ ăn uống nói chuyện cho tới mười một mười hai giờ khuya. Tới lúc nghe nhạc nhàn quá mới giải tán, chùng đó hai con mắt thao láo, nằm xuống ngủ không được. Sáng ra cái tim nó đập sầm sập rồi nói đau tim. Tại vì mất thăng bằng chứ không có gì hết. Điều hòa trở lại thì hết. Cho nên chương trình của người tu không bao giờ như thế. Chiều sáu giờ hô trống, gióng chuông cảnh tỉnh lên, sau đó tụng kinh Bát-nhã. Sau thời kinh Bát-nhã là chuẩn bị tọa thiền. Tới chín giờ xả thiền, huynh đệ nào có học thì học khoảng nửa giờ, trễ lắm là mười giờ phải nghỉ. Tới trước ba giờ thức dậy tinh táo, sau đó lạy Phật, ngồi thiền cho tới năm giờ sáng xả thiền. Quý vị xuống làm việc vệ sinh, ăn tiểu thực, rồi bắt đầu công tác theo sự phân công của quý thầy. Nguyên tắc là như vậy. Tất cả thiền sinh đều giữ nếp sinh hoạt đều đặn như thế, sức khỏe được ổn định thì thân ít sanh bệnh hoạn, tâm không phiền não.

Các huynh đệ nhớ, nếp sống thiền môn hài hòa đều đặn như thế là pháp để giữ thân và tâm thường được an lạc. Chúng ta hạ thủ công phu mà

mắt thẳng bằng cũng dễ dẫn đến gãy đổ công phu. Phật dạy sống bình thường là đạo. Chử bình thường ở đây nghĩa là không bất thường. Người tu mà bất thường làm sao giáo hóa ai được? Cho nên tu hành phải có nề nếp. Đó là môn quy của Thiền viện. Mong rằng với tinh thần tu hành như thế, các huynh đệ lớn ở thiền viện lâu năm, nắm vững cương phong đường lối tu hành rồi, sau này đi đâu cũng giữ được nếp sống trang nghiêm ấy, mới xứng đáng là thiền tăng, tự lợi lợi tha, không cô phụ chính mình mà cũng không cô phụ công ơn sư trưởng.

---oOo---

HỘI THỨ TÁM

Chung ấy:

Chỉ xá tua rèn;

Chớ nên tuyệt học.

Lay ý thức chớ chấp trắng trắng;

Nén niềm vọng mưa còn xóc xóc.

Công danh mắng đấm, ấy toàn là những đứa ngây thơ;

Phúc tuệ gồm no, chỉ mới khá nên người thực cốc.

*Dựng cầu đò, giỏi chiến tháp, ngoại trang nghiêm sự
tướng hãy tu;*

Săn hỷ xả, nhuỷễn từ bi, nội tự tại kinh lòng hằng đọc.

Rèn lòng làm Bụt, chỉ xá tua một sức dồi mài;

Đãi cát kén vàng, còn lại phải nhiều phen lựa lọc.

Xem kinh đọc lục, làm cho bằng thừa thấy thừa hay,

Trọng Bụt tu thân, dùng mưa lối một tơ một tóc.

Cùng nơi ngôn cú, chỉ chững hệ một phút ngại lo;

Rất thừa cơ quan, mưa còn để tám hơi lọt lọc.

Chú thích:

- Chỉ xá tua rèn: Chỉ hãy nên tu rèn.
- Lay ý thức: Chuyển ý thức.
- Trắng trắng: Chấp chặt.
- Xóc xóc: Lao xao, giao động.

- Giỏi: Xây cất.
- Săn: Siêng.
- Một sức dôi mài: Chuyên sức dôi mài.
- Làm cho bằng thừa thấy thừa hay: Làm cho bằng được điều thấy điều biết.
- Dừng mưa lỗi: Chớ còn lỗi.
- Chẳng hề: Chẳng hề.
- Rất thừa cơ quan: Điều rất cần là nơi các cơ quan.
- Mưa còn để: Chớ còn để.
- Tắm hơi: Tắm gió.
- Lọt lọc: Trở đi trở lại.

GIẢNG

Trong hội thứ tám có ba điểm.

Điểm thứ nhất là người tu không bỏ một hạnh nhỏ nào. Bởi người xuất gia cần phải khắc phục đề tu tiến cho nên không được bỏ một hạnh nhỏ nào hết. Trong Quy Sơn Cảnh Sách, Tổ Quy Sơn dạy “Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp”, nghĩa là ở chỗ chân thật thì không có một mảy trần, nhưng trong cửa muôn hạnh thì chẳng bỏ một hạnh lành nào.

Tổ dạy người tu đối với những hạnh nhỏ không bỏ, luôn luôn siêng năng khắc phục điều dở, để chuyển hóa các thứ nghiệp xấu thành tốt, dần dần tiến lên trưởng dưỡng công đức, trưởng dưỡng tâm Bồ-đề. Có phát tâm Bồ-đề mới tiến tới cầu giác ngộ thành Phật. Quá trình tu phải thực hiện như vậy. Giai đoạn của chúng ta là đang tu, chưa đến nơi đến chốn, cho nên không từ bỏ một việc lành nào. Bởi theo tinh thần của Sơ Tổ Trúc Lâm, muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề phải dôi mài, rèn luyện công phu, chớ bỏ học tập.

Tu là chuyên đổi ý thức, buông bỏ vọng tưởng, không chấp chặt như trước nữa. Cho nên câu kệ tiếp Ngài dạy: “Lay ý thức chớ chấp trắng trăng”, tức là hãy tỉnh thức, đừng chấp cứng nữa. Tu là sửa, những gì chưa đúng hoặc còn dở thì ta sửa. Ví dụ mình tự thấy nóng nảy không hợp với người tu, thứ này xấu lắm thì bỏ đi, gọi là tu sửa. Nếu người còn tham thì bỏ tham, bỏ hết tham sân phiền não thì được sáng suốt giác ngộ. Theo nghĩa này thì trên thế gian ai cũng phải tu. Tu từ lúc bé thơ cho đến già chết, mỗi người tu mỗi cách mỗi pháp khác nhau.

Ngay từ thời bé thơ, lúc mình đi chưa vững và còn kêu bập bẹ: “Ba ba! Mẹ mẹ!” cũng đã bị tu, được cha mẹ hướng dẫn tu sửa. Ta nói lời gì không đúng cha mẹ sửa lại. Lớn lên một chút, cha mẹ cho đi học được thầy bạn, trường lớp dạy dỗ hướng dẫn, mình cũng bị tu nữa. Như con đường đó là con đường đen tối, phạm pháp, đi vào đấy sẽ hư thân mất nết, thì chẳng những gia đình, nhà trường mà cả xã hội cùng tu sửa cho mình. Sửa bằng cách nào? Họ ngăn cản; còn lỡ khi ta đã đi vào con đường đó, họ còng tay chân lại đem về uốn nắn bằng nhiều cách, tùy mỗi đối tượng. Đó là trường đời.

Chúng ta xuất gia tu hành tức là học trường đạo. Vị giáo chủ của chúng ta từ thời ấu thơ cho tới khi trưởng thành cũng được học, được tu sửa theo nền văn minh văn hóa của xã hội đương thời. Nhờ học tập giáo dục Ngài mới trở thành con người tốt đẹp. Sau đó Ngài xuất gia tu hành được giác ngộ giải thoát, rồi đem đạo giác ngộ ấy dạy lại cho chúng ta. Như vậy đức Phật cũng trải qua một quá trình tu sửa bản thân mới thành Phật. Chúng ta ngày nay cũng thế, theo sự chỉ dạy của Phật Tổ mình tập đi cho đúng đường. Đi chưa đúng, lỡ trật chân lệch ra ngoài liền có người chỉnh lại. Tại vì chúng sanh có bệnh hay quên, tuy đã được học đã biết con đường nào là chánh đạo nhưng vì quên nên đi bậy. Đi bậy thì được sửa lại, thiện hữu tri thức kéo mình đi ngay lại. Cho nên quý vị phải hết lòng cảm ơn những ai đã từng nhắc nhở khuyến tấn mình tu tập, sửa sai cho mình, chớ không nên có tâm phiền giận. Trên đường tu rất cần thiện hữu tri thức nhắc nhở để chúng ta đi thẳng một con đường, đừng bị lệch mới có thể đi đến nơi đến chốn.

Do vậy cho nên những người chung quanh tuy không phải là thầy mình, không phải là giáo thọ của mình, cũng không phải người thân trong gia đình mình, nhưng khi thấy ta sai họ nhắc. Nhắc bằng cách này cách khác hoặc điện thoại về cho những vị có trách nhiệm biết: “Đệ tử của thầy ra ngoài quậy phá vậy đó” thì chúng ta phải cảm ơn họ, không được thán oán. Nhắc nhở để chuyên hóa tu tập cũng là một cách giáo dục để truyền thừa mạng mạch. Ai giao phó không biết, nhưng tự nhiên thiên hạ luôn dự phần trách nhiệm đối với người tu chúng ta như thế. Mình cứ ngỡ bỏ xứ này đi xứ khác, ung làm gì thì làm không ai biết, không ai nói chi. Nhưng không. Dáng dấp, việc làm, ngôn ngữ, tư cách, phong độ của mình sẽ được chụp hình và gửi về cho sư phụ. Quý vị thấy hay ghê không? Tôi nghĩ đây là nền giáo dục rộng lớn, chúng ta phải nên cảm ơn.

Thà không tu Phật thì thôi, đã tu thì nên đi cho đúng đường, đừng đi đường quanh co nào khác. Bởi vì chung quanh chúng ta hầm hờ rất nhiều, lạng quạng là rơi xuống ngay. Phải cảnh giác cao độ và siêng năng liên tục, đời này chưa thành tựu thì đời sau tiếp tục. Chúng tử Phật này lạ đời lắm, đã có rồi thì sẽ được nuôi tới ngày thành tựu mới thôi. Có chúng tử Phật rồi thì

không bao giờ mất, đủ duyên là nó đẩy mình đi tới, có lẽ rơi ra ngoài người ta cũng lượm mình thả vô. Lượm bằng nhiều cách, hoặc lượm bằng tay hoặc lấy chân hất vô, cũng có người thương mình họ lấy xe hơi ủi vô thẳng luôn. Đúng như lời Hòa thượng Viện trưởng nói: “Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm hoặc chưa thông cảm thôi”. Tuyệt nhiên không có kẻ thù. Bậc chân tu nói ra một lời nghe thấm thía làm sao! Hôm ở bên Úc, Phật tử đón đi cùng với Hòa thượng, nghe câu nói của Ngài tự nhiên cả ngày tôi thấy thấm thía lạ lùng. Tôi chẳng biết làm gì hơn ngoài việc lẻo đẻo theo thầy, kêu đi chơi thì đi chơi, mời ăn thì ăn, mời ngồi thì ngồi, lúc nào rảnh thì cứ ngẫm nghĩ mà thấm thía câu đó.

Tu là chuyển đổi ý thức, buông bỏ vọng tưởng, không còn chấp chặt vọng tưởng nữa. Chuyển đổi ý thức là sao? Ý thức tức là những nhận định, phân biệt của chúng ta. Ý thức khi mình chưa tu thường là không đúng, không chính xác bởi vì nó bị cái ngã xen vào. Những gì hợp với ta thì tốt thì đúng, những gì không hợp với ta thì xấu thì sai. Biết tu rồi chúng ta phải chuyển đổi. Ví dụ hồi xưa ta thấy ông đó dễ ghét quá, bây giờ tu rồi nghe Hòa thượng nói trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ là chưa cảm thông thôi. Bữa nào đi ăn giỗ gặp ông ấy, mình cảm thông được thì cảm thông, cảm thông chưa được thì thôi chớ không ghét nữa. Đó là chuyển đổi ý thức.

Trở lại việc tu của chúng ta. Vừa rồi có một vị nói chuyện với tôi thế này: Bây giờ con muốn tự do, con sắp đặt tu viện của con, tới giờ ngồi thiền ai muốn ngồi thì ngồi, ai không muốn ngồi thì nằm, muốn đi thì cứ đi. Chớ mắc mớ gì bắt buộc phải ngồi thiền, không chế như vậy không có tự do. Tu kiểu ấy mới phóng khoáng tự do. Tôi nói: “Tu kiểu đó là buông lung chúa, chúa của buông lung, chớ không phải tự do”. Gốc của việc tu là phải làm chủ được các niệm tưởng lăng xăng điên đảo của mình. Chúng ta không chạy theo những thói hư tật xấu, những tập khí lười biếng rồi trở lại dùng Phật pháp biện luận cho cái lỗi của mình. Đây là một tai họa lớn, huynh đệ cần phải tránh xa, loại bỏ ngay tư tưởng này.

Điểm thứ hai là khắc phục tiến tu và phát tâm Bồ-đề. Nghĩa là lúc nào cũng siêng năng, cũng tu liên tục, đồng thời phát tâm Bồ-đề. Khi đã biết tu rồi thì những lăng xăng trong lòng phải khắc phục, phải làm chủ được nó. Đồng thời hướng tâm câu giác ngộ, tức phát tâm Bồ-đề. Tại sao phải siêng năng? Vì chúng ta có bệnh hay giải đãi, nếu buông lơ thì tâm lười biếng sẽ rủ đi chơi ngay. Người thế gian còn sợ cái tật lười biếng, huống là người tu chúng ta? Dân quê tôi thường nói “Chống Pháp chống Mỹ không sợ, mà sợ chống cuốc”!

Huynh đệ để ý sẽ thấy, có người vào chùa học hành tu tập rất mau chóng. Ngược lại có người chậm lụt, học hoài nhắc mãi cũng không sao nhớ nổi. Đó là do đời trước mình đã từng tu hay chưa từng tu mà ra. Với người siêng năng, việc học việc tu không khó bởi đã từng thực hành như thế từ hồi nào rồi, nên bây giờ nhắc lại là nhớ ngay. Ý thức rõ điều này anh em gắng nỗ lực, tu là tu cho mình chớ không phải cho ai. Vì vậy mỗi người cần phải tự phát tâm Bồ-đề, không đợi ai thúc giục ta mới tu. Việc tu cần phải rèn luyện, dù mài nhiều năm tháng mới thấy được lực dụng của nó.

Với cái nhìn của Phật giáo, việc gì cũng do sự tập quen, cái gì ta làm dễ dàng là vì quen từ nhiều đời rồi. Việc tu hành cũng thế, ta thực hiện được viên mãn hay không là do có thường xuyên tu tập hay không? Đây là vấn đề quan trọng chúng ta cần phải biết. Ta không thể nào để ngày qua tháng lụn, trong khi đó của đàn na tín thí cứ chất lên thành núi. Cái đầu đã cạo bóng nhẵn thì mình lạ hơn thiên hạ rồi, anh em đâu có thể đặt chân vào cái quán ca hát rầm rầm bên kia đường? Đặt câu hỏi đó lên rồi thì ta thấy mình phải đi tới cùng, không thể lừng khừng qua ngày, ôm giữ mối nợ của đàn na tín thí như ôm núi Tu Di, nặng nề lắm thưa quý vị! Không khéo đời sau làm kiếp trâu lừa trả chưa biết đến bao giờ. Con đường của người tu là con đường đi tới, không bước thụt lùi được. Vì thụt lùi là rơi xuống hầm chông ngay. Hầm chông ấy chính là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cho nên phải siêng năng tinh tấn lên!

Điểm thứ ba Tổ dạy chúng ta phải quyết tâm tu cho tới cùng là đạt đạo thành Phật. Xem kinh đọc ngữ lục rồi thì làm cho bằng những gì Phật, Tổ dạy. Như vậy mới không lo tám gió thổi rơi lại trong ba cõi. Tám gió là gì? Là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc. Bây giờ đừng nói tám gió mà một gió thổi mình cũng bay. Ví dụ như lợi tới nhiều quá quý vị tu không được là bay rồi. Hồi năm trường Trung Cấp Phật Học mới khai giảng tại Đại Tòng Lâm, trong số học trò của tôi có một vị ở Tây Ninh. Vị này sống đời dằn vặt chất quen rồi, nên hay la cà ngoài quán ăn uống rồi mua vé số nữa. Không biết nhân duyên gì, hôm đó anh ta trúng số. Anh thưa với tôi: “Con trúng số thầy ơi”. Tôi hỏi: “Trúng nhiều không?” Anh thưa: “Dạ trúng khá lắm”. Anh cũng biết cúng dường đại chúng, nhưng kể từ đó anh học không nổi nữa. Lúc mới vào chùa, tuy ở nhà cung cấp tiền bạc nhiều, ăn xài to nhưng anh còn học được, tới khi trúng số anh học hết nổi luôn. Tôi hỏi tại sao? Anh nói con học không nổi nữa. Rồi anh đòi mua ti vi màu cúng dường đại chúng, tôi không cho. Anh chuyển sang mua xe, tôi cũng không cho. Tôi bảo mua xe mấy anh đi hoài làm sao học được, nếu cúng dường áo quần sách vở thì nhận. Đó, bị gió lợi thổi cho một phát thôi là bỏ học. Chà! Kiểu đầu năm trúng số một lần, cuối năm trúng số một lần chắc chết, làm sao sống nổi?

Cho nên đừng nói tám gió, một hai gió thổi mình cũng đủ chết ngủm. Đừng nói gió tử vong, gió khinh bỉ, mà gió được người ta công khen, ca tụng mình cũng đã khó tu lắm rồi! Thành ra được học lời của Thánh hiền chúng ta phải làm cho được. Giữ gìn sao cho các vọng động đừng quấy nhiễu mình, khi buồn vui lợi hại đến ta đều vượt qua tất cả. Người xưa dạy rằng: “Nơi nào có Phật pháp mà không đủ cơm gạo, dù bị đói cũng xin ở lại để được tu học”. Còn “Nơi nào không có Phật pháp, dù ăn no mặc ấm hay được thương mến cũng không ở lại”. Đó là điều cổ đức nhắc nhở với kẻ học đạo sơ tâm, không nên để vướng mắc các thứ lợi dưỡng, mới có thể tiến tu được. Đó là tinh thần tu học của người xưa.

Trong đời sống tu hành hàng ngày, huynh đệ giữ gìn đừng để cảnh duyên trói buộc hay làm nhiều loạn tâm cầu giác ngộ giải thoát của mình. Chúng ta phải vững tâm, gan dạ, đầy đủ ý chí thì nhất định sẽ thành công. Mỗi ngày, anh em thường tự xét nét trừ bỏ các phiền não như tham dục, giận tức, si mê, tật đố, ganh ghét, nghi ngờ, lừa nhác. Những thứ đó mà sạch rồi thì con đường Phật đạo không xa. Muốn sạch si mê điên đảo, phiền não, vọng tưởng thì phải thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ lên. Đó là trí tuệ Bát-nhã. Dùng trí tuệ Bát-nhã soi tới soi lui, thường tự thấy lỗi mình, không dòm dỗi lỗi người, biết muôn sự muôn vật trên thế gian này là tạm bợ, hư dối, không đắm luyến, không chạy theo nó nữa. Như vậy mới giữ vững và thành tựu đạo tâm.

Bao giờ tám gió thổi không động, các anh em đi tới đâu cũng tu được, cũng an nhiên tự tại. Tùy duyên quý vị lên núi tu cũng được, ra biển tu cũng được, vào thành thị tu cũng được. Nhưng nhớ là phải sạch phiền não, phải trị những thứ cù cặn trong lòng, phải lọc thành vàng ròng mới được. Đó là ý nghĩa tu và con đường tu chúng ta phải trải qua như vậy.

---o0o---

HỘI THỨ CHÍN

Vậy cho hay:

Cơ quan Tổ giáo;

Tuy khác nhiều đàng,

Chẳng cách mấy gang.

Chín xá nói từ sau Mã Tổ;

Ất đã quên thuở trước Tiêu Hoàng.

Công đức toàn vô, tính chấp si càng thêm lỗi;

*Khuếch nhiên bất thức, tai ngu mắng ắt còn vang.
Sanh Thiên Trúc, chết Thiếu Lâm, chôn dối chân non Hùng Nhĩ;
Thân bồ-đề, lòng minh kính, bài giờ mặt vách hành lang.
Vương lão chém mèo, lạt trầy lòng giữa thủ tọa;
Thầy Hồ khoa chó, trở xem trí nhẹ con giàng.
Chợ Lư Lãng gạo mắc quá u, chẳng cho mà cả;
Sở Thạch Đầu đá tron hết tác, khôn đến thừa đang.
Phá Táo cát cò, đập xuống dầu thiêng thân miếu;
Câu Chi day ngón, dùng đòi nếp cũ ông ang.*

*Lưỡi gương Lâm Tế, nạng Bí Ma, trước nạp tăng no dầu tự tại;
Sư tử ông Đoan, trâu thầy Hựu, răn đàn việt hươm xá nghênh
ngang.*

*Đưa phiến tử, cắt trúc bẻ, nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẫ;
Xô hòn cầu, cầm mộc thược, bạn thiền hòa chúc mọc khoe
khoang.*

*Thuyền Tử rà chèo, dòng xanh chứa cho tịn tấy;
Đạo Ngô múa hốt, càn ma đường thấy quái quàng.
Rồng Yên lão nuốt càn khôn, ta xem chĩnh lệ;
Răn ông Tồn ngang thế giới, người thấy ắt giang (giương).
Cây bách là lòng, thác ra trước phải phương Thái Bạch;
Bính Đình thuộc hỏa, lại trở sau lối hướng Thiên Cang,
Trà Triệu lão, bánh Thiều Dương, bày thiền tử hầy còn đói khát;
Ruộng Tào Khê, vườn Thiếu Thất, chúng nạp tăng những để lưu
hoang.*

*Gieo bó củi, nẩy bông đèn, nhân mang mới nát;
Lộc đào hoa, nghe tiếng trúc, mặc vẻ mà sang.*

Chú thích:

- Giờ: Viết lên.
- Trầy lòng: Thử lòng.
- Trở xem: Chỉ xem.

- Con giàng: Con cháu.
- Khôn: Khó
- Thừa đang: Thừa hỏi.
- Ông ang: Ông cha.
- Hụm: Dừng.
- Chúc móc: Mưu mẹo.
- Chín lệ: Chỉ sợ.
- Giang: Đồn đại.
- Nhân mang mới nát: Nhân cư mang mới ngộ, tan nát hết nghi ngờ.
- Mặc vẻ mà sang: Vẻ mặt lạng lẽ mà rất sáng.

GIẢNG

Trong hội này nhắc nhiều đến hành trạng của chư Tổ Trung Hoa. Phần này trong thiền sử đã nói rõ, ở đây chúng ta chỉ nắm ý chánh của Sơ Tổ Trúc Lâm thôi. Điểm đặc biệt trong nhà thiền là cốt dạy cho hành giả nhận được chớ không dạy cho hiểu, đôi khi không cần hiểu. Ngay nơi sự việc, câu chuyện đó chúng ta nhận ra ý Tổ sư, tùy theo duyên của mỗi người mà chỗ nhận sâu hay cạn. Ai rồi cũng nhận ra chỗ đó hết, không người nào chẳng có phần. Tùy theo công phu và duyên của mình thôi.

Nói thế để chúng ta không mất hy vọng trên đường tu hành. Trong nhà thiền không có cái ngộ nào giống cái ngộ nào hết. Có người nhìn cảnh nhận ra, có người nhân âm thanh hoặc thấy ánh sáng nhận ra việc của chính mình. Vì vậy chư Tổ dùng vô lượng hình ảnh để khai thị cho kẻ học đạo tùy theo căn cơ của họ. Như Mã Tổ Đạo Nhất khi có người tới hỏi đạo, Ngài đập cho một đập té nhào. Hành giả cười ngất, ngộ đạo. Đây là pháp gì? Chẳng có bài bản gì hết, tùy căn khí nhân duyên của vị đó thôi.

Giả sử bây giờ chúng ta bị một đập như thế, chưa chắc đã cười được, không chừng còn nổi sân nữa là khác. Nếu không đổ quạ cũng sẽ vọng tưởng trên cái đập đó. Nhưng dù hiểu thế nào đi nữa cũng không đúng, không phải là thiền khách vào được cổng Thiên Tổ. Phải ngay nơi đó nhận ra mới vô nhà được. Ngày nay chúng ta được Hòa thượng nói trắng ra hết, không giấu giếm chi, nên Ngài vừa mở miệng thì ta đã hiểu rồi. Bởi hiểu một cách dễ dàng như vậy nên cũng quên một cách dễ dàng, không nhớ tí xiu nào hết. Có những điều đáng nhớ nhưng chúng ta quên hồi nào không hay. Mới nghe pháp thấy in tuồng như là vào cửa được dễ dàng, in tuồng

như xong việc. Nhưng nghiệm kỹ lại thì chưa vô cửa được mà cũng chưa xong việc. Dễ hiểu dễ quên như thế thì biết không phải là cái thật của mình rồi. Do vậy chúng ta cần phải tu nhiều nữa.

Từ hội thứ nhất cho tới hội thứ chín, chúng ta thấy Ngài luôn luôn nhắc phải cố rèn luyện, giống như người đãi cát tìm vàng, phải đãi hết cát mới ra vàng. Tuy có vàng trong quặng nhưng muốn được vàng thật, ta phải chịu khó đãi thật hết cát mới có vàng thật. Cũng vậy, tuy tánh giác tất cả chúng sanh đều có sẵn nhưng vì nó còn tạp lẫn với phiền não trần lao, nên chúng ta cần phải tôi luyện, phải tu. Ngài dạy thiền tăng trước hết học hiểu rồi sau đó thực hành tới nơi tới chốn. Sở dĩ bây giờ chúng ta tu yếu hơn người xưa là vì kém phần công phu. Về sự thông minh, hiểu biết, giỏi nhớ thì không thua nhưng thực hành công phu không miên mật, không tinh tấn nên dễ quên. Nghe liền hiểu liền nhận nhưng không có công phu nên chỉ hiểu ngoài da và vì thế quên hết sức nhanh. Hồi xưa chư Tổ phải cặm cụi tìm kiếm, lặn hụp đào xới vô vàn cực khổ, chứ không phải như chúng ta bây giờ.

Ngày xưa làm gì có những vị thầy ngồi đó đọc từng chữ quốc ngữ, chỉ rõ từng điều từng câu cho mình hiểu đâu. Các ngài nói bên đông bên tây, trên trời dưới đất, ai nhận được thì nhận, nhận không được thì thôi. Cũng có vị nhận hiểu, nhưng chỉ là tiểu ngộ chứ chưa phải triệt ngộ. Ngày nay chúng ta học thiền không có cực khổ gì hết, chỉ cần mở một đoạn băng là nghe hiểu hết. Từ thời thượng cổ, lúc Tổ Bồ Đề Đạt Ma xuống tàu qua Trung Quốc, rồi tới ngài Huệ Khả đứng trong tuyết trên đỉnh Tung Sơn, dài cho tới chur vị Tổ sau này... chỉ trong vòng một hai tiếng đồng hồ là ta có thể nghe biết hết. Nghe nhanh quá nhiều quá nên chẳng nhớ cái gì hết, trong công phu chưa có chỉ dánh dánh với mình cả. Do thiếu thực nghiệm nên thiếu chiều sâu, không thể nhận đến nơi đến chốn.

Học thiền không phải chỉ ngộ một lần, mà phải trải qua rất nhiều lần. Những lần tiểu ngộ tức những lần ngộ nhỏ nhỏ thì nhiều, dần dần lóe lên những chỗ lớn hơn, rồi công phu tiến triển thêm nữa chúng ta mới đi tới đại ngộ, triệt ngộ. Quá trình tu như vậy đòi hỏi chúng ta không thể nào dễ dãi xem thường mà có thể nhận được cái chân thật ngay nơi mình. Hoặc có người thấy điều này dễ dàng quá nên không đặt vấn đề quan tâm việc nghiên tâm tu học gì hết. Thế là có khi cả đời quý vị lơ lơ là là, như Tổ Quy Sơn quở “Lơ láo qua ngày” vậy.

Trong hội này có ba điểm cần nêu ra.

Điểm thứ nhất nói cơ phong dưới cửa Tổ sư rất nhiều, nhưng cứ cánh thì không khác nhau, nên nói *Chặng cách mấy gang*. Nếu xét từ Mã Tổ trở về sau, không kể từ lúc Tổ Bồ Đề Đạt Ma lên thuyền sang Trung Hoa, Tổ sư

tuy nhiều nhưng tông chỉ không ngoài *Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*. Chúng ta lật lại đoạn đầu của trang sử thiền tông, khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma tới Trung Hoa được vua Lương Võ Đế đón về triều. Võ Đế là một vị vua rất hâm mộ Phật pháp, cất chùa độ Tăng, cúng dường Tam bảo, tu tạo rất nhiều phước duyên. Nhưng cơ duyên đốn giáo thì nhà vua chưa phải là người đón nhận được giáo ngoại biệt truyền. Do vậy, Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang miền Giang Bắc thuộc nhà Ngụy, lên chùa Thiếu Lâm trên đỉnh Tung Sơn.

Như vậy trước khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa, nước này đã có chùa, có các sư truyền bá đạo Phật. Nhưng pháp môn của các ngài không giống như Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Khi lên đến núi này Ngài không giảng kinh thuyết pháp, không cất chùa độ Tăng, mà sống rất kỳ đặc, đó là ngồi quay mặt vô vách chín năm trời, không nói một lời, không ai lay động nổi con người đặc biệt này. Chúng ta ngày nay đến nơi nào cũng hay tổ chức, sắp đặt, cất chùa, thuê đệ tử, giao thiệp nọ kia, giảng kinh thuyết pháp... Riêng Tổ Đạt Ma vừa tới kinh đô gặp vua Lương, qua thời pháp đầu tiên thấy không hợp liền bỏ đi một cách dứt khoát. Ngài lên ngọn Tung Sơn, đây là dãy núi được gọi là cô tuấn, tức cao chót vót và rất nguy hiểm, tuyết phủ quanh năm. Lên đó ngồi không tiếp ai hết, mà cũng không cần gặp ai. Bởi điều Ngài nói ra khó có người nhận được tới nơi tới chốn. Do vậy Ngài thà đợi thời cơ chứ không vội vàng sôi nổi như chúng ta.

Chín năm trời ngồi quay mặt vô vách, cuối cùng có một thiền khách dũng sĩ tìm đến. Ngài Thần Quang suốt đêm đứng trong tuyết ngập thấu đầu gối để cầu pháp. Chỉ một lời nói của Tổ: “Người cầu đạo Vô thượng Bồ-đề có thể dùng một chút ít công phu như thế mà cầu được sao?”, Thần Quang liền chặt cánh tay dâng lên để chứng tỏ lòng thành quên thân vì pháp của mình.

Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma biết đây là người mình đã chờ đợi, nên chấp nhận cho Thần Quang thưa hỏi:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an. Cầu Thầy chỉ dạy cho con pháp an tâm.

Tổ bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.
- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.
- Ta đã an tâm cho người rồi.

Bài pháp có bao nhiêu đó thôi, không đầu đuôi thủ vĩ gì hết, thầy trò nói qua mấy câu như thế, mà một sự truyền thừa sáng ngời rực rỡ cho tới

bây giờ. Bởi Ngài qua đây với tinh thần giáo ngoại biệt truyền, không dựa vào phương tiện nào hết. Độc đáo, đặc biệt như vậy đó. Từ khi qua Trung Thổ cho đến bây giờ, Tổ Đạt Ma mới tìm được một người đệ tử duy nhất có thể kham nhận yếu chỉ này, vì thế sau đó Thần Quang được đổi thành Huệ Khả. Huệ là trí tuệ, Khả là được, là khá đó. Vậy, yếu chỉ của Bồ Đề Đạt Ma là gì? Là **Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật**. Chỉ có thể thôi.

Điểm thứ hai, Tổ muốn nhắc người tu không nên kẹt nơi các pháp hữu vi sanh diệt. Về phần này, chúng ta nhắc lại một chút về cuộc đối thoại giữa Tổ Đạt Ma với vua Lương. Nhà vua hỏi câu thứ nhất:

- Trẫm cất chùa độ Tăng, làm các Phật sự có công đức chăng?

Đáp:

- Không có công đức.

Câu hỏi thứ hai:

- Thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa?

Đáp:

- Rỗng nhiên không Thánh.

Câu hỏi thứ ba:

- Đối trẫm là ai?

Đáp:

- Không biết.

Tổ Đạt Ma đã trả lời thẳng thừng vậy.

Trả lời như thế đối với người thường đã là méch lòng lắm rồi, huống nữa đối với nhà vua, việc này mất đầu như chơi. Thế nhưng Tổ Đạt Ma đã chẳng ngần ngại chút nào khi buông ra những lời sấm sét ấy. Nhà vua nghe mà đau lòng lắm chứ, cả một đời hướng về Phật pháp, làm bao nhiêu Phật sự mà bảo chẳng có chút công đức gì. Không giận sao được? Nhưng vua Lương không ngờ, chính Tổ đã vì Ngài mà mở toang cửa đại pháp, vì Ngài phá dẹp các kiến chấp làm cho vua thấu được lẽ thật nhiệm mầu. Song vua Lương không nhận ra nên Tổ đã bỏ đi.

Tất cả những gì thuộc về hình thức hữu vi đều không thật, không cố định trường cửu lâu bền. Nó vẫn có nhưng có trong cái duyên hợp tương đối, vì vậy nói pháp hữu vi hữu hình thì hữu hoại, có hợp ắt có tan. Ở đây Tổ Đạt Ma trả lời thẳng với vua Lương Võ Đế là căn cứ trên pháp chân thật mà nói, nó rỗng rang không có gì hết nhưng vua không nhận được, nên Tổ Trúc Lâm

bảo nhà vua còn bị kẹt chấp nơi các pháp hữu vi sanh diệt, còn mê tánh giác của mình.

Thực ra chẳng những vua Lương hồi xưa mà chúng ta bây giờ cũng vậy. Phần nhiều đều vương kẹt nơi hình thức, pháp nào ta có chiếu cố thì có vương mắc. Chúng ta không có “rỗng”, Tổ Đạt Ma bảo là “rỗng nhiên”. Chúng ta đụng cái nào dính cái nấy nên không tự tại giải thoát. Các ngài sở dĩ tự tại là vì không dính mắc các pháp. Chúng sanh vì chấp các thứ duyên hợp là thật nên quen với kiến chấp này rồi, do đó ai nói giả họ không chịu. Cũng thế, nhà vua quen cho rằng các việc hữu lậu của mình có công đức vô lượng vô biên rồi nên không chấp nhận Sơ Tổ Đạt Ma. Làm việc thiện mà chấp nhiều chùng nào thì càng vương mắc chùng nấy, không phải sáng suốt đâu. Đó chính là lý do vì sao vua Lương đã mất nước và chết thảm dưới tay giặc Hầu Cảnh.

Về mặt này, vua Trần Nhân Tông ở nước ta tiến bộ hơn nhiều. Do không kẹt nơi việc thiện, nên nhà vua đã lãnh đạo quân dân Việt Nam đánh tan giặc Nguyên Mông sang xâm lăng nước ta. Ở Triều Tiên thiền sư Thối Ẩn cũng thế, khi trong nước có giặc, nhà vua tới đánh lễ, thỉnh thiền sư ra cầm quân đánh giặc, Ngài chấp nhận. Chỉ có thiền sư mới dám làm thế thôi. Nhìn lại Việt Nam chúng ta, triều Trần từ vua chúa cho đến quan lại trong triều đều là Phật tử, mà thời này vũ công oanh liệt nhất.

Từ Tổ Huệ Khả, thầy trò tâm đắc nối nhau truyền pháp xuống Tổ Tăng Xán, Tổ Đạo Tín, Tổ Hoàng Nhãn, Tổ Huệ Năng. Sau Tổ Huệ Năng, từ hai vị đệ tử lớn là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng dài xuống thành trăm nhà, chia ra năm tông bảy phái. Bên nhánh Nam Nhạc sau này xuất sinh ra tông Lâm Tế, tông Quy Ngưỡng, tông Vân Môn, tông Pháp Nhãn. Còn bên nhánh Thanh Nguyên thì tông Tào Động. Tông Lâm Tế sau xuất thêm hai chi nữa là Dương Kỳ Phương Hội và Hoàng Long Huệ Nam. Đủ năm tông bảy phái.

Việt Nam chúng ta cũng được sự truyền thừa đó. Giòng truyền thừa thứ nhất sang xứ chúng ta từ Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi, cuối thế kỷ thứ VI. Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi là học trò đắc pháp với Tổ Tăng Xán. Bảy giờ ở Trung Hoa có pháp nạn, nên sau khi nhận được tâm pháp rồi Tổ Tăng Xán dặn Ngài phải ẩn sang Việt Nam, ở chùa Kiến Sơ và bắt đầu hoằng pháp tại nước ta. Tới đầu thế kỷ IX có Tổ Vô Ngôn Thông từ Trung Hoa truyền sang, đó là giòng thiền thứ hai. Đến vị thứ ba là ngài Thảo Đường, một vị thiền sư Trung Hoa truyền đạo ở đất Chiêm Thành. Sau trận chiến thắng của vua Lý Thánh Tông, những tù binh của Chiêm Thành được đưa về cung thành nhà Lý, trong đó có thiền sư Thảo Đường. Khi vua quan nước ta phát hiện ra

thiền sư, bấy giờ Ngài được mời vào cung dạy đạo cho vua. Sang thế kỷ XIII phái thiền Việt Nam thời Trần ra đời, đó là thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, góp nhặt và dung hợp tinh hoa của ba phái thiền trên tạo thành một thiền phái mang phong cách rất Việt Nam.

Thời gian sau này ở Việt Nam có những vị Tổ Trung Hoa sang truyền giáo ở Đàng Ngoài (từ sông Gianh trở ra) theo tông Lâm Tế, như ngài Chuyết Công Tại Tại ở chùa Bút Tháp - phủ Thuận Thành. Ngài tu thành đạo ở chùa Phật Tích - Bắc Ninh, còn để lại nhục thân nơi đó. Tông Lâm Tế còn được truyền ở Đàng Trong, như Đồng Nai có ngài Nguyên Thiều, tức Tổ Hoán Bích Nguyên Thiều. Bấy giờ người ta phát hiện được tháp của Ngài ở Tân Triều - Đồng Nai.

Dấu vết truyền thừa của chư tổ Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ chúng ta đã được học qua lịch sử rõ ràng như vậy, không có gì phải nghi ngờ. Điều này minh chứng cho chúng ta thấy, hễ có tu thì có tiên, có thành tựu, không thể khác hơn được. Nhưng với điều kiện là tu cho đúng, tu mà đừng kẹt đừng vướng vào đâu hết mới được. Ở đây, Hòa thượng Viện trưởng không đặt nặng phả hệ, chỉ cốt làm sao Tăng Ni nhận được, hiểu được Phật pháp chân chính, rồi nỗ lực tu hành để được an vui giải thoát thôi.

Trở lại vấn đề tu hành, nếu chúng ta không chịu hạ thủ công phu thì không được gì. Mình không chịu tu, không chịu học hiểu cho đến nơi đến chốn, thì dù bao nhiêu năm ở Thiền viện cũng không ý nghĩa chi hết. Chúng ta cố gắng tu làm sao thật vững, trí sáng thì tự nhiên sắp đặt việc gì cũng dễ thành tựu. Được vậy mới xứng đáng là thiền sinh ở thiền viện, mới đủ ý nghĩa là người chuyên tu thiền. Như chúng ta biết hiện nay Hòa thượng Viện trưởng lập các thiền viện là nơi chuyên tu thiền, và đặc biệt là Ngài có tâm nguyện khôi phục lại thiền tông Việt Nam vào thời Trần. Bởi vì Thiền tông đời Trần đã được các Thiền sư Việt Nam thực tu thực chứng. Các ngài nhận rõ được tâm chân thật ngay nơi thân sanh diệt này và sống tùy duyên với mọi hoàn cảnh mà vẫn an lạc, không bị mất mình, luôn làm chủ được mình. Hơn nữa thiền tông Việt Nam và đặc biệt là thiền tông đời Trần mang đậm nét bản sắc dân tộc Việt Nam, không ngoại lai với thiền tông các nước khác. Điều này sẽ giúp cho người dân Việt dễ tu, dễ nhận ra được yếu chỉ của chư Tổ Việt Nam truyền thừa lại. Bởi người Việt thì dễ hội nhập với ngôn ngữ, với sinh hoạt, với nền văn hóa và tinh thần của dân tộc hơn, do đó dễ giáo hóa.

Con đường Hòa thượng đi rõ ràng như vậy. Thời Trần các vị vua Trần cũng như các quan chức cao cấp đều là Phật tử hiểu đạo, ngộ đạo. Như thế chúng ta mới thấy được tinh thần Đại thừa, gọi là Bồ-tát đạo, tu trong mọi

lúc mọi thời. Tu bằng cách nào? Thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ lên, soi thủng bóng tối vô minh, đừng để nó che lấp cái tâm chân thật của mình. Được như vậy mới hợp đạo, mới giải thoát ngay trong lòng cuộc đời. Cho nên tinh thần thiền tông đời Trần là tinh thần tu tập vừa ly thể mà vừa nhập thể. Ly là lúc hạ thủ công phu phải ly, cho nên có năm năm lên núi tu khổ hạnh ở Trúc Lâm. Nhưng sau đó phải hòa lẫn với cuộc đời để giúp mọi chúng sanh cùng thoát khỏi mê lầm khổ đau, đó là thời gian Ngài đi vào nhân gian khuyên dân chúng tu Thập thiện, phá bỏ các dâm từ v.v... Khi đất nước lâm nguy, từ vua quan sĩ thứ đến toàn dân không trốn tránh trách nhiệm đối với dân tộc, với xã tắc sơn hà. Thiền tông Việt Nam có điểm này được xem như nét đặc thù nhất.

Người Phật tử phải hiểu được hai chữ vô thường Phật dạy. Mọi việc qua nhanh trước mắt như một cơn lốc. Cho nên chúng ta phải tranh thủ tu gấp, đừng hên lần hên lượt. Ở đây Tổ đưa ra hình ảnh các vị Thiền sư Trung Hoa với cơ phong riêng của mỗi ngài, nhằm đánh thức sự tự giác nơi mỗi chúng ta. Làm sao để mình tự chủ được trước những sự kiện luôn đổi thay đó. Từ những hình tướng, âm thanh sanh diệt mà ta nhận lại được cái bất sanh bất diệt nơi chính mình. Về phần giải thích những giai thoại của các Thiền sư do Sơ Tổ Trúc Lâm dẫn nêu, tôi xin lược trích lại trong lời giảng của Hòa thượng Viện trưởng cho các huynh đệ nhớ.

Thân Bồ-đề, lòng minh kính, bài gơ mặt vách hành lang. Đây nói sự tích Lục Tổ Huệ Năng khi đến với Ngũ Tổ. Ngũ Tổ báo cho chúng biết Ngài tuổi đã già, yêu cầu chúng trình kệ để xét coi ai ngộ, Ngài sẽ truyền y bát. Khi đó chúng nhường cho Thượng tọa Thần Tú trình kệ. Ngài Thần Tú ngại chỗ thấy của mình chưa đến nơi, nên không dám trực tiếp trình với Ngũ Tổ. Ngài viết bài kệ trên vách chùa phía ngoài hành lang:

*Thân thị Bồ-đề thọ,
Tâm như minh kính đài,
Thời thời cần phát thức,
Mạc sử nhạ trần ai.*

Dịch:

*Thân như cây Bồ-đề,
Tâm như đài gương sáng.
Thường phải nên lau chùi,
Chớ để dính bụi nhơ.*

Khi Ngũ Tổ đọc bài kệ, Ngài biết chưa tới nơi, nhưng muốn cho ngài Thần Tú khỏi mất mặt, Ngũ Tổ khen bài kệ hay quá và hỏi ngài Thần Tú:

- Phải của ông không?

- Dạ của con.

Đã thế, Tổ đánh lừa luôn, nói với đại chúng:

- Bài kệ này hay lắm, các ông phải thấp hương đánh lễ kính trọng, học thuộc lòng.

Bấy giờ ngài Huệ Năng nghe được bài kệ trên và cũng xin có một bài kệ:

*Bồ-đề bốn vô thọ,
Minh kính diệc phi đài,
Bốn lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai.*

Dịch:

*Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ.*

Mọi người khi đọc bài kệ của ngài Huệ Năng thấy đều giật mình. Ngũ Tổ thấy thế sợ có chuyện không hay cho ngài Huệ Năng nên vội vã chùi bài kệ ngay và nói:

- Bài này cũng chưa thấy tánh.

Đó là để đánh lạc hướng trong chúng, tránh cho Lục Tổ không bị hãm hại.

Với cái nhìn của ngài Thần Tú, do bụi bặm che lấp làm cho gương tối. Bây giờ muốn gương sáng phải dẹp hết bụi. Đó là Ngài chỉ thấy bên ngoài mà chưa thấy tận bản chất của gương. Bản chất của gương là gì? Là thủy tinh hay pha lê. Thủy tinh hay pha lê có lúc nào tối đâu, nó luôn sáng, sở dĩ nó không phản chiếu được là vì bụi phủ, chớ bản chất nó là sáng. Lục Tổ thấy tận bản chất của gương là sáng nên nói “xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ”, mà phải lau chùi?

Cũng vậy, tâm chúng ta lúc nào cũng thanh tịnh, nhưng bây giờ còn mờ mịt tối tăm là tại phiền não che phủ. Biết rõ bản chất tâm luôn sáng thì

sự tu không mệt, không ngán. Nếu không biết thế cứ chùi hoài không thấy sạch thì chán. Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật”. Tánh Phật là cái sáng sẵn bên trong, như gương bản chất tự sáng sẵn, không phải đợi lau mới sáng. Như vậy hai cái thấy của ngài Huệ Năng và ngài Thần Tú cách xa muôn dặm. Một đằng thấy sự tướng bên ngoài, một đằng nhìn tận bản chất bên trong, thấu suốt được lý Phật tánh sẵn có tự thưở nào, không gì che phủ được. Đó là chúng ta lược qua câu chuyện trình kệ giữa ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng.

Vương lão chém mèo, lật trái lòng giữa thủ tọa; Thầy Hồ khua chó, trở xem trí nhẹ con giàng. Câu chuyện Vương lão chém mèo như sau: Một hôm Vương lão sư tức ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên thấy hai chúng ở Đông đường, Tây đường giành nhau một con mèo. Muốn xét coi trong chúng có người nào ngộ đạo không, Ngài mới bảo:

- Nói, nói. Nói được thì tha con mèo, nói không được thì chém con mèo.

Ai nầy ngẩn ngơ, không biết nói cái gì. Buộc lòng Ngài cầm dao chặt con mèo.

Ngài làm như vậy là vì ai? Người sau trách, Ngài tu mà còn phạm tội sát sanh. Tuy nhiên, trong nhà Phật phạm tội sát sanh là khi nào tâm mình nghĩ giết con vật để làm lợi cho mình hay cho người, tức là do ác ý mà hành động để cầu lợi. Ở đây không phải vì lợi lộc, mà vì muốn thấy trong chúng có ai ngộ đạo hay chưa. Nếu có người ngộ rồi, khi Ngài bảo nói nói, tự nhiên người ấy thốt ra một câu hoặc làm một hành động gì, liền cứu được con mèo. Nhưng vì không ai có khả năng đó, nên buộc lòng Ngài mới chém con mèo.

Sau đó Tùng Thảm tức là Triệu Châu ở ngoài đi vào, ngài Nam Tuyền thuật lại câu chuyện vừa qua và hỏi:

- Giả sử ngươi có mặt lúc đó, thì phải nói sao?

Triệu Châu liền cởi giày đội trên đầu đi ra. Ngài Nam Tuyền bảo:

- Giá khi nầy có ngươi ở đây thì cứu được con mèo.

Thiền sư Triệu Châu cởi giày đội lên đầu mà đi, ý muốn nói chỗ ấy không còn hai bên, không đối đãi, không ngôn ngữ làm sao mà nói. Do Ngài đã thấy tột lý đạo mới làm việc đó. Vì thế ngài Nam Tuyền nói “Giá khi nầy có ông ở đây thì đã cứu được con mèo”. Như vậy để thấy Ngài không có ác tâm muốn giết con mèo, nhưng vì chánh lệnh đã ra thì phải thi hành.

Lạt trảy lòng giữa thủ tọa. Vương lão sư chém mèo cốt để làm gì? Cốt để thấy được lòng Thủ tọa của Đông đường và Tây đường. “Lạt trảy” là dò xét, tức muốn dò xét lòng của những vị Thủ tọa như thế nào? Như vậy việc chém mèo không phải vì mèo, mà vì muốn thử lòng chư Tăng ở nhà Đông và nhà Tây.

Thầy Hồ khua chó, trở xem trí nhẹ con giàng. Thầy Hồ là ngài Tử Hồ, tức Thiền sư Lợi Tung ở núi Tử Hồ, đệ tử của ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên. Trước cửa Thiền viện, Ngài có dựng một tấm bảng đề rằng: “Tử Hồ có một con chó, trên cắn đầu, giữa cắn lưng, dưới cắn chân người. Ai do dự thì tan thân mất mạng.” Có vị tăng đến, Ngài liền nói: “Đây có con chó, hãy coi chừng.” Nếu vị tăng không biết nói gì, Ngài đuổi đi ra. Đó là thuật đặc biệt của ngài Tử Hồ, nên nói: Thầy Hồ khua chó. Chữ “khua” là xua đuổi hay là xuyết. Tử Hồ xuyết chó cho người ta giật mình, để làm gì?

Trở xem trí nhẹ con giàng. “Trở” là chỉ, “con giàng” là con cháu. Tức là chỉ để xem thử trí của con cháu nặng hay nhẹ, cao hay thấp. Vậy ngài Tử Hồ xua chó là để xem những người đến hỏi đạo trí được sâu hay cạn.

Chợ Lu Lãng gạo mắc quá ư, chẳng cho mà cả; Sở Thạch Đầu đá tron hết tác, khôn đến thưa đang. Đây là câu chuyện của Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên. Có vị tăng đến hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Ngài liền đáp:

- Gạo ở Lu Lãng giá bao nhiêu?

Tuy hỏi giá bao nhiêu nhưng không cho mặc cả, trả giá mắc rẻ. Câu hỏi này nhằm làm cho thiền khách bật đường suy nghĩ, chứ chẳng hỏi để tính toán giá gạo mắc rẻ.

Sở Thạch Đầu đá tron hết tác, khôn đến thưa đang. Chữ “sở” là chỗ nơi, “hết tác” là rất mực. Khôn đến thưa đang là khó đến thưa hỏi. Nghĩa là chỗ Thạch Đầu đá rất tron, khó đến thưa hỏi. Thạch Đầu là Thiền sư Hy Thiên ở Thạch Đầu. Nếu có người đến hỏi đạo, Ngài trả lời ít ai nhận hiểu được. Nên ở đây nói chỗ Thạch Đầu đá tron.

Nguyên ngài Đặng Ân Phong là đệ tử Mã Tổ Đạo Nhất, nghe nói ở Thạch Đầu có những cái kỳ đặc mới xin Mã Tổ đến Thạch Đầu tham vấn. Mã Tổ bảo:

- Đường Thạch Đầu tron.

Ân Phong liền thưa:

- Con có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa.

Tức gặp việc thì đùa chơi, không có gì quan trọng. Ân Phong đến Thạch Đầu đi nhiều giường thiên một vòng, chống tích trượng hỏi:

- Là tông chỉ gì?

Ngài Thạch Đầu bèn nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Ân Phong không đáp được, trở về trình Mã Tổ. Mã Tổ bảo:

- Người nên đi lại bên ấy, nếu Thạch Đầu nói “Trời xanh! Trời xanh!” thì người “Hu! Hu!”.

Ân Phong lại đi đến Thạch Đầu làm như trước. Thạch Đầu bèn “Hu! Hu!”. Ân Phong không đáp được, lại trở về trình Mã Tổ. Mã Tổ bảo:

- Ta đã nói với người “đường Thạch Đầu trơn”.

Đó là câu chuyện nói chỗ Thạch Đầu đá rất trơn, đến đó thừa hỏi không được.

Phá Táo cắt cờ, đập xuống dẫu thiêng thân miếu, Câu Chi dạy ngón, dùng đòi nếp cũ ông ang. Phá Táo cắt cờ là nói về ngài Phá Táo Đọa. Ngài là một Thiên sư thuộc hệ Nguưu Đầu, một hôm cùng vài đồ đệ đi ngang cái miếu ở núi Tung Sơn, thấy người ra vào miếu cúng kiến rất đông, mỗi người mang theo bò heo gà vịt để cúng cho thần miếu. Họ nói trong miếu có thờ ông thần táo rất linh thiêng, ai cầu điều gì cũng được. Ngài vào miếu thấy ông táo, tức cái bếp đắp bằng đất được thờ kính rất trọng. Ngài liền cầm cây gậy gõ vào ông táo nói:

- Đây là đất nước gió lửa hợp thành, linh thiêng từ đâu đến?

Xong Ngài đập một cái, ông táo bể nát rơi xuống. Cho nên người ta gọi Ngài là Phá Táo Đọa, tức là đập ông táo rơi. Còn nói *phá Táo* cắt cờ là vì trong miếu thờ thần táo có treo tràng phan bảo cái, bây giờ đập ông táo bể nát, cờ xí cũng dẹp hết không còn. *Đập xuống dẫu thiêng thân miếu*, nghĩa là đập xuống làm cho sự linh thiêng của ông thần táo ở miếu không còn nữa.

Khi đập ông táo rồi, Thiên sư đi ra, những người thờ kính thần táo nghĩ thế nào Ngài cũng bị thần quả học máu chết, nhưng không có chuyện gì xảy ra. Giây lát có một người mặc áo xanh đến trước mặt Ngài quì lạy và thưa:

- Con là thần táo, nhờ ơn Hòa thượng độ nên con hết nghiệp làm thần táo, được sanh về cõi trời. Con đến đây tạ ơn Hòa thượng.

Thần táo mê làm nên chấp cái bếp là mình. Cái bếp vốn do đất nhồi với nước đắp thành, hơi ấm là lửa, khoảng trống thông thoáng là gió, như vậy đủ bốn thứ đất nước gió lửa hợp thành. Vậy mà thần táo bám vào bếp đất cho là mình linh thiêng rồi tác oai tác phúc với thiên hạ. Nên Thiền sư chỉ cái bếp là không thật, đập một cái bẻ nát, lúc đó thần táo thức tỉnh không còn bám vào bếp đất nữa, liền hết nghiệp, sanh về cõi trời. Ông mang ơn ngài Phá Táo Đọa, người đã đánh thức mình, nên đến lễ tạ.

Câu Chi day ngón, dùng đòì nếp cũ ông ang. Thiền sư Câu Chi, mỗi khi có người đến hỏi đạo, dù hỏi câu gì, Ngài đều đưa ngón tay lên, “day ngón” là đưa ngón tay lên. Tại sao? Vì Ngài dùng theo nếp cũ của ông cha. “Ông ang” là ông cha. Bởi ngài Câu Chi là đệ tử của Thiền sư Thiên Long, trước kia khi đến hỏi đạo, Thiền sư Thiên Long đưa ngón tay lên, ngài Câu Chi ngộ đạo. Cho nên sau này ngài Câu Chi cũng sử dụng thuật đưa lên một ngón tay mỗi khi có ai đến hỏi đạo.

Lưỡi gươm Lâm Tế, nạng Bí Ma, trước nạp tăng no dầu tự tại; Sư tử ông Doan, trâu thầy Hựu, răn đàn việt hợm xá nghênh ngang. Tại sao gọi là “lưỡi gươm Lâm Tế”? Vì ngài Lâm Tế khi có ai đến hỏi đạo, bất cứ câu gì, Ngài đều hét lên một tiếng. Trong nhà thiền nói tiếng hét của Ngài như lưỡi gươm bén chặt đứt hết mọi cố chấp cho người. Ai không biết, khởi sanh giải hội thì tan thân mất mạng.

Nạng Bí Ma là nói về Thiền sư Thường Ngộ ở ngọn Bí Ma thuộc Ngũ Đài Sơn, chỗ ngài Văn Thù hàng phục rồng. Tục truyền rằng Bồ-tát Văn Thù hiện ra để hàng phục con rồng dữ, nên gọi chỗ đó là ngọn Bí Ma. Ngài Thường Ngộ thường chổng một cây nạng gỗ ở trên sườn, phía dưới có cháng hai. Mỗi khi Tăng đến lễ bái hỏi đạo, Ngài liền lấy nạng chặn trên cổ Tăng và bảo: “Ma quỷ nào dạy ông đi xuất gia. Ma quỷ nào dạy ông đi hành cước? Nói được cũng bị nạng đập chết, nói không được cũng bị nạng đập chết. Nói mau! Nói mau!” Ai đến hỏi đạo với Ngài cũng sợ cú đòn nguy hiểm này. Đó là thuật đặc biệt của ngài Bí Ma.

Trước nạp tăng no dầu tự tại. “Nạp tăng” là chỉ những vị Tăng mặc áo nạp đi hành cước. “No dầu tự tại” là mặc tình đầy đủ, tự tại. Ngài Lâm Tế sử dụng tiếng hét như lưỡi gươm bén, ngài Bí Ma dùng nạng để đè cổ nạp tăng, hai ngài rất tự do tự tại trong việc truyền bá, không có gì ràng buộc được.

Sư tử ông Doan, trâu thầy Hựu, răn đàn việt hợm xá nghênh ngang. *Sư tử ông Doan* là nói Thiền sư Tây Dư họ Doan ở An Cát Châu. Sư dùng chỉ màu đan thành lột sư tử, thỉnh thoảng khoác vào người. Sư đến Hoa

Đình, lên tòa nói: “Su tử Linh Sơn la thét trong mây, Phật pháp thật không thể suy lường được”, nên gọi là su tử ông Doan.

Thường thường trong nhà Phật lấy hình ảnh su tử tượng trưng cho chánh pháp. Vì xưa nay truyền rằng giữa rừng sâu, trong các loài thú su tử là chúa tể. Tất cả thú vật đều sợ oai phong của nó, kể cả voi to cũng phải khiếp vía mỗi khi nghe tiếng su tử rống. Do đó nhà Phật mượn hình ảnh su tử dụ cho chánh pháp để nói giáo lý của Phật đà là chân lý, không ai có thể bẻ gãy được. Tất cả tà pháp ngoại đạo gặp Phật pháp đều bị đổ vỡ, đều bị hàng phục.

Trâu thầy Hựu, tức là con trâu của Hòa thượng Linh Hựu ở Quy Sơn. Ngài Quy Sơn Linh Hựu khi sắp tịch có nói:

- Sau khi tịch, lão tăng sẽ sanh ở dưới chân núi làm con trâu, trên lưng có dòng chữ ‘Quy Sơn Tăng Linh Hựu’. Khi ấy các người gọi Quy Sơn Tăng Linh Hựu là đúng hay gọi con trâu là đúng?

Đây là điểm kỳ đặc của Ngài. Chúng ta lâu nay luôn thấy người vật cao thấp khác nhau. Nhưng chỗ chân thật cứu cánh không hai, người và muôn vật đều có Phật tánh bình đẳng. Khi nghe Thiền sư nói thế, nhiều người tưởng Ngài chết thành trâu thật, rồi theo đó phản đối việc tu hành, nhất là tu thiền. Đó là vì họ không hiểu thôi. Lời nói của ông Doan và của thầy Hựu cốt để *Răn đàn việt hượng xá nghênh ngang*, “hượng” là dùng tức là răn người Phật tử dùng, chớ nên nghênh ngang.

Đưa phiến tử, cắt trúc bẻ, nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẽn; Xô hòn cầu, cầm mộc thược, bặt thiền hòa chước móc khoe khoang. Đưa phiến tử là đưa cây quạt lên. Thiền sư Văn Yên ở Vân Môn một hôm thăng tòa, đưa cây quạt lên nói: “Cây quạt này nhảy lên cung trời Tam thập tam, đập vào mũi Đế Thích. Con cá lý ngư ở biển Đông bị đánh một gậy, mưa như cầm chính mà đổ, hiểu chăng?” Nói xong, Ngài hỏi: Các người hiểu chăng? Vậy chúng ta có hiểu hay không? Câu này giống như câu thần chú, không có gì để hiểu. Ngài nói một câu không biết đầu đuôi góc ngọn, chỉ cốt đưa cây quạt lên. Chúng ta lo đọc câu thần chú mà không hiểu việc đưa cây quạt lên, cho nên bị lời của các Thiền sư lừa là ở chỗ đó.

Cắt trúc bẻ là gior cây trúc bẻ lên, trúc bẻ là thiền trượng. Thiền sư Quy Tĩnh đến tham vấn với Thiền sư Tĩnh Niệm. Ngài Tĩnh Niệm đưa cây trúc bẻ lên hỏi:

- Gọi trúc bẻ thì phạm, không gọi trúc bẻ thì sai, thế thì gọi là cái gì?

Quy Tĩnh giựt cây trúc bẻ ném xuống đất nói:

- Là cái gì?

Ngài Tinh Niệm bảo:

- Mù.

Quy Tinh liền ngộ.

Hai cách: Một bên đưa cây quạt lên nói một câu giống như đọc thần chú, một bên đưa trúc bễ lên bảo: Nói trúc bễ thì phạm, không nói trúc bễ thì sai, vậy nói cái gì? Đây chỉ cốt đưa người đến chỗ bí, gặp người gan dạ thì phải làm gì? Mục đích của Thiền sư là *nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẽn*. Các ngài muốn nghiệm xem cơ quan người học đã nhẹ sạch chưa, tức là đối với sáu căn người học đã nhẹ, đã thông suốt hay chưa? Nếu ngay đó liền ngộ tức là đã nhẹ, đã thông suốt rồi.

Xô hòn cầu, cầm mộc thược, bạn thiền hòa chước móc khoe khoang. Xô hòn cầu, đây là trường hợp của Huyền Sa Sư Bị hỏi ngài Tuyết Phong Nghĩa Tồn:

- Hiện nay trong đại chúng, Hòa thượng phải làm sao?

Ngài Tuyết Phong lấy ba trái cầu gỗ đồng thời ném ra, Huyền Sa làm thế chụp. Ngài Tuyết Phong bảo:

- Người hiện ở hội Linh Sơn mới được như vậy.

Đó là lời khen ngài Huyền Sa: Ông có mặt ở hội Linh Sơn nên mới làm được việc này.

Trong nhà thiền có những thuật kỳ đặc như vậy.

Cầm mộc thược. Mộc thược là cái duộc gỗ, giống như cái gáo. Chưa tìm ra sự tích của câu chuyện này.

Bạn thiền hòa chước móc khoe khoang. Bạn thiền hòa là những người bạn trong nhà thiền, chước móc là mưu mẹo. Tức là hai vị xô hòn cầu, cầm mộc thược dùng mưu mẹo để khoe khoang.

Thuyền Tử rà chèo, dòng xanh chứa cho tịn tầy; Đạo Ngô mùa hốt, càn ma đường thấy quái quàng. Thuyền Tử rà chèo, Thuyền Tử là Thiền sư Đức Thành đưa đò ở bến Hoa Đình, còn gọi là Hoa Đình Thuyền Tử, là đệ tử của ngài Dược Sơn, được thầy truyền tâm ấn, là bạn đồng học với Vân Nham Đàm Thanh và Đạo Ngô Viên Trí. Ngài không chịu đi giáo hóa, thích nơi sơn thủy nên thơ, đến bến Hoa Đình sắm một chiếc thuyền nhỏ đưa đò qua lại, tùy duyên độ nhật. Trước khi đi Ngài có dặn Đạo Ngô:

- Sau này sư huynh thấy có người nào lanh lợi kỳ đặc, giới thiệu đến với tôi.

Một hôm, Đạo Ngô đến chỗ Thiện Hội đang lúc đang đàn thuyết pháp. Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp thân?

Thiện Hội đáp:

- Pháp thân không tướng.

Hỏi:

- Thế nào là pháp nhãn?

Đáp:

- Pháp nhãn không vết.

Đạo Ngô chợt phát cười.

Sau buổi giảng Thiện Hội thưa:

- Vừa rồi tôi có đáp câu hỏi của Tăng, có chỗ nào sai trái xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đạo Ngô bảo:

- Nếu nói về hiểu Phật pháp, Thầy là bậc nhất, còn yếu chỉ xuất thế thì chưa có Thầy.

Tức là về ngộ thiền thì chưa được. Thiện Hội thưa:

- Vậy tôi phải làm sao, mong Hòa thượng chỉ dạy.

Đạo Ngô bảo:

- Tôi không nói, tôi giới thiệu ông đến chỗ Hoa Đình Thuyền Tử, ông ấy sẽ chỉ cho ông.

Thiện Hội giải tán chúng, đi thẳng đến chỗ Hoa Đình.

Thuyền Tử bảo:

- Thả ngàn thước tơ ý ở đầm sâu, lìa lưỡi câu ba tấc, nói mau, nói mau!

Khi Thiện Hội vừa mở miệng, bị Thuyền Tử đánh một chèo té xuống nước. Thiện Hội mới leo lên thuyền, Sư lại thúc:

- Nói! Nói!

Thiện Hội vừa mở miệng, lại bị Sư đánh. Thiện Hội hoát nhiên đại ngộ. Thuyền Tử Đức Thành dùng phương tiện đánh Thiện Hội té xuống nước, nhân đó Thiện Hội được ngộ.

Câu chuyện Thuyền Tử rà chèo tức là Hoa Đình Thuyền Tử chèo đò để được thông thả vui thích trên sông nước, nhưng *dòng xanh chứa cho tịn tấy*. Tịn là tận, là sạch, tịn tấy là rửa sạch. Tuy Thuyền Tử muốn thông thả vui sống trên giong sông Hoa Đình, nhưng còn nợ phải độ người đệ tử là Thiên Hội.

Đạo Ngô múa hốt, càn ma dường thấy quái quàng. Đạo Ngô tức là Thiền sư Viên Trí, mỗi khi lên tòa thuyết pháp, đầu đội mũ hoa sen, vai vác cây kiếm, tay cầm cái hốt múa.

Rồng Yển lão nuốt càn khôn, ta xem chín lệ; Rắn ông Tôn ngang thế giới, người thấy ắt giang (giương). Thiền sư Vân Môn Văn Yển đưa cây gậy lên bảo chúng: “Cây gậy hóa rồng nuốt hết càn khôn, thì sơn hà đại địa ở chỗ nào?” Nay chúng ta chỉ chỗ nào, nói thẳng một câu xem! Tôi chờ chư huynh đệ hoá rồng rồi hãy nói. Ta xem chín lệ, nghĩa là chúng ta xem chỉ sợ thôi, chứ không nói gì được.

Rắn ông Tôn ngang thế giới, người thấy ắt giang (giương). Thiền sư Nghĩa Tôn ở Tuyết Phong thượng đường nói: - Núi Nam có một con rắn to, hết thầy các ông đều phải khéo xem.

Trường Khánh bước ra thưa:

- Hôm nay trong nhà này có người tan thân mất mạng.

Vân Môn lấy cây gậy ném trước Tuyết Phong, rồi ra bộ sợ chứ không nói gì.

Người thấy ắt giang, chữ giang là giương, tức là đồn đại. Người thấy ắt sẽ đồn đại rùm lên.

Cây bách là lòng, thác ra trước phải phương Thái Bạch; Bính Đinh thuộc hỏa, lại trở sau lối hướng Thiên Cang. Cây bách là lòng, Triệu Châu Tùng Thẩm khi có người tới hỏi: - Thế nào là Phật? Ngài liền chỉ: - Cây bách trước sân. *Thác ra trước phải phương Thái Bạch.* Thác là làm, phương Thái Bạch là chỉ phương Đông. Khi người hỏi: Thế nào là Phật, Triệu Châu chỉ cây bách trước sân là cốt chỉ tâm, chỉ cái hay thấy của mình. Nhưng người hỏi không nhận ra cái ấy lại lo nhìn cây bách nên nói làm, tức Thiền sư nói đằng Tây mà người hỏi hiểu đằng Đông.

Bính Đinh thuộc hỏa. Nguyên có sự tích như sau: Thiền sư Tắc làm Giám viện, gọi là Giám viện Tắc, ở trong hội Pháp Nhãn đã lâu, mà không thưa hỏi. Pháp Nhãn hỏi:

- Giám viện Tắc sao không vào thất?

Sư thưa:

- Con ở chỗ Thanh Lâm đã có chỗ thâm nhập.

Pháp Nhãn bảo:

- Ông thử vì ta cứ xem.

Sư thưa:

- Con hỏi: Thế nào là Phật? Thanh Lâm đáp: Đồng tử Bính Đinh đến xin lửa.

Pháp Nhãn bảo:

- Lời khéo, ngại ông hiểu lầm, nên nói lại xem.

Sư thưa:

- Bính Đinh thuộc về lửa, đem lửa đi xin lửa, như con là Phật lại đi tìm Phật.

Pháp Nhãn bảo:

- Giám viện quả nhiên hiểu lầm rồi.

Tắc bỏ đi, thời gian sau trở lại. Pháp Nhãn bảo:

- Ông hỏi ta, ta sẽ vì ông đáp.

Tắc hỏi:

- Thế nào là Phật?

Pháp Nhãn đáp:

- Đồng tử Bính Đinh đến xin lửa.

Tắc đại ngộ.

Bính Đinh thuộc về lửa mà mình không nhận ra, lại đi tìm ở đâu, cho nên *lại trở sau lối hướng Thiên Cang*. Thiên Cang là hướng Bắc. Nghĩa là người ta nói phương Nam, mình lại tìm ở phương Bắc, vì vậy không hiểu được ý nghĩa của Bính Đinh.

Trà Triệu lão, bánh Thiều Dương, bầy thiên tử hầy còn đói khát; Ruộng Tào Khê, vườn Thiều Thất, chúng nạp tặng những đồ lưu hoang. Trà Triệu lão là trà của Triệu Châu. Khi có khách đến, Ngài hỏi:

- Tùng đến đây chưa?

Khách thưa:

- Tùng đến.

Ngài bảo:

- Uống trà đi!

Lại có người đến, Ngài cũng hỏi:

- Từng đến đây chưa?

Thưa:

- Chưa từng đến.

Ngài cũng mời:

- Uống trà đi!

Tri sự lấy làm lạ, mới hỏi:

- Người đã từng đến Hòa thượng mời uống trà, người chưa từng đến Hòa thượng cũng mời uống trà, là tại sao?

Ngài gọi:

- Tri sự.

Tri sự:

- Dạ!

Ngài bảo:

- Uống trà đi!

Cho nên gọi là trà Triệu lão, vì gặp ai Ngài cũng mời uống trà.

Bánh Thiều Dương là bánh của Vân Môn. Mỗi khi có ai đến, Ngài thường đưa cái bánh lên mời ăn.

Triệu Châu mời uống trà, Vân Môn mời ăn bánh, nên gọi là trà Triệu lão, *bánh Thiều Dương*. *Bây thiên tử hỷ còn đói khát*, tức là những người đi học thiên tuy được mời uống trà, được cho ăn bánh mà vẫn còn đói khát.

Ruộng Tào Khê, vườn Thiều Thất, chúng nạp tặng những để lưu hoang. Ở Tào Khê chỗ của Lục Tổ Huệ Năng có ruộng nhiều, ở Thiều Thất chỗ của Tổ Đạt Ma có vườn lớn, thế mà chúng nạp tặng, tức là những thầy tu thiên vẫn còn để nó hoang phế, chưa biết chăm sóc gì cả.

Tóm lại, hai câu này muốn nói: Triệu Châu đãi trà, Thiều Dương mời bánh, mà chúng ta vẫn đói khát. Tào Khê có ruộng, Thiều Thất có vườn, mà chúng ta lại bỏ hoang. Chư Tổ trước kia đã đem hết tâm tư chỉ dạy, thế mà chúng ta vẫn lơ là để đến nỗi thiên phải bị lu mờ, đó là lỗi nơi chúng ta.

Gieo bó củi, nẩy bông đèn, nhân mang mới nát; Lộc đào hoa, nghe tiếng trúc, mặc vẻ mà sang. Gieo bó củi là câu chuyện Thiền sư Tuyết Phong lúc còn đi tham vấn, đến Động Sơn, Động Sơn bảo:

- Vào cửa phải có lời nói.

Sư đáp:

- Con không có miệng.

Động Sơn bảo:

- Không có miệng phải hoàn con mắt cho ta.

Sư im lặng, gieo bó củi trước Động Sơn. Động Sơn hỏi:

- Nặng nhiều ít?

Sư thưa:

- Người cả thiên hạ nâng không nổi.

Đó là sự tích *gieo bó củi* của Tuyết Phong đến hỏi đạo với Động Sơn. Còn sự tích *nẩy bông đèn* chưa tìm ra. Gieo bó củi, nẩy bông đèn, mục đích để làm gì? *Nhân mang mới nát*, đây là nói về thiền, do sự ôm áp trong lòng lâu ngày, hôm nào chợt vỡ ra mới nát khỏi nghi.

Lộc đào hoa, nghe tiếng trúc, mặc vẻ mà sang. Linh Vân là đệ tử của Tổ Quy Sơn nhìn thấy hoa đào nở liền ngộ. Hương Nghiêm nghe tiếng vang của hòn sỏi chạm vào cành trúc liền xong. Cho nên *mặc vẻ mà sang*. Một người thấy hoa đào nở, một người nghe tiếng trúc vang đều ngộ nên thảnh thơi mà tươi sáng.

Như vậy trong hội thứ chín này, Sơ Tổ Trúc Lâm dẫn nhiều sự tích của các thiền sư. Tất cả hình ảnh này nói lên mỗi thiền sư có một lối chỉ dạy khác nhau, nhưng mục đích cứu cánh không khác. Cốt làm cho hành giả nhận ra tâm chân thật, mà không cho chúng ta dựa vào bất cứ phương tiện nào suy nghĩ phân biệt. Do đó ở đây hành giả chỉ tu mới đạt được kết quả chứ không thể học hiểu suông và dùng thức tình mà suy lường chỗ cứu cánh ấy được.

Học hội thứ chín này rồi, chúng ta đều phải nhớ phát tâm tu, chớ chán chờ qua đi cơ hội tốt. Chuyên tâm chuyên tu cho tới ngày viên mãn, không có nghi ngờ gì. Người tu không khéo sẽ loay hoay không có lối thoát cũng như người đời. Điểm này người tu chúng ta phải quan tâm, ai mê tâm không làm chủ được thì vương mắc. Không luận là đệ tử Phật, xuất gia hay tại gia gì, mê không làm chủ được thì vương mắc.

Chúng ta phải tu như thế nào để mình làm chủ được, phải hành đạo như thế nào để giữ vững được lý đạo, giữ được giềng mối của đạo, làm lợi lạc cho chính mình cũng như cho tất cả chúng sanh. Đó chính là chủ ý mà Tổ sư muốn truyền dạy lại cho chúng ta.

---o0o---

HỘI THỨ MƯỜI

Tượng chúng ấy,

Cốc một chân không;

Dùng đòi căn khí.

Nhân lòng ta vương chấp khôn thông;

Há cơ Tổ nay còn thừa bí.

Chúng Tiểu thừa cốc hay chữa đến, Bụt xá ngăn bảo sở hóa
thành;

Đấng Thượng sĩ chứng thực mà nên, ai ghê có sơn lâm thành
thị.

Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao;

Chiền vắng am thanh, chín thực cảnh đạo nhân du hí.

Ngựa cao tán cả, Diêm vương nào kể đũa nghênh ngang;

Gác ngọc lâu vàng, ngục tốt thiếu chi người yêu quý.

Chuộng công danh, lòng nhân ngã, thực ấy phạm ngu;

Say đạo đức, dòi thân tâm, định nên thánh trí.

Mày ngang mũi dọc, tướng tuy lạ xem ắt bằng nhau;

Mặt thánh lòng phạm, thực cách nhãn vãn vãn thiên lý.

Kệ rằng:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.

Gia trung hữu bảo hru tâm mịch,

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.

Dịch thơ:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,

*Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Chú thích:

- Tượng chúng: Đại chúng, ở đây chỉ những người tu thiền.
- Há cơ Tổ nay còn thừa bí: Đâu phải chư Tổ ngày nay còn giấu bí mật.
- Xá: Đâu
- Ghê: Ngăn chia.
- Lòng nhân ngã: Nhân ngã cao lỏng lộng.
- Dời thân tâm: Chuyển thân tâm.
- Bã nhau: Bã nhau.

GIẢNG:

Hội thứ mười này có mấy ý chúng ta cần nêu lên và đặc biệt nhấn mạnh đến bốn câu kệ kết thúc bài phú bằng văn Hán. Bốn câu kệ này rất đặc biệt được Hòa thượng Viện trưởng lấy làm kim chỉ nam cho Tăng Ni các thiền viện tu tập.

Ý trước nhất: Đại chúng nên biết chân không chỉ có một nhưng vì căn khí mỗi chúng sanh khác nhau nên phương tiện có nhiều thứ sai biệt. Thể chân không tuy một nhưng tùy căn khí chúng sanh nên pháp có vô lượng. Tuy vô lượng nhưng tất cả đều là phương tiện lập bày chớ gốc không có nhiều thứ. Ý thứ nhất Tổ nêu ra như vậy là mở một con đường rõ ràng cho chúng ta tu.

Tu như thế nào? Chúng ta nhận được cái gốc, sống được với cái gốc đó là đủ rồi. Còn tùy theo duyên cảnh, đó là hiện tượng bên ngoài, nó không thật. Ai biết rõ các pháp có hình tướng bên ngoài không thật, người đó không còn vướng mắc với cảnh duyên nữa. Dù cho ở giữa chốn ồn náo, bao nhiêu việc bận rộn nhưng người đã nhận được tính thể, nhận được gốc của mình rồi, thì tự tại đối với cảnh duyên. Người đó không bị mắc mưu, không chạy theo và cũng không còn làm bất cứ một hiện tượng nào bên ngoài. Được như vậy gọi là người sống với thể chân không, với tâm chân thật của mình.

Tổ dạy thì nhiều nhưng nếu nhận ra một ý nhỏ như thế thôi ta cũng đủ tu rồi, phải không? Nói đủ là vì ta không còn ngược xuôi bởi những cảnh duyên bên ngoài, bởi pháp trần sanh diệt bên trong. Người nhận được cái gốc

rồi thì tất cả những thứ đó không còn tác dụng gì. Mặc nó! Nó hiện ra bao nhiêu thì hiện: xanh, đỏ, trắng, vàng, rộn rịp lằng xằng ..., cứ thấy biết rõ ràng, tự tại giữa nó. Không chạy trốn, không đóng bít các giác quan của mình, và không hề có niệm gì về những thứ đó. Sở dĩ ta buông được các hình sắc ấy là do không làm nên không dính mắc, nó không thể tác động đến mình được. Do vậy mình không mắc mứu.

Tiến sâu hơn chút nữa là tâm cảnh nhất như. Tức tâm rỗng rang sáng suốt, cảnh hiện bày như thế nào đó là chuyện của thiên sai vạn biệt bên ngoài không dính dáng gì tới tâm, nhưng cũng không qua được mắt tâm. Nhận được rõ ràng như vậy ta sẽ an nhiên tự tại. Ngày nào huynh đệ nhận và sống được thế ấy thì dù cả ngày bận rộn, không có thì giờ tu niệm nhưng vẫn là người giác ngộ giải thoát như thường. Trái lại, dù chúng ta ở non cao, rừng sâu hay một mình trong thất vắng, mà lòng rộn rịp, còn những tư tưởng vớ vẩn, không dừng, không buông được những lằng xằng trong tâm thì vẫn xem như bị cột trời trong trần lao phiền não, không thể gọi sống trong chốn thanh vắng. Tu thiền là người gậy dựng lại thể chủ động của mình, gậy dựng từ trí tuệ chân thật có sẵn từ muôn đời.

Nói đến chỗ tu hành, chúng ta xuất gia thì phải đầu tròn áo vuông, ăn chay, ngồi thiền, tụng kinh, tất cả những việc này để làm thành cái gọi là tu. Nó là phương tiện chứ không phải mục đích cứu cánh. Nhưng nhờ phương tiện này hỗ trợ, chúng ta mới có cơ hội nhận lại cái chân thật cứu cánh. Nhận được cái thật rồi mới không dùng phương tiện nữa, không bị cột trời bởi phương tiện cũng như các cảnh duyên khác. Cho nên phải hiểu phương tiện rất cần đối với người chưa đến nơi, nhưng nó không thật. Chúng ta dùng nó và biết rõ nó không phải gốc, dùng để làm thành việc chính của mình là tu, cho đến khi nào tự tại đối với các pháp.

Một khi chúng ta đã biết rõ cái nào là phương tiện, cái nào là thật rồi thì chuyện mất còn, những va chạm góc cạnh không còn là vấn đề nữa. Bởi vì khi đối duyên xúc cảnh ta không còn bị làm lụy với những thứ được, mất, vui, buồn, công kênh, hoặc bị hủy nhục... Tất cả giàn trải trong cuộc đời, trước mắt ta như một trò ảo hóa. Ai nhận và sống được như vậy thì ở giữa cuộc đời này là người tự tại, người đạt đạo đúng như Sơ Tổ Trúc Lâm đã dạy.

Cho nên lúc còn ở ngôi Thái thượng hoàng mà Ngài vẫn vui được với đạo. Bởi vì Ngài đã tự tại với tất cả các cảnh duyên, không bị mắc mứu, không chạy theo, không làm tất cả các cảnh duyên ấy. Đó là tinh thần thiền. Huynh đệ nắm vững tinh thần này thì sinh hoạt rất vui vẻ. Giờ ăn ta ăn, giờ ngủ ta ngủ, trong lòng không tính toán muôn phiền, không lằng xằng vương

mắc. Nuôi dưỡng thân này không có nghĩa là nuôi dưỡng tứ đại sở thân, mà để hoàn thành việc tu, để phát huy trí tuệ viên mãn. Gây dựng cuộc sống bằng trí tuệ thì cuộc sống mới xoay đúng với chiều tu hành. Dù chúng ta chưa đạt đạo, thành Phật, thành Tổ gì hết nhưng ta sống vui. Thế cũng hay quá, phải không?

Điểm thứ hai là, nhân lòng ta còn mắc mứu không thông chứ không phải Phật, Tổ giấu giếm không chỉ dạy hết cho mình. Phật, Tổ chẳng những đã chỉ dạy mà còn chỉ dạy một cách cặn kẽ cho chúng ta nữa là khác. Sở dĩ còn vướng mắc là do ta chớ không phải do Phật, Tổ. Cho nên nói bảo sở hóa thành là những phương tiện đối với người tu hành. Đối với người đã thông, đã xong rồi thì không phải nói bảo sở hóa thành chi hết. Người qua cửa được rồi, đâu cần phải hỏi người gác cửa làm gì. Tới cổng thấy người gác cổng còn hỏi tức chưa qua được cổng. Kẻ qua được rồi cứ phát tay áo mà đi.

Cũng vậy, chúng ta chưa qua được cổng nên mỗi ngày đêm có thời khóa phải tụng kinh, tọa thiền, học pháp. Mỗi mỗi có thời khóa biểu rõ ràng, cụ thể. Thời khóa như thế để làm gì? Để hướng dẫn sinh hoạt của chúng ta từng phần từng việc không cho sai lệch. Sai lệch thì rơi trong ba đường dữ, trầm luân muôn kiếp, nói gì sống được với tánh giác thanh tịnh. Do vậy huynh đệ cố gắng khép mình trong Thanh quy, giờ nào việc ấy, luôn luôn tỉnh táo sáng suốt, không thể tùy hứng buông lung, ung làm gì thì làm. Như vậy là nguy.

Trong lời kết của bài phú Ngài nói: *Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền*. Chúng ta nghe câu này khoái quá, nhưng đói ăn mệt ngủ đây là Ngài nói với người đã làm chủ, đã sống đạo, đã tự tại. Chúng ta chưa được thế, trong tâm còn nhiều tư tưởng lăng xăng điên đảo nên tới giờ ăn không ăn, tới giờ nghỉ không nghỉ, toan tính mắc mứu việc nọ việc kia. Anh em tu mà chúng tôi phải lẻo đẻo theo sau kiểm soát đủ thứ, như vậy vừa mệt cho anh em mà cũng mệt cho quý thầy quá, phải không? Đó là vì chúng ta chưa tự tại nên phải lập bày phương tiện, bắt buộc khép mình đi vào nề nếp. Nhờ thiện hữu tri thức nắm dây cương giựt dây giảm để kèm hãm bớt con trâu hoang của mình đang còn hung hăng đây.

Chỉ có một yêu cầu là chúng ta nắm bắt cho kịp, phát hiện cho kịp những dây niệm của mình cũng đã là giỏi lắm rồi. Đó là chương trình nhỏ nhất, chương trình bỏ túi mà chúng ta phải sử dụng liên tục. Bởi nó là chiếc chìa khóa khai tâm, không thể nào bỏ rơi được. Giống như ta ở trong cái thất chỉ có một cửa ra vào và cũng chỉ có một chiếc chìa khóa thôi. Nên chiếc chìa khóa duy nhất này mà thất lạc thì không mở cửa vào thất được. Kiểm soát những dây niệm chính là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa chân thật.

Niệm ở đâu, dấy lúc nào, chúng ta đủ sức tỉnh, yên lắng sáng suốt liên tục, nó vừa mạnh nha mình biết ngay thì sẽ không bị nó kéo lôi. Chuyện này khó chứ không phải đơn giản, nhưng có quyết tâm sẽ làm được.

Phương pháp tu hành bắt đầu từ những niệm nhỏ như vậy. Nhưng nếu chúng ta không làm chủ được thì sẽ thành lớn chuyện, sẽ sanh ra cả tam thiên đại thiên thế giới với vô số phiền não trần lao, chứ chẳng chơi! Từng dấy niệm đó ta không làm chủ được thì đừng nói chuyện thiền định, trí tuệ chi cả. Đây là phần thực hành cụ thể, đề nghị chư huynh đệ phải bắt tay vào việc, chứ không thể nói suông được. Nó rất nhẹ, rất nhỏ, rất bình thường, nhưng có khi năm ba tháng, hàng năm trời hoặc cả đời ta chưa khổng chế được nó. Khổng chế là một cách nói, thật ra chỉ là chưa khỏi bị nó gạt mà thôi.

Người khéo tu là người sử dụng trí tuệ một cách nhạy bén. Trí tuệ ở đây là trí tuệ Bát-nhã chứ không phải trí tuệ thế gian. Một khi trí tuệ Bát-nhã chiếu soi được rồi thì tất cả tan biến hết, không còn niệm nào bám ở đó để kéo lôi mình đi đâu. Bình nhật không sử dụng trí tuệ Bát-nhã thì gặp việc là chúng ta bị việc dẫn, nó cấu xé tan nát, không sống được với tánh giác của mình. Thế thì làm sao an ổn được? Ứng dụng này rất đơn giản. Ví dụ nghe người ta nói chuyện đằng kia, ta biết đằng kia có người nói chuyện, vậy thôi; còn nói chuyện gì, không phải là việc của mình. Nghe xe chạy biết xe chạy, xe gì thì kệ nó, không liên can tới ta.

Huynh đệ nghiệm lại thấy pháp tu này thật ra không phải khó, nhưng vì nó nhẹ quá nhỏ quá, mà ta thì quen thô động rồi nên không bắt kịp với cái vi tế hiện tiền này. Làm chủ được mình thì anh em ngon lành giống như một kiếm sĩ lúc nào cũng mang kiếm sáng ngời, hiên ngang trong trời đất không ai dám động địa tới. Chúng ta bây giờ cũng mang kiếm nhưng mà kiếm gỗ, gặp giặc rút ra không kịp, cũng không biết rút chỗ nào nữa, thành thử nhìn bề ngoài coi dữ dần vậy, mà dụng tới là quy liền. Khổ đế!

Kinh điển Phật giáo đều nói về chỗ chân thật sẵn có nơi mỗi chúng ta. Như kinh Pháp Hoa nói chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên là khai thị cho chúng sanh nhận ra Phật Tri Kiến và nhập được Tri Kiến Phật đó. Kinh Hoa Nghiêm nói, lúc vừa thành đạo đức Thế Tôn nhìn khắp chúng sanh với ánh mắt từ bi mà thốt lên lời này: “Lạ thay! Mọi loài đều có trí tuệ đức tướng Như Lai mà ngu mê tạo nghiệp để rồi bị nghiệp dẫn đi trong trầm luân sanh tử...”. Kinh nào cũng chỉ thẳng cái đó, nhưng vì chúng ta còn lu bu quá nên chưa nhận được của báu trong nhà. Bởi chưa nhận được nên còn trôi lăn. Nói hóa thành bảo sở chỉ là phương tiện đối với người tu chưa đến nơi, chớ đối với các bậc thượng sĩ đã liễu tri rồi thì không còn ngăn chia như thế.

Chúng ta vào thiền viện phải học kinh, tọa thiền cũng vì chưa sáng được việc mình. Nếu lúc nào cũng tự tại đi, đứng, nằm, ngồi, tiếp khách, làm gì cũng thiền, thì đâu ai bắt ta ngồi thiền làm chi nữa. Sở dĩ còn ngồi là vì ba nghiệp còn thô, còn bị cảnh duyên bên ngoài kéo lôi nên phải sám hối sáu căn, phải nói lỗi của mình để buông bỏ, ngăn ngừa không cho tái phạm nữa. Người chưa được mà nói đã được là gây rối. Giống như đường ray xe lửa bị hỏng thì xe lửa lật. Con tàu một khi chạy trật ra ngoài là lật hết cả đám chớ đâu phải ít, tai họa ghê gớm. Cũng vậy, anh nào làm trở ngại con tàu, làm hỏng đường ray thì cả con tàu đi xuống hố, nguy hiểm không? Nguy hiểm chứ! Cho nên chúng ta sống trong khuôn khổ, có phạm vi giới hạn đàng hoàng.

Nói thế để làm gì? Để chúng ta xét lại từng tâm niệm của mình, việc tu hành hàng ngày phải biết, phải tỉnh. Những nghiệp thô, cố gắng chuyển hóa cho cạn mỏng dần, đừng để ảnh hưởng đến người chung quanh. Khi huynh đệ đã thuần rồi thì không có chuyện chạy rần rần trong đạo tràng, không có chuyện lớn tiếng cãi cọ nhau trong tăng đường hay tại nơi làm việc. Tự tại có nghĩa là sống thuận duyên với đại chúng, không chống trái hay phiền não, chớ không phải tự tại là sống tự tung tự tác theo tập khí, theo nghiệp riêng của mình, phá hết môn quy phép tắc của Thiền viện. Huynh đệ nhớ cho như vậy.

Chúng ta có công phu đặc lực thì dần dần sẽ thâm nhập, sẽ vào được chỗ chân thật. Ví dụ đứng trước một cây kiểng hư, hai vị cùng muốn sửa lại cho đẹp. Một anh nói nên cắt, một anh nói nên cuốc. Nếu mê hai anh sẽ cãi nhau, một hồi anh muốn cắt cũng không cắt được, anh muốn cuốc cũng cuốc hết nổi. Nhưng nếu có sự tỉnh giác, cả hai đều biết cây kiểng không thật, tùy duyên mình có thể để anh bạn cuốc trước rồi ta cắt sau hoặc ngược lại. Thế là yên. Vui vẻ. Tùy duyên là thế, chớ không phải bữa nay tôi ra làm, một trăm người phải theo tôi cuốc hết, không ai có quyền làm khác.

Trong đạo mình có cái hay là “trung đạo”. Trung đạo nghĩa là không mắc bên này không vướng bên kia. Ví dụ lên tụng kinh, vị nào xưng giọng thấp quá “Nám mô Phật Bôn sừ...”, huynh đệ tụng không nổi thì anh em ráng kéo lên một chút. Hoặc vị nào lên dây bắt tử “Nám mô Phật Bôn sừ...”, thiền hạ theo không nổi thì mình phải dung hòa kéo xuống lại. Huynh đệ thấy vướng một bên bao giờ cũng dở, chỉ có chiết trung vừa phải là hay nhất. Sống trong đại chúng, đừng làm gì khác người ta hết. Cho nên thiền viện lấy Lục hòa làm tiêu chuẩn sống của chư tăng, đúng như ý Phật dạy. Trong điều sống tu hành, chúng ta còn vướng mắc là tại mình nên phải ráng lên, không đổ thừa cho ai cũng không trông chờ ai tu giùm hết.

Điểm thứ ba Tổ dạy: Người dốc chí tu hành thích ở những nơi vắng vẻ, lánh xa nhân ngã, công danh ở đời, trau dồi đạo đức chuyển hóa thân tâm, thành tựu Thánh trí. Nếu không như thế thì Diêm vương chẳng vị tình, dù kẻ ấy lúc sanh tiền ngồi ngựa cao đi tán cả hay ở lầu vàng điện ngọc, chết xuống ấy cũng bị bọn ngục tốt hành hạ mà thôi.

Lý tưởng của chúng ta là tu hành để thành Phật, nên những gì vướng mắc kéo lôi ta rơi vào con đường thế gian mình không theo. Kẻ thật tâm tu hành luôn tránh xa nơi ồn náo, lánh xa công danh địa vị ở đời, lánh xa nhân ngã thị phi. Sống an ổn, giải thoát là mục đích nhắm đến của người tu. Cho nên cần phải trau dồi đạo đức.

Tu mà còn tham đắm, mắc mưu việc thế gian thì đâu thể gọi là người tu được! Tổ bảo dù hiện tại người nào được quý trọng đi bằng xe ngựa, ở cung điện ngọc ngà... những thứ đó không đổi được Diêm vương. Nếu đạo đức không tròn, tu không thành đạo thì mai kia đối diện với quỷ sứ, bọn ấy nói chuyện với tội nhân bằng chày sắt cối sắt hoặc chảo dầu sôi, vòng lửa dữ mà thôi. Người tu hành không thanh tịnh, mắc nợ đàn na tín thí thì phải bị đòi. Đòi không có gì trả thì bị hành chớ sao. Chuyện đó rõ ràng vậy. Bây giờ muốn không gặp quỷ sứ thì dứt khoát phải đạt đạo, nói tu là phải tu cho tới nơi tới chốn. Các thiền sư nói: “Ông muốn làm chủ được đêm ba mươi, muốn tự tại đi trước mặt Diêm vương quỷ sứ, không ai dám động tới ông thì ngay bây giờ ông phải xong việc cái đã. Đợi đến lúc nguỵ đầu ngục tốt lôi ông xuống dưới âm phủ thì chỉ có bị đâm bị xé thôi, còn nói năng gì kịp nữa!”

Chúng ta là người trọng phụ, là người có trí tuệ nói sửa là phải sửa, nói hành đạo là phải hành đạo. Như vậy mới đủ tư cách đối diện với lũ đầu trâu mặt ngựa một cách tự tại. Muốn được thế bây giờ phải lo trước. Ở đây Tổ cảnh báo với chúng ta: “Nếu không như thế Diêm vương chẳng vị tình, dù kẻ ấy lúc sanh tiền ngồi ngựa cao, đi tán cả, hay ở lầu vàng điện ngọc, chết xuống đó chỉ có bọn ngục tốt yêu quý bằng cách là hành hạ mà thôi.” Trên trần gian quý vị là hạng nào không biết, nhưng xuống dưới địa ngục thì bọn ngục tốt yêu quý bằng cách hành hạ, càng yêu quý càng hành hạ nhiều hơn. Ngài Tuyết Phong nói: “Diêm vương không sợ áo mão kim đai của ông, quỷ sứ không nhận đồ đứt lót của ông”. Nghe thế huynh đệ hãy nên phân phát lên, đừng bỏ phí thời gian, vô thường không biết trước, đừng để chúng ta phải khổ lụy về sau, cứu không thể kịp.

Quý vị thấy, như Hòa thượng Ân sư tới tuổi này, được mọi người kính trọng như vậy mà Ngài còn nói: “Tôi bây giờ phải lo việc của tôi.” Một lời nói chân thật, “phải lo việc của tôi”. Chư huynh đệ chúng ta cũng phải học

theo gương của Ngài, lo việc của mình. Phải học đạo, hành đạo, hằng sống được với đạo. Đây không phải chuyện nói là xong hoặc có thể làm trong một ngày một bữa, mà phải bền bỉ hành trì liên tục. Chúng ta bỏ quá nhiều thời gian để lo chuyện của thiên hạ, còn chuyện của mình lại chẳng biết gì! Điều này chúng ta phải nhận thấy rõ hơn ai hết, phải không? Nói thì dễ mà hành thật khó, cho nên ta bớt nói lại để dành thì giờ hành thiền nhiều hơn. Như vậy mới là người biết thương mình, mới có thể đối chất được với Diêm vương.

Nói một cách bình thường, trong giai đoạn chúng ta có mặt đây, từ ngày sanh ra cho tới ngày rời khỏi trần thế này. Trong khoảng đó ta không gây hấn, không làm trở ngại ai, mà chỉ lo việc của mình, gầy dựng được thể bình ôn và tạo được duyên gần gũi hỗ trợ huynh đệ chung quanh. Trước nhất là các huynh đệ cùng xuất gia, cùng sống, cùng ăn cùng ở với mình, nhắc nhở động viên thể nào để tất cả đều tăng tiến trên con đường giác ngộ giải thoát. Bằng đạo tình chân thật, bằng đạo đức tu hành, chúng ta thể hiện tròn đầy, xứng đáng mình là người con Phật. Sống như vậy mới không hổ thẹn là người xuất gia tu hành.

Diêm thứ tư là, kẻ phàm phu mãi say đắm công danh, nhân ngã ngất trời nên cách xa bậc thánh nghìn trùng. Vì thế nói *Mặt thánh lòng phàm, thực cách nhãn vàn vàn thiên lý*. Thật ra thánh phàm chi cũng mày ngang mũi dọc y hệt nhau thôi, vì cùng một thể tánh. Nhưng do nghiệp thức sai biệt, nhân ngã che lấp nên có thánh phàm khác nhau. Phàm phu thì say đắm nhân ngã nên tạo nghiệp ngất trời. Bậc thánh hiểu rõ trần gian là huyễn mộng nên không mê đắm, không tạo nghiệp theo nó, thành ra các ngài giác ngộ giải thoát.

Đứng về thể tánh chân không mà nói, thật ra thánh phàm cũng mày ngang mũi dọc y nhau thôi. Bởi dù thánh hay phàm cũng là một con người, cũng mày ngang mũi dọc, nhưng khác nhau là ở bên trong. Bên trong giác sáng thanh tịnh là thánh, bên trong phiền não nhiễm ô, tạo nghiệp vô số, bị kéo lôi trong luân hồi sanh tử là phàm. Bây giờ chúng ta muốn thành thánh thì phải giác, chớ đừng có bất giác. Vậy muốn làm phàm làm thánh là tự mình, chớ không ai bắt cả. Do hiểu như vậy nên chúng ta vui và hy vọng rằng: Bây giờ dù mình chưa được giác hoàn toàn, nhưng biết rõ con đường của Thánh như thế, từng bước ta đi trên con đường Thánh, nhất định một ngày nào đó mình sẽ giác trọn vẹn và thành Thánh.

Trong từng tâm niệm, từng phút giây, tỉnh giác là thánh, bất giác là phàm. Kinh Lăng Nghiêm nói: chạy theo trần cảnh, quay lưng với giác ngộ là phàm phu sinh tử; bỏ cái lầm mê đó, sống lại với tánh giác viên trạch là giác

ngộ thành Phật. Giác hay là bất giác cũng nơi mình, thánh hay phàm cũng tự mình, chớ không phải ai khác bày ra cho chúng ta hết.

Đến bài kệ kết:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.

Dịch :

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,
Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.

Trong đây có từ “cư trần” tức là ở giữa đời này. *Ở đời vui đạo hãy tùy duyên*, nghĩa là ở giữa cuộc đời này sống được với đạo, vui với đạo thì tùy duyên. *Đói ăn mệt nghỉ* là đối với người đã thể nhập đạo. Chúng ta chưa thể nhập mà nói đói ăn mệt nghỉ thì coi chừng chưa đúng.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, người này nhận được gia bảo của mình, trong nhà có sẵn rồi nên khỏi tìm kiếm gì bên ngoài. Đó là người nhận được tánh giác sẵn có ngay nơi mình nên không chạy theo trần cảnh, không để mắc mưu bởi những hiện tượng sanh diệt nữa. Không tìm kiếm ở đây tức là không còn bị ràng buộc bởi các cảnh duyên, không chạy tìm Phật pháp lãng xăng bên ngoài.

Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên, người này đối cảnh hằng thấy hằng biết mà không có tính toán, không chạy theo cảnh, tâm cảnh như như nên an ổn tự tại, không cần phải hỏi tới thiên. Ví như ta thấy cái chuông đẹp rồi muốn nó thuộc về mình nên tìm cách lấy nó, đây là do tâm tham thành ra vướng mắc, tạo nghiệp. Ngược lại ta thấy cái chuông đẹp nhưng thấy chỉ thấy, không khởi thêm niệm gì, không muốn nó thuộc về mình nên không nghĩ nhớ đến nó, hướng là tìm cách lấy cho được, do đó tâm không vướng mắc, an ổn thanh nhàn.

Tâm không vướng mắc với trần thì tâm là tâm, mà trần là trần, hai thứ không dính nhau gọi là như như. Tâm không vướng mắc trần, trần cũng không vướng mắc tâm được dụ như hình ảnh con nọ bay qua đầm nước trong, bóng nó hiện trên mặt nước. Đầm nước trong không có ý lưu bóng con

nhận, con nhận cũng không cố ý để bóng lại trong đăm. Người tu thiền luôn quán niệm như vậy tức sẽ được giải thoát.

Cũng thế, địa vị, danh vọng, xe hơi, nhà lầu, tiền tài, tất cả các thứ nó có nói gì với mình đâu? Tự chúng ta thôi. Cái cây đang đứng đó, bỗng dung mình nói bộ dáng nó đẹp, rồi búng về làm của mình. Thế là cắt ngắn ở trên nhỏ nhỏ lại, uốn cong chính giữa, nhận bộ rễ dùn xuống gần chết cái cây, mà bảo như thế hay. Tự mình thôi, mình bày ra rồi mình cột trói lấy mình. Phật Tổ nói chúng sanh tạo ra những cái khuôn bằng sắt thép, bê tông rồi tự chôn vùi mình trong đó. Rõ ràng như vậy! Bây giờ muốn giác ngộ giải thoát thì tâm là tâm, cảnh là cảnh, cây là cây, đường là đường, nhà là nhà. Cây đứng bên đường nó muốn lên thế nào nó lên, muốn xanh thì xanh, muốn đỏ thì đỏ, ta không vướng mắc gì hết, như thế là tâm rộng rang.

Nhưng đâu có được, vừa thấy cảnh là ta sanh tâm rồi, vì vậy ngòi thiền hết năm này qua tháng nọ, hỏi đạo hỏi thiền, dùi mài, nghiên tâm nghĩa lý không biết trong bao nhiêu sách vở, rốt lại cũng chẳng biết thiền là cái gì? Ở đây, Tổ nhắc nhở *Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền*. Sống đúng như vậy là đủ rồi, là thiền rồi, còn tìm kiếm hỏi han nữa là dư, là không biết chút nào về thiền.

Chúng ta học qua mười hội trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo của vua Trần Nhân Tông rồi, rõ ràng yếu chỉ Tổ muốn dạy chúng ta là hãy sống với cái chân thật sẵn có ngay nơi mình, đừng làm chạy theo trần cảnh hư dối bên ngoài. Muốn thế, chúng ta phải thường tự xoay trở lại, dùng trí tuệ Bát-nhã chiếu soi xem cái gì hư cái gì thật nơi thân vô thường này, nhận cho ra cái không sanh diệt nằm trong cái sanh diệt. Từ đó chúng ta sống với cái thật, không theo cái giả, không vướng mắc cảnh duyên hư dối thì không còn phiền não nữa. Đó chính là giải thoát, là vui đạo ngay trong cõi đời.

Mong tất cả huynh đệ chúng ta sau khi học xong bài phú, mỗi vị tự có chỗ sống an ổn cho mình, đồng thời chia sẻ lại niềm an vui ấy đến với mọi người.

---o0o---

HẾT